

Số: 200 /QĐ-CNPĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ; các biểu mẫu hồ sơ thầu của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

Căn cứ Quyết định số 2647/QĐ-DKVN ngày 21/04/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3403/QĐ-DKVN ngày 23/05/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

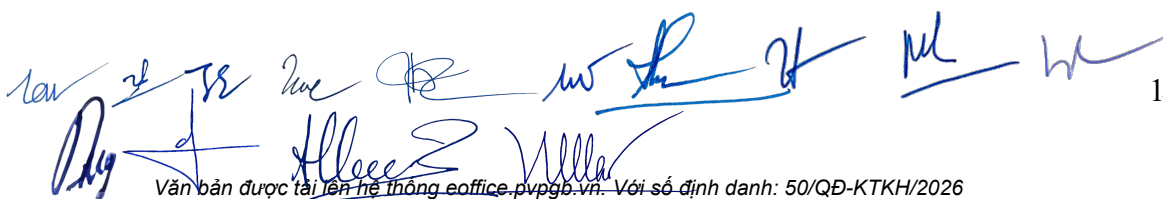
Căn cứ Quyết định số 4201/QĐ-DKVN ngày 27/6/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc điều chuyển, bàn giao Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 và Thái Bình 2 sang Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 7458/QĐ-DKVN ngày 10/11/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5420/QĐ-CNNL ngày 27/06/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc đổi tên Chi nhánh Phát điện Dầu khí;

Căn cứ điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 thông qua ngày 23/06/2023, Luật số 57/2024/QH15 thông qua ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 thông qua ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV;

Xét đề nghị của Liên Phòng Kinh tế kế hoạch, Thương mại, Kỹ thuật an toàn môi trường, Tổ chức hành chính, Tài chính kế toán và Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 tại Tờ trình số 15/2026/TTr-KTKH-TM-KTATMT-TCKT-TCHC&NMĐTB2-NMĐSH1 ngày 20/01/2026 về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ; các biểu mẫu hồ sơ thầu của Chi nhánh Phát điện Dầu khí.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ; các biểu mẫu hồ sơ thầu của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2026.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/05/2024 và Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các Ông/Bà: Phó Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng chuyên môn của Chi nhánh, Giám đốc các Nhà máy điện trực thuộc Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTKH, TM, KTATMT, TCHC, TCKT & NMĐ TB2, NMĐ SH1 (LTML).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Đạo

[Handwritten signatures and initials]



**QUY ĐỊNH MUA SẴM HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ; CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ
THẦU CỦA CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ –**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM

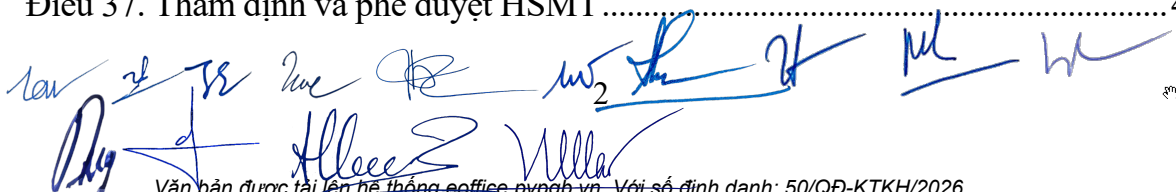
*(Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CNPĐ ngày 22/01/2026
của Giám đốc Chi nhánh Phát điện Dầu khí)*

MỤC LỤC

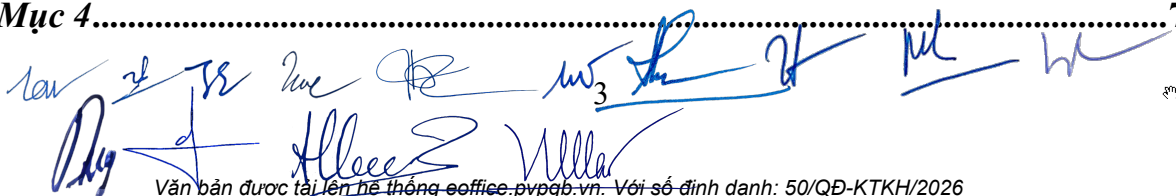
DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT.....	7
CHƯƠNG I.....	10
QUY ĐỊNH CHUNG.....	10
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	10
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	10
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	10
Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	14
Điều 4a. Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính	15
Điều 5. Điều kiện phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC.....	16
Điều 6. Cung cấp và đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu.....	16
Điều 7. Bảo đảm dự thầu.....	17
Điều 8. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.....	19
Điều 9. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu	21
Điều 10. Ngôn ngữ trong lựa chọn nhà thầu.....	21
Điều 11. Đồng tiền dự thầu.....	21
Điều 12. Các trường hợp hủy thầu.....	21
Điều 13. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQLCNT.....	22
Điều 14. Bảo mật trong lựa chọn nhà thầu.....	22
Điều 15. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong lựa chọn nhà thầu.....	22
Điều 16. Thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu	23
Điều 17. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	24
Điều 19. Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với TCG, TTD.....	24
Điều 20. Nội dung chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng.....	24
Điều 21. Tài liệu tham khảo liên quan	25
CHƯƠNG II.....	25

(Chữ ký và đóng dấu của các thành viên Ban Quản lý)

HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU	25
Điều 21a. Các hình thức lựa chọn nhà thầu	25
Điều 22. Đấu thầu rộng rãi	25
Điều 23. Đấu thầu hạn chế	25
Điều 24. Chỉ định thầu.....	26
Điều 25. Chào hàng cạnh tranh.....	27
Điều 25a. Chào giá trực tuyến	27
Điều 26. Mua sắm trực tiếp.....	28
Điều 27. Tự thực hiện.....	28
Điều 28. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.....	29
Điều 28a. Nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu	30
CHƯƠNG III	30
PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU	30
Điều 29. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.....	30
Điều 30. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ	31
CHƯƠNG IV	31
KẾ HOẠCH TỔNG THỂ MUA SẮM, ĐƠN HÀNG VÀ KẾ HOẠCH MUA SẮM	31
Điều 31. Kế hoạch tổng thể mua sắm.....	31
Điều 32. Đơn hàng.....	32
Điều 33. Kế hoạch mua sắm	34
Điều 33a. Đấu thầu trước	36
CHƯƠNG V	38
QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU.....	38
Mục 1.....	38
QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA THEO PHƯƠNG THỨC 1 GIAI ĐOẠN 01 TÚI HỒ SƠ.....	38
Điều 34. Quy trình tổng quát.....	38
Điều 35. Lựa chọn danh sách ngắn.....	38
Điều 36. Lập HSMT	40
Điều 37. Thẩm định và phê duyệt HSMT	45

Điều 38. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.....	45
Điều 39. Kiểm tra và đánh giá HSDT	49
Điều 40. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT	51
Điều 41. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.....	53
Điều 42. Tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng.....	53
Mục 2.....	54
QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA THEO PHƯƠNG THỨC 1 GIAI ĐOẠN 02 TÚI HỒ SƠ.....	54
Điều 43. Quy trình tổng quát.....	54
Điều 44. Lập HSMT	54
Điều 45. Thẩm định và phê duyệt HSMT	58
Điều 46. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.....	58
Điều 47. Kiểm tra và đánh giá HSDXKT	59
Điều 48. Mở HSDXTC	60
Điều 49. Kiểm tra, đánh giá HSDXTC	60
Điều 50. Thương thảo hợp đồng.....	61
Điều 51. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	63
Mục 3.....	63
QUY TRÌNH ĐẤU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN	63
Điều 52. Quy trình tổng quát (nhà thầu tư vấn là tổ chức).....	63
Điều 53. Lựa chọn danh sách ngắn (áp dụng đối với ĐTHC).....	63
Điều 54. Lập HSMT	64
Điều 55. Trình, thẩm định và phê duyệt HSMT	67
Điều 56. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.....	67
Điều 57. Thương thảo hợp đồng.....	68
Điều 58. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng	70
Điều 59. Quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn là cá nhân	70
Mục 4.....	72

QUY TRÌNH CHÀO HÀNG CẠNH TRANH, CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN, CHỈ ĐỊNH THẦU, MUA SẴM TRỰC TIẾP, TỰ THỰC HIỆN VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT.....72

Điều 60. Chào hàng cạnh tranh.....72

Điều 61a. Chào giá trực tuyến73

Điều 62. Chỉ định thầu theo quy trình thông thường.....75

Điều 63. Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn78

Điều 64. Quy trình mua sắm trực tiếp80

Điều 65. Quy trình tự thực hiện82

Điều 66. Quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.....82

Mục 5.....84

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG KHUNG VÀ CHÀO GIÁ GIỮA CÁC NHÀ THẦU ĐÃ KÝ HỢP ĐỒNG KHUNG, MUA SẴM TẬP TRUNG, MUA SẴM NHỎ LẺ, MUA SẴM TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN84

Điều 67. Quy trình lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng khung.....84

Điều 68. Quy trình chào giá giữa các nhà thầu đã ký hợp đồng khung không quy định đơn giá.....85

Điều 69. Quy trình mua sắm tập trung86

Điều 70. Quy trình mua sắm nhỏ lẻ.....86

CHƯƠNG VI87

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU87

Điều 72. Các loại hợp đồng.....87

Điều 73. Hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.....89

Điều 74. Sửa đổi hợp đồng.....90

Điều 75. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng.....92

Điều 76. Tạm ứng hợp đồng92

Điều 77. Nguyên tắc thanh toán đối với các loại hợp đồng.....93

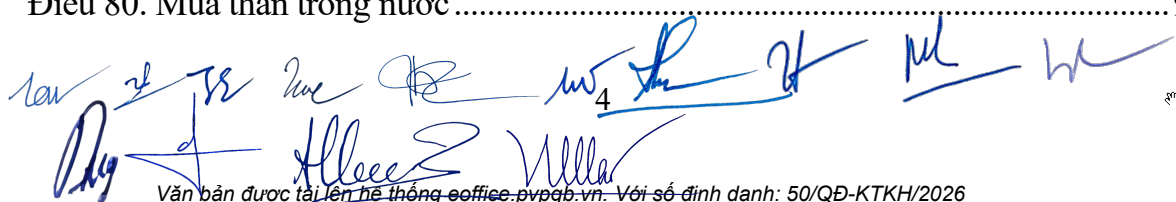
Điều 78. Thanh lý hợp đồng94

CHƯƠNG VII.....94

MUA SẴM NHIÊN LIỆU, ĐÁ VÔI, BẢO HIỂM RỦI RO TÀI SẢN.....94

Điều 79. Mua than nhập khẩu.....94

Điều 80. Mua than trong nước94

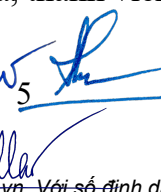




Điều 81. Mua đá vôi và dầu đốt.....	95
Điều 82. Mua bảo hiểm rủi ro trong quá trình vận hành Nhà máy điện	95
CHƯƠNG VIII	95
LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO LUẬT ĐẦU THẦU 2023.....	95
Điều 83. Lựa chọn nhà thầu theo Luật Đầu thầu 2023.....	95
CHƯƠNG IX	96
CÁC MẪU HỒ SƠ	96
Điều 84. Các mẫu hồ sơ trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.....	96
CHƯƠNG X.....	98
PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU	98
Điều 85. Trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh	98
Điều 86. Trách nhiệm của Giám đốc Nhà máy điện	99
Điều 87. Trách nhiệm của người có thẩm quyền.....	99
Điều 88. Trách nhiệm của tổ chuyên gia.....	100
Điều 89. Trách nhiệm của tổ thẩm định	101
Điều 90. Trách nhiệm của nhà thầu	101
Điều 91. Trách nhiệm của bộ phận lập đơn hàng	102
Điều 92. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện mua sắm	102
Điều 92a. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện thẩm định	103
Điều 93. Trách nhiệm của bộ phận đề xuất.....	103
CHƯƠNG XI	103
XỬ LÝ TÌNH HUỐNG, GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU.....	103
Điều 94. Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu	103
Điều 95. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu.....	104
CHƯƠNG XII.....	104
KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU.....	104
Mục 1.....	104
KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU	104
Điều 96. Trách nhiệm kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu.....	104
Điều 97. Trách nhiệm của đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra.....	104



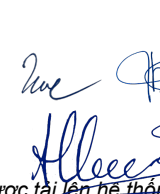





Điều 98. Trách nhiệm của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra	105
Điều 99. Nguyên tắc tổ chức kiểm tra	105
Điều 100. Hình thức kiểm tra	105
Điều 101. Phương thức kiểm tra	106
Điều 102. Thời gian kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu	106
Điều 103. Quy trình kiểm tra theo phương thức kiểm tra trực tiếp	107
Điều 104. Quy trình kiểm tra theo phương thức báo cáo bằng văn bản	108
Mục 2	109
GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU	109
Điều 105. Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu của Giám đốc Chi nhánh	109
Điều 106. Giám sát thường xuyên hoạt động lựa chọn nhà thầu của Cơ quan Chi nhánh	110
Mục 3	111
CÁC HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU	111
Điều 107. Các hành vi bị cấm trong lựa chọn nhà thầu	111
Điều 108. Xử lý vi phạm	113
CHƯƠNG XIII	114
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	114
Điều 109. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo	114
PHỤ LỤC 1	117
LƯU ĐỒ THỰC HIỆN CÁC BƯỚC LỰA CHỌN NHÀ THẦU	117
PHỤ LỤC 02	121
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU	121
PHỤ LỤC 03	123
TRÁCH NHIỆM CỦA BPLĐH (ĐIỀU 91), BPMS (ĐIỀU 92), BPTĐ (ĐIỀU 92a), BPĐX (ĐIỀU 93) ĐƯỢC TỔNG HỢP NHƯ DƯỚI DÂY	123



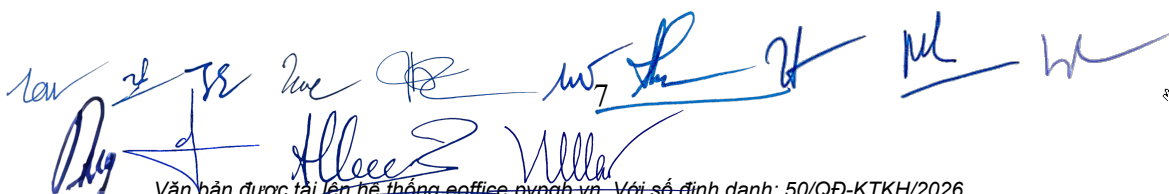








DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

- Luật số 22/2023/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23/6/2023 Luật đấu thầu;
 - Luật số 57/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;
 - Luật số 90/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế GTGT, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công.
- + Luật Đấu thầu 2023
- + Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
số 24/2024/NĐ-CP
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- + Nghị định số 214/2025/NĐ-CP
số 214/2025/NĐ-CP
Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
- + Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
<https://muasamcong.mpi.gov.vn>
- + Quy chế tài chính của Chi nhánh
Quy chế tài chính của Chi nhánh Phát điện Dầu khí được ban hành kèm theo Quyết định số 7458/QĐ-DKVN ngày 10/11/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam
- + Phòng TM
Phòng Thương mại
- + Phòng KTKH
Phòng Kinh tế kế hoạch
- + Phòng KHTC
Phòng Kế hoạch tài chính
- + Phòng KTATMT
Phòng Kỹ thuật – An toàn – Môi trường
- + Phòng TCHC
Phòng Tổ chức hành chính

+ QĐMS

Quy định lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh Phát điện Dầu khí; kèm theo các biểu mẫu hồ sơ thầu

+ Các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu

Được giải thích tại khoản 19 Điều 3 của QĐMS

+ Chi nhánh

Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

+ Nhà máy điện

Được giải thích tại khoản 12 Điều 3 của QĐMS

+ Cơ quan Chi nhánh

Gồm Giám đốc Chi nhánh, các Phó Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng Chi nhánh và các phòng/ban chuyên môn được quy định tại Điều 1 của Quyết định số 60/QĐ-CNPĐ ngày 30/6/2023, Quyết định số 316/QĐ-CNPĐ ngày 8/3/2024, Điều 1 của Quyết định số 2056/QĐ-CNPĐ ngày 18/11/2024 của Giám đốc Chi nhánh về việc thành lập và ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các phòng thuộc Chi nhánh Phát điện Dầu khí và các phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện Sông Hậu 1 và Thái Bình 2

+ ĐTRR

Đấu thầu rộng rãi

+ ĐTHC

Đấu thầu hạn chế

+ CHCT

Chào hàng cạnh tranh

+ MSTT

Mua sắm trực tiếp

+ CGTTTT

Chào giá trực tuyến thông thường

+ CGTTRG

Chào giá trực tuyến rút gọn

+ CĐTTT

Chỉ định thầu theo quy trình thông thường

+ CĐTRG

Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn

+ TTH

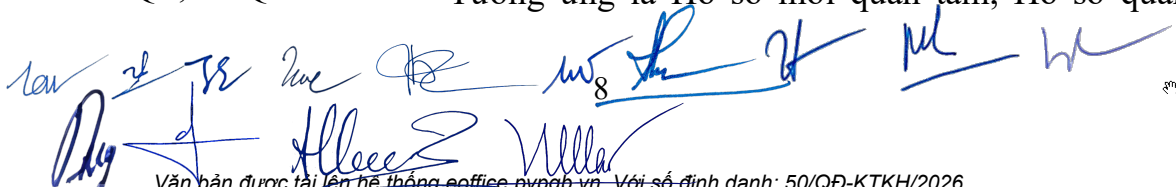
Tự thực hiện

+ LCNTCA

Lựa chọn nhà thầu là cá nhân

+ HSMQT, HSQT

Tương ứng là Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ quan



	tâm
+ HSMST, HSDST	Tương ứng là Hồ sơ mời sơ tuyển, Hồ sơ dự sơ tuyển
+ HSMT, HSDT	Tương ứng là Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ dự thầu
+ HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
+ HSDXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
+ HSYC, HSDX	Tương ứng là Hồ sơ yêu cầu, Hồ sơ đề xuất
+ KHMS	Kế hoạch mua sắm
+ KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
+ LCNTKHĐK	Lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng khung
+ CG NTĐKHĐK	Chào giá giữa các nhà thầu đã ký hợp đồng khung
+ O&M	Vận hành và bảo dưỡng (Operations & Maintenance)
+ BPĐX	Bộ phận đề xuất
+ BPLĐH	Bộ phận lập đơn hàng
+ BPMS	Bộ phận thực hiện mua sắm
+ TCG	Tổ chuyên gia
+ TTĐ	Tổ thẩm định
+ BPTĐ	Bộ phận thực hiện thẩm định
+ TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá
+ PVN	Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam



CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. QĐMS này quy định về lựa chọn nhà thầu để ký kết hợp đồng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ (bao gồm dịch vụ tư vấn và dịch vụ phi tư vấn) để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh trên cơ sở quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu 2023 bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

2. QĐMS này không áp dụng đối với việc lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 của Luật Đấu thầu 2023.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Giám đốc Chi nhánh, các Phó Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng Chi nhánh, Giám đốc các Nhà máy điện, Phó Giám đốc các Nhà máy điện.

2. Các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, các phòng/phân xưởng thuộc các Nhà máy điện và các cá nhân có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu thuộc Điều 1 của QĐMS.

3. Các nhà thầu tham dự thầu các gói thầu thuộc Điều 1 của QĐMS.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong QĐMS này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chủ đầu tư*: là Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

3. *Người có thẩm quyền*: là Giám đốc Chi nhánh hoặc người được Giám đốc Chi nhánh phân cấp, ủy quyền theo quy định tại Điều 85, 86 của QĐMS. Người có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 87 của QĐMS.

4. *TCG*: là tổ do Giám đốc Chi nhánh/Giám đốc Nhà máy điện quyết định thành lập theo đề xuất của Phòng TCHC đầu mối cùng với các phòng/ban chuyên môn/phân xưởng (nếu có) để giúp việc cho người có thẩm quyền lựa chọn nhà thầu. TCG thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 88 của QĐMS.

5. *TTĐ*: là tổ do Giám đốc Chi nhánh/Giám đốc Nhà máy điện quyết định thành lập theo đề xuất của Phòng TCHC đầu mối cùng với các phòng/ban chuyên môn/phân xưởng (nếu có) để thực hiện công tác thẩm định. TTĐ thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 89 của QĐMS.

6. *Bộ phận đề xuất*: là phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc Nhà máy điện hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện có trách nhiệm đề xuất nhu cầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh. BPĐX thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 93 của QĐMS.

10

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

7. *Bộ phận lập đơn hàng*: là phòng/ban chuyên môn hoặc liên phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện có trách nhiệm lập đơn hàng căn cứ trên phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng hoặc phạm vi công việc đã được Phòng KTATMT/Phòng phụ trách lĩnh vực rà soát, được Giám đốc/Phó Giám đốc theo phân công xem xét phê duyệt/chấp thuận. BPLĐH thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 91 của QĐMS.

8. *Bộ phận thực hiện mua sắm*: là phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện thực hiện trách nhiệm TCG đối với các gói thầu mà người có thẩm quyền không thành lập TCG. BPMS thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 92 của QĐMS.

8a. *Bộ phận thực hiện thẩm định*: là phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện thực hiện trách nhiệm TTĐ đối với các gói thầu mà người có thẩm quyền không thành lập TTĐ. BPTĐ thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 92a của QĐMS.

9. *Hội đồng thành viên PVN*: là Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

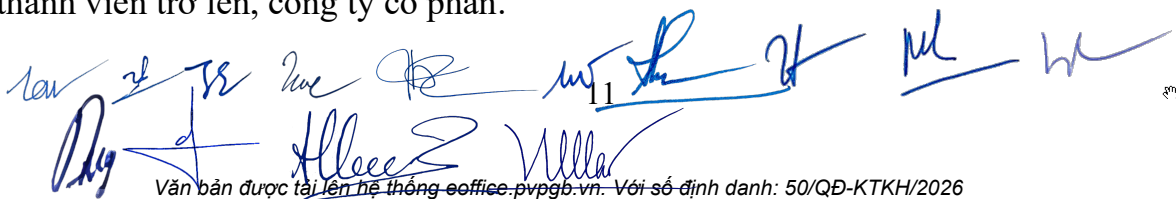
10. *Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam*: (gọi tắt là PVN) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển PVN thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; và Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 09/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

11. *Chi nhánh*: là Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2647/QĐ-DKVN ngày 21/4/2023 của Hội đồng Thành viên PVN; Quyết định số 5420/QĐ-CNNL ngày 27/6/2025 của HĐTV Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc đổi tên Chi nhánh Phát điện Dầu khí.

12. *Nhà máy điện*: là các nhà máy điện của PVN giao cho Chi nhánh quản lý, khai thác bao gồm Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và các nhà máy điện khác được PVN giao cho Chi nhánh quản lý, khai thác.

13. *Công ty con của PVN*: (doanh nghiệp cấp II) là các công ty có vốn góp của PVN và do PVN nắm giữ quyền chi phối. Công ty con được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, tổng công ty theo hình thức công ty mẹ - công ty con, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

14. *Công ty con của doanh nghiệp cấp II*: (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp III) là doanh nghiệp có vốn góp của công ty con của PVN và do công ty con của PVN nắm giữ quyền chi phối. Doanh nghiệp cấp III được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.





15. *Doanh nghiệp thành viên của PVN*: là các doanh nghiệp do PVN hoặc công ty con của PVN sở hữu 100% vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối, hoặc giữ quyền chi phối.

16. *Đơn vị trực thuộc PVN*: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo và các đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu của PVN. Danh sách các đơn vị trực thuộc PVN được ghi tại phụ lục ban hành kèm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và được thay đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động.

17. *Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ*: theo quy định quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của Chi nhánh.

17a. *Hồ sơ kế hoạch sửa chữa định kỳ*: theo quy định quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của Chi nhánh.

18. *Bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên*: theo quy định quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của Chi nhánh.

19. *Các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu bao gồm*: cung cấp và đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu; KHMS; HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC; danh sách ngắn; nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu; kết quả đánh giá HSĐXKT, KQLCNT.

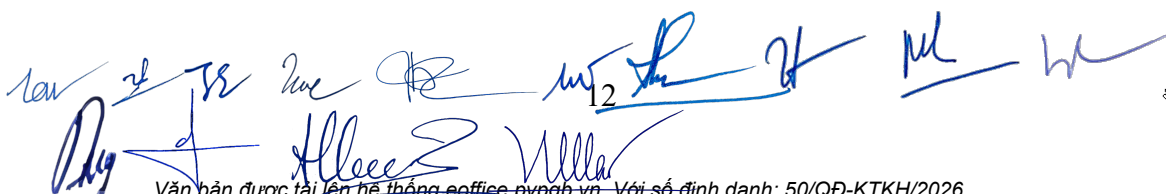
19a. *Chào giá trực tuyến*: là một quá trình lặp lại nhiều lần việc nhà thầu sử dụng phương tiện điện tử để đưa ra mức giá mới hoặc giá trị mới cho yếu tố ngoài giá có thể định lượng được theo các tiêu chuẩn đánh giá trong HSMT (đối với CGTTTT)/thông báo mời thầu (đối với CGTTTRG) để làm cơ sở cho việc xếp hạng lại HSDT (đối với CGTTTT)/xếp hạng nhà thầu (đối với CGTTTRG) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

19b. *Cơ quan có thẩm quyền*: là cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, cơ quan chủ sở hữu của Chi nhánh.

20. *Dịch vụ*: bao gồm dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn.

21. *Dịch vụ tư vấn*: là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn thu xếp tài chính; tư vấn kiểm toán; đào tạo chuyển giao công nghệ; và các dịch vụ tư vấn khác.

22. *Dịch vụ phi tư vấn*: là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, chạy thử nghiệm thu, nghiên cứu, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; trồng và quản lý chăm sóc cây xanh; truyền thông; cấp điện, chiếu sáng; thu gom, phân loại, xử lý chất thải, nước thải, giàn giáo, bảo ôn, sơn dậm; thuê phương tiện vận tải; kiểm định, hiệu chuẩn; cải tạo, sửa chữa, lắp đặt trang thiết bị, nội ngoại thất trụ sở làm việc và khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành; cải tạo, sửa chữa, bảo trì các hạng mục xây dựng, các hệ thống máy móc/thiết bị trong Nhà máy điện; tổ chức đào tạo; và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn được quy định tại khoản 21 Điều này.

23. *Hàng hóa*: là máy móc, công cụ dụng cụ, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; hóa chất; phần mềm thương mại; các hàng hóa khác.

24. *Đấu thầu*: là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thông qua các hình thức lựa chọn nhà thầu được quy định tại QĐMS.

25. *Đấu thầu qua mạng*: là việc sử dụng hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh (<https://pvpvgb.vn>) để thực hiện đầy đủ các nội dung sau: đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu; nộp HSDST, HSDT, HSDX dưới dạng file scan; mở thầu.

26. *Đấu thầu quốc tế*: là hoạt động lựa chọn nhà thầu mà nhà thầu trong nước và nhà thầu nước ngoài được tham dự thầu.

27. *Đấu thầu trong nước*: là hoạt động lựa chọn nhà thầu chỉ có nhà thầu trong nước được tham dự thầu.

28. *Đơn hàng*: gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 của QĐMS.

29. *Gói thầu*: trên cơ sở đơn hàng sẽ hình thành gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu trong KHMS. Gói thầu có thể bao gồm 1 phần hoặc toàn bộ 1 đơn hàng hoặc nhiều hơn 1 đơn hàng (gồm các phần tương tự nhau từ nhiều đơn hàng); 1 đơn hàng cũng có thể có nhiều gói thầu.

29a. *Giá đề nghị trúng thầu*: là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của HSMT, HSYC, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

29b. *Giá trúng thầu*: là giá được ghi trong quyết định phê duyệt KQLCNT nhà thầu.

30. *HSDT, HSDX*: là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho chủ đầu tư theo yêu cầu của HSMT, HSYC.

31. *HSYC*: là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị HSDX và nộp cho chủ đầu tư.

32. *HSMT*: là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức ĐTRR, ĐTHC, CHCT bao gồm các yêu cầu cho một gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị HSDT và nộp cho chủ đầu tư.

33. *HSMQT, HSMST*: là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức ĐTRR để lựa chọn danh sách ngắn nhà thầu ký hợp đồng khung bao gồm các yêu cầu cho một gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị HSQT, HSDST và nộp cho chủ đầu tư.

34. *HSQT, HSDST*: là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho chủ đầu tư theo yêu cầu của HSMQT, HSMST.

37. *Kế hoạch hoạt động*: là kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm hoặc từng thời kỳ của Chi nhánh được Tổng giám đốc PVN phê duyệt hoặc kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm hoặc từng thời kỳ hoặc bảo dưỡng sửa chữa định kỳ của Nhà máy điện được Giám đốc Chi nhánh phê duyệt.

13

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpvgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



38. *Kế hoạch tổng thể mua sắm*: là kế hoạch tổng thể phân chia các gói thầu/hạng mục mua sắm trong năm hoặc từng thời kỳ của Chi nhánh/Nhà máy điện để thực hiện kế hoạch hoạt động bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

39. *Kế hoạch mua sắm*: là căn cứ để thực hiện các quy trình lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 33 của QĐMS.

41. *Nhà thầu*: là tổ chức, cá nhân hoặc kết hợp giữa các tổ chức hoặc giữa các cá nhân với nhau theo hình thức liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Trường hợp liên danh, trong thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi công việc của gói thầu.

42. *Nhà thầu trong nước*: là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân có quốc tịch Việt Nam tham dự thầu.

43. *Nhà thầu nước ngoài*: là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài tham dự thầu.

44. *Nhà sản xuất gốc*: là nhà sản xuất có tên trên nameplate gắn trên phụ tùng, thiết bị hiện hữu của Nhà máy điện và/hoặc có tên trong tài liệu O&M của Nhà máy điện.

Điều 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với nhà thầu trong nước: có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với nhà thầu nước ngoài: có đăng ký, hoạt động theo pháp luật nước ngoài;

b) Hạch toán tài chính độc lập, trừ các trường hợp là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam;

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

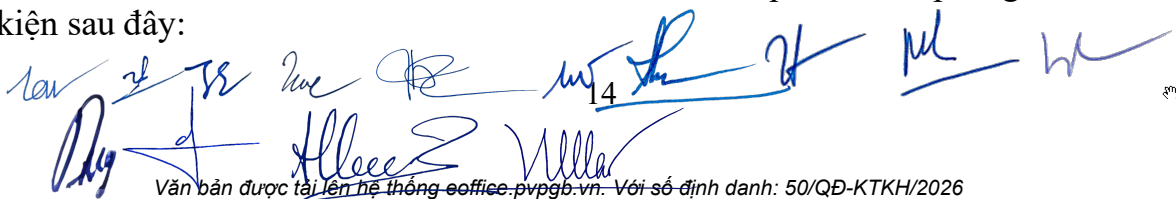
d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của Giám đốc Chi nhánh, Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc PVN;

đ) Có tên trong danh sách ngắn (đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn);

e) Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính theo quy định tại Điều 4a của QĐMS;

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

14



a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e khoản 1 trên.

3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật mà cá nhân đó là công dân;

b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Nhà thầu có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh.

Điều 4a. Bảo đảm độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính

1. Nhà thầu nộp HSQT, HSDST phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Nhà thầu tư vấn lập HSMQT, HSMST, quản lý dự án, giám sát cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế cho gói thầu đó;

b) Nhà thầu tư vấn đánh giá HSQT, HSDST cho gói thầu đó;

c) Nhà thầu tư vấn thẩm định kết quả đánh giá HSQT, thẩm định kết quả đánh giá HSDST cho gói thầu đó;

d) Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam.

2. Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

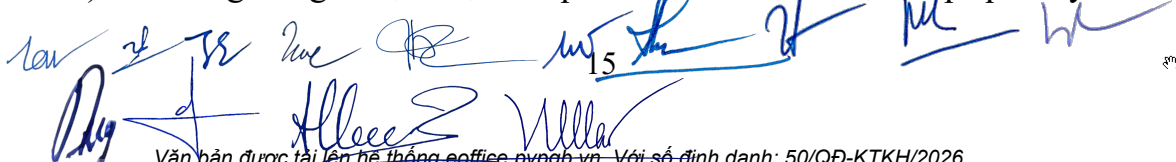
a) Các nhà thầu tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn lập, thẩm định HSMST cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn đánh giá HSDT, HSDX cho gói thầu đó; nhà thầu tư vấn thẩm định KQLCNT gói thầu đó;

b) Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với ĐTHC.

3. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhau.

4. Nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với



đơn vị sự nghiệp công lập, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam;

b) Nhà thầu với chủ đầu tư không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam;

c) Nhà thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với ĐTHC, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị trực thuộc PVN hoặc công ty con của PVN hoặc doanh nghiệp thành viên của PVN hoặc công ty con của doanh nghiệp cấp II theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng quốc gia Việt Nam;

d) Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này.

4a. Đối với gói thầu hỗn hợp, nhà thầu tham dự thầu và nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng thể, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể), báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp không lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể theo quy định của pháp luật về xây dựng) không được có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Điều 5. Điều kiện phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC

HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, TBMT đối với CGTTRG của gói thầu được phát hành khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. KHMS được phê duyệt, không bắt buộc đối với các trường hợp quy định tại khoản 1.1 Điều 24 của QĐMS.

2. HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, TBMT đối với CGTTRG được phê duyệt.

3. Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu đã được đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS.

4. Danh sách ngắn đã được phê duyệt đối với ĐTHC/CG NTĐKHĐK, nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu đối với CĐTTC/CĐTRG.

Điều 6. Cung cấp và đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu

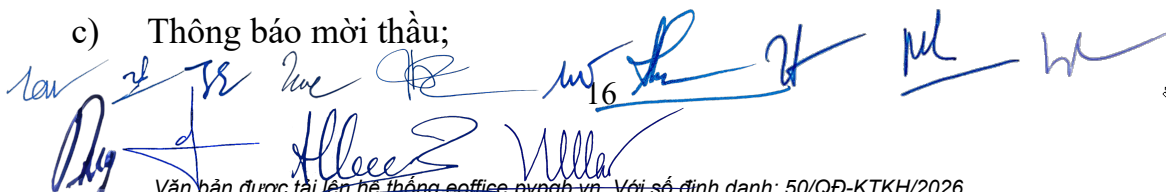
1. Các thông tin về lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) KHMS;

b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;

c) Thông báo mời thầu;

16



- d) Danh sách ngắn;
- đ) HSMQT, HSMST, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ này (nếu có);
- e) Kết quả mở thầu;
- g) Kết quả đánh giá HSDXKT, KQLCNT;
- h) Thông tin xử lý vi phạm về lựa chọn nhà thầu;
- i) Thông tin khác có liên quan.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này (trừ gói thầu có chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, CĐTRG, mua sắm nhỏ lẻ, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, TTH, CG NTĐKHĐK) trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia¹ nếu đủ điều kiện và/hoặc trên trang web chính thức của Chi nhánh chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành.

Trong thông báo đăng tải các thông tin quy định tại Điều này cần thể hiện rõ nguồn vốn sử dụng cho gói thầu (là nguồn vốn sản xuất kinh doanh) và việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu đó được thực hiện theo QĐMS.

3. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, các thông tin gồm thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, danh sách ngắn phải bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với HSMQT, HSMST, HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ này (nếu có) phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh.

4. Tổ chức, cá nhân cung cấp, đăng tải thông tin quy định tại Điều này chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, PVN về tính chính xác và trung thực của các thông tin đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh và tính thống nhất giữa tài liệu đăng tải với tài liệu đã được phê duyệt.

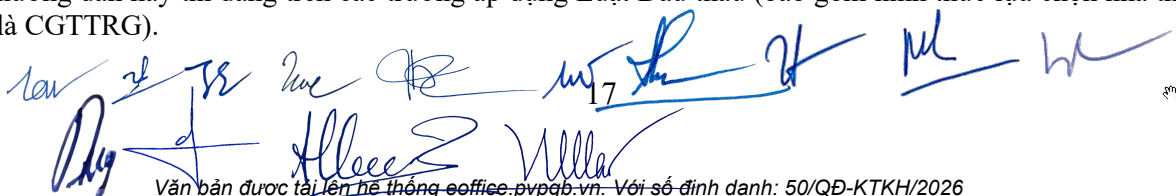
5. QĐMS và các văn bản sửa đổi QĐMS được đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh.

Điều 7. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham dự thầu nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm dự thầu trong thời gian xác định theo yêu cầu của HSMT:

- a) Đặt cọc;

¹ Đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hướng dẫn sau: đăng tải KHMS tại Thông tin chung của KHLCNT vào trường “Phân loại KHLCNT: Khác”; tại Thông tin gói thầu vào trường “Quy trình áp dụng: Khác (bao gồm ADB/WB không qua mạng/Áp dụng các điều khoản điểm cụ thể của Luật Đấu thầu), “Phân loại nguồn vốn: Khác””, trường hợp bất khả kháng không thể đăng tải theo hướng dẫn này thì đăng trên các trường áp dụng Luật Đấu thầu (bao gồm hình thức lựa chọn nhà thầu là CGTTRG).

b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

2. Bảo đảm dự thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

ĐTRR, ĐTHC, CHCT đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn.

3. Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định của HSMT.

4. Căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu cụ thể, mức bảo đảm dự thầu trong HSMT được quy định như sau:

a) Từ 1% đến 1,5% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng;

b) Trên 1,5% đến 3% giá gói thầu áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu trên 10 tỷ đồng.

5. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong HSMT và bằng thời gian có hiệu lực của HSDT cộng thêm 30 ngày.

6. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT sau thời điểm đóng thầu, chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi tất cả nội dung trong HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSDT sẽ không còn giá trị và bị loại; chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được văn bản từ chối gia hạn.

7. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

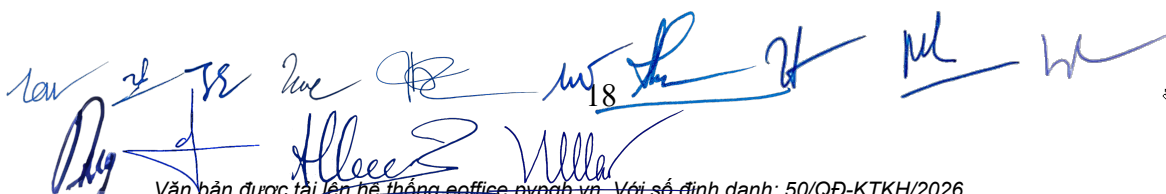
8. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMT nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày KQLCNT được phê duyệt. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi nhà thầu đã thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

9. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu rút HSDT hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

b) Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định của tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến phải hủy thầu;

18



c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Nhà thầu đã ký hợp đồng nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định HSMT.

10. Trường hợp nhà thầu vi phạm theo quy định tại khoản 9 Điều này dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu thì việc quản lý, sử dụng khoản thu từ bảo đảm dự thầu thực hiện theo Quy chế tài chính của Chi nhánh.

Điều 8. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:

a) Thời gian chuẩn bị HSDST tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Thời gian chuẩn bị HSDT đối với ĐTRR, ĐTHC tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế; đối với gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng thì thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 07 ngày đối với đấu thầu trong nước;

Thời gian chuẩn bị HSDST tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

c) Thời gian chuẩn bị HSDT đối với CHCT tối thiểu là 09 ngày kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

d) Trường hợp gói thầu đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu quy định tại Điều 24 của QĐMS nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức ĐTRR, CHCT, CGTT để lựa chọn nhà thầu thì thời gian chuẩn bị HSDT tối thiểu là 05 ngày kể từ ngày đầu tiên HSMT được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu. Việc sửa đổi HSMT trong trường hợp này được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 02 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu;

đ) Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 07 ngày (đối với ĐTRR) hoặc 04 ngày (đối với CHCT) trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng việc sửa đổi HSMT

19

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Việc sửa HSMQT, HSMST, HSYC được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. HSMQT, HSMST, HSMT được phát hành đồng thời với thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu.

3. Đối với đấu thầu trong nước thời gian đánh giá HSDST tối đa là 20 ngày, HSDX tối đa là 30 ngày, HSDT tối đa là 45 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày TCG trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT. Đối với đấu thầu quốc tế thời gian đánh giá HSDST tối đa là 30 ngày, HSDX tối đa là 40 ngày, HSDT tối đa là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày TCG trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá HSDT, HSDX nhưng không quá 20 ngày và phải bảo đảm tiến độ thực hiện gói thầu và phải báo cáo người có thẩm quyền về lý do thời gian bị kéo dài.

Thời gian thực hiện đối với mua sắm trực tiếp tối đa là 30 ngày kể từ ngày phát hành hồ sơ yêu cầu đến ngày TCG/BPMS trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Người có thẩm quyền quyết định thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất trên cơ sở quy mô, tính chất từng gói thầu nhưng phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện mua sắm trực tiếp không quá 30 ngày.

Thời gian thực hiện chỉ định thầu theo quy trình thông thường tối đa là 30 ngày kể từ ngày phát hành HSYC đến ngày TCG trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT. Thời gian thực hiện chỉ định thầu theo quy trình rút gọn tối đa là 15 ngày kể từ ngày gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu để thương thảo đến ngày TCG trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT.

Thời gian đánh giá các hồ sơ lý lịch khoa học tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ lý lịch khoa học đến thời điểm TCG trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân.

4. Thời gian thẩm định tối đa là 10 ngày cho từng nội dung thẩm định: đơn hàng, KHMS, HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, kết quả đánh giá HSDXKT, KQLCNT kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình.

5. Thời gian phê duyệt đơn hàng, KHMS, HSMST, HSMT, HSYC tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt của TCG kèm theo báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

6. Thời gian phê duyệt hoặc có ý kiến xử lý về kết quả đánh giá HSDXKT, KQLCNT tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT, KQLCNT của TCG/BPMS kèm theo báo cáo thẩm định trong trường hợp có yêu cầu thẩm định.

7. Thời gian có hiệu lực của HSDST, HSDT, HSDX tối đa là 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp gói thầu quy mô lớn, phức tạp thời gian có hiệu lực của HSDST, HSDT, HSDX tối đa là 210 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDST, HSDT, HSDX nhưng phải bảo đảm tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ và phải báo cáo lý do với người có thẩm quyền.

20

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Điều 9. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu

1. Đối với đấu thầu trong nước HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trên trang web chính thức của Chi nhánh.
2. Đối với đấu thầu quốc tế HSMQT, HSMST, HSMT được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trên trang web chính thức của Chi nhánh; nhà thầu nộp tiền mua bản điện tử HSMQT, HSMST, HSMT khi nộp HSQT, HSDST, HSDT theo giá bán quy định trong thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu.
3. Chi nhánh chịu chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà thầu.
4. Nhà thầu chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị HSDST, HSDT, HSDX, tham dự thầu, chi phí giải quyết kiến nghị (nếu có).

Điều 10. Ngôn ngữ trong lựa chọn nhà thầu

1. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt (trường hợp nhiều từ chuyên ngành nếu dịch ra tiếng Việt không rõ nghĩa, có thể dùng tiếng Anh).
2. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC là tiếng Việt và tiếng Anh thì nhà thầu được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để tham dự thầu.

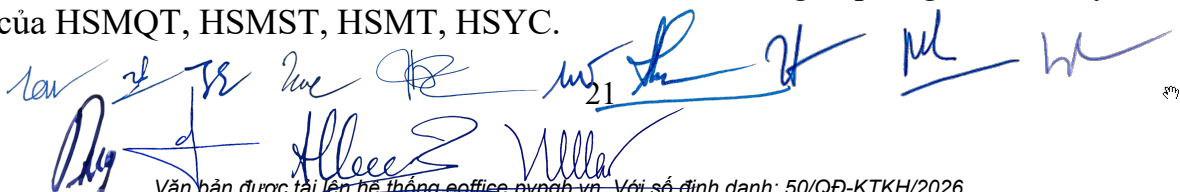
Điều 11. Đồng tiền dự thầu

1. Đối với đấu thầu trong nước, nhà thầu chỉ được chào thầu bằng Đồng Việt Nam.
2. Đối với đấu thầu quốc tế:
 - a) Trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC phải quy định về đồng tiền dự thầu trong HSQT, HSDST, HSDT, HSDX nhưng không quá 03 loại tiền tệ;
 - b) Trường hợp HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC quy định nhà thầu được chào thầu bằng 02 hoặc 03 loại tiền tệ thì phải quy định quy đổi về 01 loại tiền tệ; trường hợp trong số các đồng tiền đó có Đồng Việt Nam thì phải quy định quy đổi về Đồng Việt Nam. Trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC phải quy định về đồng tiền quy đổi, thời điểm và căn cứ xác định tỷ giá quy đổi;
 - c) Đối với chi phí trong nước liên quan đến việc thực hiện gói thầu, nhà thầu phải chào thầu bằng Đồng Việt Nam;
 - d) Đối với chi phí ở nước ngoài liên quan đến việc thực hiện gói thầu, nhà thầu được chào thầu bằng đồng tiền nước ngoài và/hoặc Đồng Việt Nam.

Điều 12. Các trường hợp hủy thầu

Người có thẩm quyền được hủy thầu khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1. Tất cả HSQT, HSDST, HSDT, HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC.


21



2. Khi không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc khi thay đổi tính chất, phạm vi sử dụng đối với gói thầu dịch vụ; hoặc khi thay đổi đặc tính/thông số kỹ thuật của hàng hóa do đặc tính/thông số kỹ thuật trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.

3. Nội dung HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC không tuân thủ quy định của QĐMS hoặc đặc tính/thông số kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/dịch vụ nêu trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC không nhất quán dẫn đến nhà thầu không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.

4. Tất cả các nhà thầu tham dự thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS.

5. Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 107 của QĐMS dẫn đến sai lệch KQLCNT.

6. Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33a của QĐMS.

Hủy thầu được thực hiện trong thời gian từ ngày phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC đến trước khi ký kết hợp đồng.

Điều 13. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQLCNT

1. Khi có bằng chứng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu có hành vi quy định tại Điều 107 hoặc hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế hoặc làm sai lệch KQLCNT thì người có thẩm quyền thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây:

a) Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động lựa chọn nhà thầu nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cho đến trước khi phê duyệt KQLCNT;

b) Không công nhận KQLCNT được thực hiện sau khi đã phê duyệt KQLCNT và trong quá trình thực hiện hợp đồng;

c) Xử lý vi phạm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 108 của QĐMS.

2. Văn bản đình chỉ, không công nhận KQLCNT phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm về đấu thầu.

Điều 14. Bảo mật trong lựa chọn nhà thầu

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu phải tuyệt đối đảm bảo bí mật, không được tiết lộ các tài liệu, thông tin liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu bao gồm: HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC trước thời điểm phát hành; HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; các yêu cầu làm rõ HSQT, HSDST, HSDT, HSDX và văn bản làm rõ của nhà thầu; các báo cáo trong quá trình lựa chọn nhà thầu; KQLCNT trước khi được người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT. Các tài liệu, thông tin nêu trong mục này không còn bảo mật sau khi người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT. Tổ chức, cá nhân vi phạm QĐMS sẽ phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định tại Điều 108 của QĐMS, quy định của PVN và của pháp luật.

Điều 15. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong lựa chọn nhà thầu

BPLDH lưu trữ hồ sơ đơn hàng và các tài liệu liên quan. BPMS lưu trữ hồ sơ

22

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



liên quan từ bước KHMS đến khi kết thúc quá trình lựa chọn nhà thầu và hợp đồng:

1. Trường hợp đấu thầu không qua mạng, HSDXTC của các nhà thầu không vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi áp dụng phương thức 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ được trả lại nguyên trạng trực tiếp cho nhà thầu tại trụ sở của chủ đầu tư theo thời hạn sau đây:

a) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu;

b) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa: được thực hiện khi hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà thầu không được lựa chọn hoặc khi đăng tải KQLCNT.

2. Khi hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà nhà thầu không đến nhận lại HSDXTC của mình thì chủ đầu tư thực hiện hủy hồ sơ với điều kiện bảo đảm thông tin không bị tiết lộ.

3. Trường hợp hủy thầu, hồ sơ liên quan được lưu trữ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày văn bản phê duyệt KQLCNT hoặc văn bản quyết định hủy thầu được ban hành.

4. Hồ sơ quyết toán và tài liệu liên quan đến nhà thầu trúng thầu của gói thầu được lưu trữ theo quy định của Chi nhánh và pháp luật về lưu trữ.

5. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được lưu trữ trong thời hạn tối thiểu là 05 năm kể từ ngày quyết toán hợp đồng, trừ hồ sơ quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này.

6. Quy định lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Quy định lưu trữ hồ sơ thầu tại Chi nhánh ban hành theo quyết định riêng.

Điều 16. Thẩm định các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu

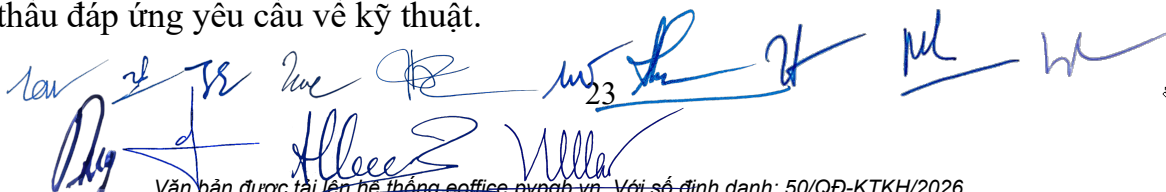
1. Thẩm định đơn hàng (không phải thẩm định đối với mua sắm nhỏ lẻ; CĐTRG đối với gói thầu quy định tại khoản 1.1 Điều 24 của QĐMS; lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt). Đối với các đơn hàng được lập trên cơ sở báo cáo kinh tế kỹ thuật/báo cáo nghiên cứu khả thi/hồ sơ sửa chữa định kỳ đã được chủ đầu tư phê duyệt thì không bắt buộc phải thẩm định đơn hàng.

1a. Thẩm định KHMS (chỉ áp dụng đối với CĐTĐT có giá gói thầu lớn hơn 750 triệu đồng, MSTT có giá gói thầu lớn hơn 2,5 tỷ đồng).

2. Thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC trước khi trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt (không phải thẩm định đối với MSTT, Thông báo mời thầu đối với CGTTTT, CGTTRG).

3. Thẩm định kết quả đánh giá HSQT, HSDST, kết quả đánh giá HSDXKT, KQLCNT trước khi phê duyệt (không phải thẩm định đối với KQLCNT của gói thầu áp dụng quy trình CĐTRG, LCNTCA, mua sắm nhỏ lẻ, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, CGTTRG, MSTT).

4. Không phải thẩm định danh sách xếp hạng nhà thầu. Đối với gói thầu áp dụng phương thức 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ không phải thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.


23



5. Trước khi ký báo cáo thẩm định, TTĐ/BPTĐ có thể tổ chức họp giữa các bên để làm rõ một số nội dung thẩm định nếu thấy cần thiết.

6. Thẩm định các nội dung tại khoản 1, 2 và 3 Điều này: BPMS, TCG gửi hồ sơ trực tiếp đến TTĐ/BPTĐ để thẩm định gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt: đơn hàng (nếu có yêu cầu), KHMS (nếu có yêu cầu), HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, báo cáo kết quả đánh giá HSQT, HSDST, HSDXKT, HSDT, HSDX nếu có yêu cầu; biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) và bản chụp các hồ sơ/tài liệu liên quan. TTĐ/BPTĐ chủ trì, phối hợp với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện (nếu cần thiết) thực hiện thẩm định trên cơ sở phù hợp với QĐMS và nội dung thẩm định tham khảo/vận dụng quy định tại Điều 128 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP, Điều 135, Điều 136 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP và gửi báo cáo thẩm định cho người có thẩm quyền và đồng thời chuyển một bản sao báo cáo thẩm định cho BPLĐH/BPMS/TCG. Trên cơ sở báo cáo thẩm định, BPMS/TCG hoàn thiện lại hồ sơ đề nghị phê duyệt nếu có sửa đổi và trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt (kèm theo báo cáo thẩm định nếu có yêu cầu thẩm định).

7. Thẩm định các nội dung khác ngoài khoản 1, 2 và 3 Điều này: TTĐ/BPTĐ thực hiện theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

Điều 17. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

Không áp dụng.

Điều 19. Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với TCG, TTĐ

1. Thành viên TCG, TTĐ phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

- a) Đã tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lựa chọn nhà thầu do Chi nhánh tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên;
- c) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. Các cá nhân chưa tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lựa chọn nhà thầu của Chi nhánh, nhưng đã có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu (theo Luật Đấu thầu 2023) hoặc chứng chỉ hành nghề đấu thầu/chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính có thể xem xét đề xuất là thành viên TCG, TTĐ trong thời gian không quá 12 tháng.

3. Đối với cá nhân được tuyển dụng vào Chi nhánh sau thời điểm Chi nhánh tổ chức đào tạo, thì giao cho Giám đốc Nhà máy điện tự tổ chức đào tạo nội bộ cho những cá nhân này theo chương trình khung quy định tại Phụ lục 02 của QĐMS và gửi báo cáo kết quả đào tạo sau khi kết thúc đào tạo cho Giám đốc Chi nhánh.

Điều 20. Nội dung chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng:

24

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



a) Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lựa chọn nhà thầu bao gồm đầy đủ các nội dung theo chương trình khung được quy định tại Phụ lục 02 của QĐMS. Trên cơ sở chương trình khung, Phòng đầu mối được Giám đốc Chi nhánh giao chủ trì có thể điều chỉnh nội dung đào tạo cho phù hợp với yêu cầu trong hoạt động lựa chọn nhà thầu của từng đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng;

b) Thời lượng của mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về QĐMS cho thành viên TCG, TTĐ tối thiểu là 01 ngày, tương đương 8 tiết học (mỗi tiết 45 phút).

2. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo hình thức tập trung hoặc bán tập trung, từ xa.

Điều 21. Tài liệu tham khảo liên quan

1. Quyết định số 1944/QĐ-DKVN ngày 27/3/2024 của Hội đồng thành viên PVN về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý đấu thầu của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế quyết định này nếu có.

2. Luật Đấu thầu 2023 (gồm Luật số 22/2023/QH15, Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15); Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính; Thông tư 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính.

3. Các quy định khác liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và PVN.

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 21a. Các hình thức lựa chọn nhà thầu

1. Đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh, đấu thầu hạn chế, chào giá trực tuyến.

2. Chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, mua sắm trực tiếp.

3. Tự thực hiện.

Điều 22. Đấu thầu rộng rãi

ĐTRR là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự.

ĐTRR được áp dụng đối với tất cả các gói thầu. Đối với các trường hợp quy định tại các Điều 23, 24, 25, 25a, 26, 27 và 28 của QĐMS người có thẩm quyền được phép áp dụng đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu.

Điều 23. Đấu thầu hạn chế

ĐTHC là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu được mời tham dự thầu, áp dụng trong trường hợp gói thầu có

25

yêu cầu đặc thù về kỹ thuật.

Điều 24. Chỉ định thầu

1. Chỉ định thầu có thể xem xét áp dụng đối với các gói thầu thuộc một trong các trường hợp sau:

1.1 Các gói thầu có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp, gồm:

- a) Gói thầu cần triển khai nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ chủ quyền quốc gia;
- b) Gói thầu cần triển khai/ký hợp đồng/đặt hàng ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của Nhà máy/cộng đồng dân cư trên địa bàn;
- c) Gói thầu phải thực hiện ngay theo quy định/yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền;
- d) Gói thầu để phục vụ các hạng mục công việc mà nếu không thực hiện ngay thì sẽ hoặc có nguy cơ sẽ:
 - Gây ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn con người, môi trường và các hệ thống/thiết bị của Nhà máy điện;
 - Kéo dài thời gian sửa chữa của tổ máy/Nhà máy điện khi đang trong thời gian thực hiện sửa chữa định kỳ;
 - Làm suy giảm công suất/hiệu suất, mất tính dự phòng/độ khả dụng của các hệ thống thiết bị của tổ máy/Nhà máy điện, làm gián đoạn/ngừng hoạt động sản xuất điện của tổ máy/Nhà máy điện;
 - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Cơ quan Chi nhánh, Nhà máy điện;
 - Ảnh hưởng đến việc cứu trợ, hỗ trợ, xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc do sự kiện bất khả kháng khác;
 - Gây ra rủi ro tiềm ẩn cho an toàn con người, môi trường và các hệ thống/thiết bị của Nhà máy điện;
 - Dẫn đến vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước.

1.3 Gói thầu thuộc hạn mức áp dụng chỉ định thầu:

- a) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 500 (năm trăm) triệu đồng;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 01 (một) tỷ đồng;

1.4 Gói thầu có yêu cầu, điều kiện đặc thù về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, công nghệ, thị trường cung ứng, gồm:

- a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ chỉ do một cơ sở sản xuất hoặc cung cấp;
- b) Gói thầu:

26

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



- Cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; hoặc

- Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn mà không thể mua được từ nhà thầu khác hoặc hãng sản xuất khác do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các hàng hóa, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành, bảo trì dẫn tới phải mua từ:

- + Nhà thầu đã thực hiện trước đó; hoặc
- + Hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất.

c) Gói thầu mua bản quyền sở hữu trí tuệ; gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm;

d) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng;

đ) Gói thầu dịch vụ thuê trực tiếp chuyên gia của nhà sản xuất gốc.

1.5 Gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

2 Chỉ định thầu được thực hiện theo 01 trong 02 quy trình sau đây:

a) Gói thầu nêu tại các khoản 1.1, 1.3 và các điểm a, b, d khoản 1.4 Điều này có thể thực hiện theo quy trình rút gọn quy định tại Điều 63 của QĐMS;

b) Gói thầu nêu tại các điểm c, d khoản 1.4 và khoản 1.5 Điều này thực hiện theo quy trình thông thường quy định tại Điều 62 của QĐMS.

Điều 25. Chào hàng cạnh tranh

1. Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với các gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng.

2. Chào hàng cạnh tranh được thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 60 của QĐMS.

Điều 25a. Chào giá trực tuyến

1. Chào giá trực tuyến bao gồm chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường và chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.

2. Chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
- b) Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng; có sự cạnh



tranh giữa các nhà cung cấp; tiêu chuẩn đánh giá quan trọng nhất là giá, không có hoặc ít có yếu tố tác động của chi phí vòng đời;

c) Nhóm hàng hóa, dịch vụ có thể áp dụng chào giá trực tuyến bao gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng cơ bản (quặng sắt, cốt liệu đường, vật liệu xây dựng, ống đồng và các nguyên liệu khác); thiết bị công nghệ thông tin đã được chuẩn hóa gồm máy tính, hộp mực, các modem và các thiết bị khác; giấy in, giấy photocopy, vật tư đơn giản, bóng đèn; mua quyền sử dụng phần mềm thương mại; năng lượng, than hoặc khí đốt; hóa chất; dịch vụ vận chuyển; dịch vụ vệ sinh; dịch vụ bảo trì; các hàng hóa, dịch vụ khác đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn được áp dụng trong một hoặc các trường hợp sau đây:

a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng;

c) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn phải mua của hãng sản xuất cụ thể để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành, bảo trì của hãng sản xuất mà không thể mua của hãng sản xuất khác và có nhiều nhà thầu có khả năng cung cấp.

Điều 26. Mua sắm trực tiếp

1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự trong Chi nhánh và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Nhà thầu đã trúng thầu thông qua ĐTRR hoặc ĐTHC hoặc CHCT và đã ký hợp đồng trước đó;

b) Chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các loại hàng hóa thuộc gói thầu và khối lượng từng hàng hóa nhỏ hơn 130% so với khối lượng hàng hóa tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm (nếu có);

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm hoàn thiện hợp đồng;

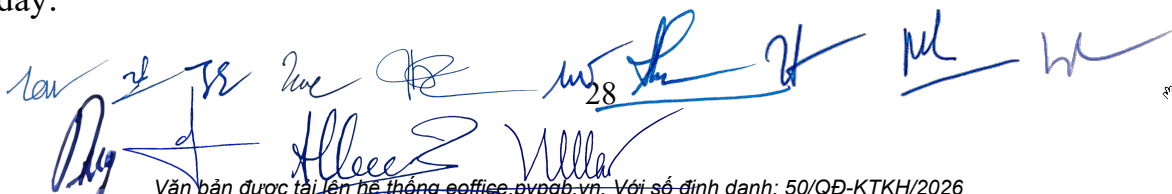
d) Thời gian từ khi ký hợp đồng trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng.

2. Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo HSMT và KQLCNT trước đó.

Điều 27. Tự thực hiện

1. TTH được áp dụng đối với các gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

28



a) Phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Chi nhánh;

b) Có năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu;

c) Có phương án khả thi huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu.

2. Người có thẩm quyền giao cho Nhà máy điện trực tiếp TTH hoặc phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh trực tiếp TTH hoặc phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện trực tiếp TTH .

3. Bộ phận trực tiếp thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc trên 500 triệu đồng tính trên giá trị công việc quy định tại thỏa thuận giao việc, văn bản giao việc

Điều 28. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với các gói thầu không thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 25a 26, và 27 của QĐMS, bao gồm:

1. Gói thầu đào tạo, gồm:

a) Gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành điện bao gồm công tác biên soạn giáo trình được giao cho các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo trực thuộc PVN có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn phù hợp thực hiện;

b) Gói thầu đào tạo chuyên sâu cho người lao động của Chi nhánh do cơ sở đào tạo nước ngoài trực tiếp thực hiện tại nước ngoài; gói thầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù cho người lao động của Chi nhánh do cần thiết phải mời cơ quan, đơn vị có thẩm quyền hoặc có chức năng, nhiệm vụ đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền giao.

1a. Gói thầu cung cấp dịch vụ tổ chức các hội nghị, hội thảo, đại hội, tập huấn (phục vụ ăn, nghỉ, đi lại cho đại biểu; trang thiết bị, thuê hội trường, phòng họp và các dịch vụ liên quan) có yêu cầu phải bố trí địa điểm ăn, nghỉ tập trung cho đại biểu.

1b. Gói thầu khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên.

1c. Gói thầu cung cấp dịch vụ nấu ăn, ăn ca và phục vụ nhà ăn cho cán bộ công nhân viên ngày thường và dịp bảo dưỡng sửa chữa định kỳ.

2. Gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế, cung cấp dịch vụ hậu cần ở nước ngoài phục vụ cán bộ công nhân viên đi công tác.

3. Gói thầu thẩm định giá, tư vấn xác định giá tài sản liên quan đến các vụ việc, vụ án hình sự cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

4. Gói thầu mua thẻ quà tặng, phiếu mua hàng của đơn vị phát hành hoặc đơn vị được ủy quyền phát hành thẻ quà tặng, phiếu mua hàng với mệnh giá ghi trên thẻ quà tặng, phiếu mua hàng.

29

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



5. Gói thầu mua sắm các chủng loại hàng hóa, dịch vụ có giá bán thống nhất do Nhà nước quy định (như: điện, nước, nhiên liệu xăng, dầu cho phương tiện vận chuyển, phí vệ sinh môi trường và các dịch vụ tương tự khác), cước điện thoại, bảo trì hệ thống tổng đài điện thoại cố định; mua sắm ấn phẩm báo chí thường xuyên phục vụ yêu cầu của Chi nhánh có giá bán do các tòa soạn báo quy định.

6. Các gói thầu cung cấp dịch vụ cần cam kết lâu dài với nhà thầu (nhiều hơn 01 năm) như: nước uống; bảo trợ truyền thông; dịch vụ chuyển phát tài liệu, thuê đường truyền, nhà trạm; thuê hạ tầng kỹ thuật; thuê phần mềm; thuê tên miền, máy chủ và dịch vụ lưu trữ dữ liệu điện tử; dịch vụ hỗ trợ bảo hành; vận hành hệ thống phần cứng, phần mềm; dịch vụ hỗ trợ người dùng (call center); thuê account sử dụng dữ liệu thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường ngày của Chi nhánh; bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động của Chi nhánh; và các hàng hóa, dịch vụ khác có tính chất tương tự.

7. Gói thầu cung cấp dịch vụ pháp lý phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh, bao gồm cả các dịch vụ pháp lý do Chi nhánh thuê tuyển để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chính phủ và Chi nhánh.

8. Các gói thầu có điều kiện đặc thù, riêng biệt khác do người có thẩm quyền quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu để phù hợp với tiến độ và tính chất của từng gói thầu.

Điều 28a. Nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu

1. Người có thẩm quyền áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 21a của QĐMS trong các trường hợp và đáp ứng điều kiện quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 25a, 26, 27 và 28 của QĐMS.

2. Trường hợp gói thầu đáp ứng điều kiện áp dụng của một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 2, 3 Điều 21a của QĐMS nhưng người có thẩm quyền quyết định không áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu này thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều 21a của QĐMS mà không phải tuân thủ điều kiện của hình thức lựa chọn nhà thầu tương ứng.

3. Gói thầu đáp ứng điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu CGTTRG nhưng người có thẩm quyền quyết định không áp dụng các hình thức này thì được áp dụng hình thức ĐTRR hoặc CHCT quy định tại Điều 22 và Điều 25 của QĐMS.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 29. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Chỉ định thầu theo quy trình thông thường;
- b) Chào hàng cạnh tranh; chào giá trực tuyến

30

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



c) Mua sắm trực tiếp;
d) ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của QĐMS.

2. Nhà thầu nộp HSDT, HSDX gồm HSDXKT và HSDXTC theo yêu cầu của HSMT, HSYC.

3. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ HSDT, HSDX.

Điều 30. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ

1. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;

b) ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa đòi hỏi kỹ thuật cao/đặc thù/tính chất phức tạp hoặc phục vụ bảo dưỡng sửa chữa (trung tu, đại tu) các thiết bị chính/quan trọng của Nhà máy điện hoặc các gói thầu khác được quyết định bởi người có thẩm quyền.

2. Nhà thầu nộp đồng thời HSDXKT và HSDXTC riêng biệt theo yêu cầu của HSMT.

3. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. HSDXKT sẽ được mở ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở HSDXTC để đánh giá.

CHƯƠNG IV

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ MUA SẮM, ĐƠN HÀNG VÀ KẾ HOẠCH MUA SẮM

Điều 31. Kế hoạch tổng thể mua sắm

1. Căn cứ lập kế hoạch tổng thể mua sắm:

a) Kế hoạch hoạt động năm đã trình Giám đốc Chi nhánh/PVN;

b) Tờ trình của Nhà máy điện đối với các gói thầu phục vụ riêng cho Nhà máy điện và/hoặc phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh đối với các gói thầu phục vụ khối Cơ quan Chi nhánh, dùng chung cho toàn Chi nhánh.

2. Nội dung kế hoạch tổng thể mua sắm của các Nhà máy điện:

a) Danh mục các gói thầu/hạng mục mua sắm hàng hóa, dịch vụ (bao gồm tóm tắt công việc chính nếu có) và dự phòng phát sinh gói thầu (nếu có);

b) Thời gian dự kiến tổ chức lựa chọn (nếu có);

c) Giá trị dự kiến gói thầu/hạng mục phù hợp với kế hoạch hoạt động;

d) Nguồn vốn thực hiện từng gói thầu/hạng mục trong kế hoạch hoạt động;

đ) Danh mục các gói thầu/hạng mục phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Nhà máy điện phê duyệt đơn hàng, tổ chức thực hiện và quyết định toàn bộ Các nội



dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng;

e) Danh mục các gói thầu/hạng mục mà Giám đốc Chi nhánh phê duyệt đơn hàng, tổ chức thực hiện và quyết định toàn bộ Các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng (bao gồm cả phụ lục bổ sung hợp đồng, nếu có).

2a. Nội dung kế hoạch tổng thể mua sắm năm cho khối Cơ quan Chi nhánh (bao gồm các gói phục vụ hoạt động của Cơ quan Chi nhánh và một số gói phục vụ chung cho toàn Chi nhánh) sẽ không bao gồm nội dung quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều này.

2b. Nguyên tắc phân chia gói thầu:

Việc phân chia gói thầu căn cứ theo quy mô, tính chất các công việc, theo tiến độ thực hiện và căn cứ kết quả phân tích, tham vấn thị trường; xác định số lượng gói thầu và phạm vi công việc của mỗi gói thầu, xác định các gói thầu chia thành nhiều phần.

4. Phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm:

a) Căn cứ phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm:

- Kế hoạch hoạt động được duyệt/tạm giao.

b) Phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm

Phòng KTKH chủ trì phối hợp với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh và các Nhà máy điện (hoặc tổ được Giám đốc Chi nhánh thành lập để kiểm tra, rà soát) báo cáo các Phó Giám đốc Chi nhánh xem xét chấp thuận để trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, phê duyệt.

c) Trường hợp kế hoạch tổng thể mua sắm chưa liệt kê cụ thể danh mục các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, Giám đốc Nhà máy điện có trách nhiệm trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm cho bảo dưỡng sửa chữa định kỳ. Kế hoạch tổng thể mua sắm bảo dưỡng sửa chữa định kỳ bao gồm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Trách nhiệm lập kế hoạch tổng thể mua sắm

Trước 15 tháng 8 năm N (năm hiện tại), Giám đốc Nhà máy điện chịu trách nhiệm lập và trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, quyết định kế hoạch tổng thể mua sắm dự kiến cho năm N+1 (trong đó bao gồm cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ cho các năm N+2 và N+3 nếu có) trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm của Nhà máy điện đã trình Giám đốc Chi nhánh.

Điều 32. Đơn hàng

1. Căn cứ lập đơn hàng

BPLĐH thực hiện lập đơn hàng dựa trên căn cứ sau:

- Phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ từ BPĐX (Mẫu số 1A) trong đó ghi rõ: mục đích sử dụng; tình trạng thực tế máy móc thiết bị; khối lượng

32

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



cần sử dụng; mã chuẩn hóa vật tư theo quy định của Chi nhánh; thời điểm cần sử dụng hàng hóa, dịch vụ ;

- Xác nhận khối lượng hàng hóa tồn kho đối với các Phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng hàng hóa và khối lượng cần mua sắm bổ sung của bộ phận quản lý kho (Mẫu số 1A);

- Đối với việc lập đơn hàng để lựa chọn nhà thầu các gói thầu có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp quy định tại khoản 1.1 Điều 24 của QĐMS phải có thêm Biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật có xác nhận của Giám đốc /Phó Giám đốc theo phân công.

2. Nội dung đơn hàng:

BPLĐH chủ trì lập đơn hàng, bao gồm các nội dung sau:

a) Phạm vi công việc bao gồm mã chuẩn hóa vật tư, dịch vụ; khối lượng/số lượng; thông số kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật, điều khoản tham chiếu đối với dịch vụ tư vấn; và các nội dung cần thiết khác, kèm theo các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có);

b) Dự toán đơn hàng;

c) Nguồn vốn (ghi phù hợp với kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt)

d) Thời điểm cần sử dụng hàng hóa, dịch vụ; và thời gian hoàn thành cung cấp toàn bộ hàng hóa, dịch vụ;

Nội dung Tờ trình đề nghị phê duyệt đơn hàng của BPLĐH phải bao gồm nội dung giải trình chi tiết các nội dung nêu tại khoản này.

3. Nguyên tắc lập dự toán đơn hàng

Dự toán đơn hàng được lập trên nguyên tắc theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán hoặc có hướng dẫn về định mức, đơn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh...);

b) Bộ định mức bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện của Chi nhánh ban hành;

c) Nội dung và phạm vi công việc, số lượng chuyên gia, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, mức lương chuyên gia theo quy định của pháp luật (nếu có) và các yếu tố khác;

d) Bộ định mức bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành;

đ) Bộ định mức bảo dưỡng sửa chữa của các nhà máy điện tương tự khác đã ban hành: áp dụng đối với công tác bảo dưỡng sửa chữa đã có trong bộ định mức công bố nêu tại các điểm a, b, d khoản này nhưng chưa phù hợp với biện pháp, điều kiện thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật của Nhà máy điện hoặc không có trong bộ định mức được công bố nêu tại các điểm a, b, d khoản này. Trường hợp lập dự toán theo nguyên tắc này thì bắt buộc phải áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là ĐTRR, CHCT qua mạng.

e) Trường hợp không áp dụng được theo các nguyên tắc nêu trên thì dự toán

33

đơn hàng được lập trên cơ sở khối lượng/số lượng nhân với đơn giá của hàng hóa, dịch vụ. Đơn giá hàng hóa, dịch vụ được xác định theo một hoặc các cách sau:

- Đơn giá hàng hóa, dịch vụ của KQLCNT hoặc hợp đồng do Chi nhánh ký kết (đã và đang thực hiện) trong vòng 12 tháng trước ngày trình đơn hàng (có cùng chủng loại với hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm trong đơn hàng), trong đó xem xét điều chỉnh đơn giá theo chỉ số giá tiêu dùng do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố có xét đến trượt tỷ giá đối với hàng hóa nhập khẩu (nếu cần) tại thời điểm lập đơn hàng. Trường hợp trong thời gian 12 tháng trước ngày trình đơn hàng mà không có KQLCNT/hợp đồng của hàng hóa, dịch vụ tương tự thì có thể xác định trên cơ sở KQLCNT/hợp đồng của hàng hóa tương tự của các năm trước đó, trong đó có thể điều chỉnh kết quả này theo chỉ số giá tiêu dùng do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố có xét đến trượt tỷ giá đối với hàng hóa nhập khẩu (nếu cần) tại thời điểm lập đơn hàng. Tờ trình đề nghị phê duyệt đơn hàng của BPLĐH cần đính kèm các tài liệu về danh sách KQLCNT của hàng hóa, dịch vụ tương tự trích xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu có) và/hoặc hợp đồng của hàng hóa, dịch vụ tương tự trước đó;

- Tối thiểu 3 báo giá hàng hóa, dịch vụ của các nhà thầu khác nhau tại thời điểm gần nhất tối đa không quá 90 ngày trước ngày trình đơn hàng (trường hợp ít hơn 03 báo giá BPLĐH phải có báo cáo giải trình với người có thẩm quyền). Tùy từng trường hợp, thời điểm cụ thể BPLĐH có thể sử dụng báo giá thấp nhất hoặc lấy giá trung bình của các báo giá. Trường hợp CĐT, mua sắm nhỏ lẻ, CHCT không qua mạng thì sử dụng báo giá thấp nhất của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về tiến độ, kỹ thuật...;

- Giá niêm yết của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, đại lý, nhà phân phối, nhà cung ứng;

- Giá kê khai theo quy định của pháp luật.

4. Thẩm định đơn hàng (nếu có yêu cầu):

Tùy theo quy mô, yêu cầu công việc, tính chất của đơn hàng, TTĐ/BPTĐ tổ chức thẩm định phạm vi công việc, dự toán đơn hàng để làm cơ sở phê duyệt đơn hàng.

5. Phê duyệt đơn hàng:

Trên cơ sở tờ trình đề nghị phê duyệt của BPLĐH và báo cáo thẩm định đơn hàng (nếu có), Giám đốc Chi nhánh/Giám đốc Nhà máy điện/Người được ủy quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 33. Kế hoạch mua sắm

1. Lập và trình phê duyệt KHMS:

Trên cơ sở đơn hàng sẽ hình thành gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu trong KHMS, TCG lập KHMS trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. KHMS bao gồm những thông tin sau:

a) Mã hiệu gói thầu:

Ghi mã hiệu gói thầu tham chiếu cụ thể gói thầu này thuộc gói thầu/hạng mục

34

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



mua sắm nào trong kế hoạch tổng thể mua sắm năm đã được phê duyệt.

b) Tên gói thầu:

Tên gói thầu phải thể hiện nội dung mua sắm cơ bản (hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn), tính chất, phạm vi công việc cơ bản của gói thầu. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần (lô) riêng biệt thì tên gói thầu cần thể hiện các nội dung này của từng phần (lô) đó.

c) Giá gói thầu:

Giá gói thầu bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, bao gồm cả phí, lệ phí và thuế. Giá gói thầu được xác định theo dự toán đơn hàng (hoặc các đơn hàng) đã được phê duyệt. Trong thời hạn 28 ngày trước thời điểm mở thầu, nếu thấy cần thiết thì TCG trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt điều chỉnh giá gói thầu.

Đối với gói thầu chia phần (lô) thì ghi rõ giá gói thầu và giá ước tính cho từng phần (lô) trong gói thầu.

Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, giá gói thầu không bao gồm giá trị của khối lượng tùy chọn mua thêm.

d) Nguồn vốn:

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. Trường hợp đấu thầu trước phải ghi dự kiến nguồn vốn trong kế hoạch hoạt động năm chưa được duyệt. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở giá trị trong kế hoạch hoạt động năm hiện tại đã được duyệt và dự kiến giá trị trong kế hoạch hoạt động các năm tiếp theo.

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu trong nước hoặc quốc tế; áp dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng (ghi rõ theo 1 trong các hình thức sau: ĐTRR qua mạng, hoặc ĐTRR không qua mạng, hoặc ĐTHC, hoặc CĐTTC, hoặc CĐTGR, hoặc CHCT qua mạng, CHCT không qua mạng, hoặc CGTTTT hoặc CGTTGR, hoặc MSTT, hoặc TTH, hoặc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt).

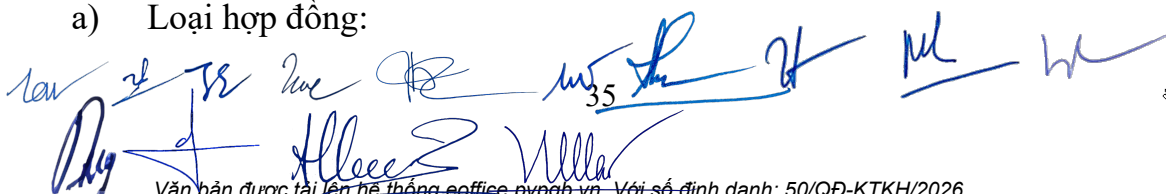
Đối với gói thầu áp dụng hình thức CĐTGR, TTH, CGTTGR, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thì không ghi nội dung này ở mục phương thức lựa chọn nhà thầu.

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn:

Phải nêu rõ thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC đến ngày phê duyệt KQLCNT, bao gồm cả thời gian thẩm định. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu là thời điểm phát hành HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm.

a) Loại hợp đồng:

35



Phải xác định cụ thể loại hợp đồng theo quy định tại Điều 72 của QĐMS.

g) Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), hoàn thành cung cấp dịch vụ. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có).

Lưu ý: Thời gian thực hiện hợp đồng là thời gian thực hiện gói thầu nếu đăng tải KHMS lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

h) Tùy chọn mua thêm (nếu có):

Tùy chọn mua thêm là khả năng mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng.

Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, KHMS phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm.

Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: Nhà thầu đã trúng thầu thông qua ĐTRR, CHCT qua mạng, CGTT; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá trước thuế VAT của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá trước thuế VAT của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng trước khi áp dụng mua thêm.

i) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu (nếu có);

k) Danh sách ngăn các nhà thầu/nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu có thể nêu trong KHMS hoặc trong văn bản phê duyệt riêng.

2. Thẩm định KHMS (nếu có yêu cầu):

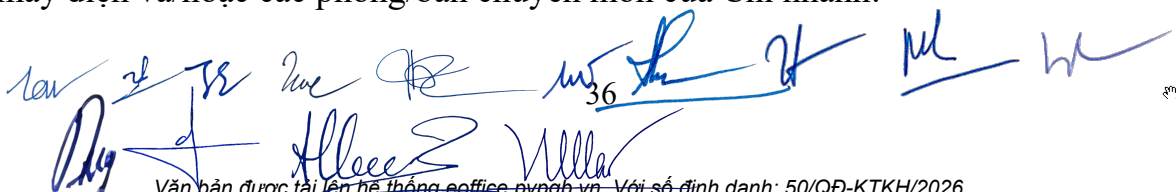
TCG/BPMS gửi KHMS trực tiếp tới TTĐ/BPTĐ để thực hiện thẩm định. TTĐ/BPTĐ thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của QĐMS và gửi báo cáo thẩm định cho TCG/BPMS. Trên cơ sở báo cáo thẩm định, TCG/BPMS hoàn thiện lại KHMS (nếu chỉnh sửa) hoặc báo cáo giải trình ý kiến thẩm định nếu không chỉnh sửa và trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Phê duyệt KHMS:

Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt KHMS trên cơ sở tờ trình đề nghị phê duyệt của TCG/BPMS và báo cáo thẩm định KHMS (nếu có yêu cầu) hoặc báo cáo giải trình ý kiến thẩm định (nếu có).

Điều 33a. Đấu thầu trước

1. Đấu thầu trước là việc thực hiện trước các thủ tục lựa chọn nhà thầu trước khi kế hoạch tổng thể mua sắm được duyệt nhằm mục đích đảm bảo tiến độ cung cấp hàng hóa, dịch vụ đáp ứng yêu cầu công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và được Giám đốc Chi nhánh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Nhà máy điện và/hoặc các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh.


Vấn bản được tải lên hệ thống e-office.pvppg.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



2. Gói thầu có thể thực hiện đấu thầu trước là mua sắm hàng hóa đã xác định rõ phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật; gói thầu cung cấp dịch vụ phải thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; gói thầu có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp quy định tại khoản 1.1 Điều 24 của QĐMS.

3. Đối với gói thầu quy định tại khoản 2 Điều này, các thủ tục được thực hiện trước khi kế hoạch tổng thể mua sắm được duyệt theo các bước của quy trình lựa chọn nhà thầu quy định trong Chương V của QĐMS.

Việc ký kết hợp đồng chỉ được thực hiện sau khi kế hoạch tổng thể mua sắm được phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận của Giám đốc Chi nhánh.

4. Đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu quy định tại Điều 7 của QĐMS nhưng phải cam kết trong HSQT, HSDST, HSDT, HSDX về trách nhiệm tham dự thầu.

5. HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC phải xác định rõ trách nhiệm của nhà thầu và Chi nhánh trong việc thực hiện đấu thầu trước theo quy định tại Điều này.

6. Trường hợp kế hoạch tổng thể mua sắm được phê duyệt nhưng không có hạng mục công việc này và kế hoạch hoạt động năm không thể bố trí nguồn vốn khác thì người có thẩm quyền hủy thầu và không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. Các hoạt động quy định tại Điều này được thực hiện theo quy trình, thủ tục quy định tại QĐMS.

37

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



CHƯƠNG V

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Các bước thực hiện từ xây dựng kế hoạch tổng thể mua sắm, đơn hàng và KHMS và tổ chức lựa chọn nhà thầu được tóm tắt tại Phụ lục 1 của QĐMS.

Mục 1

QUY TRÌNH ĐẦU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA THEO PHƯƠNG THỨC 1 GIAI ĐOẠN 01 TÚI HỒ SƠ

Điều 34. Quy trình tổng quát

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:
 - a) Xác định danh sách ngắn (nếu ĐTHC);
 - b) Lập HSMT;
 - c) Trình, thẩm định và phê duyệt HSMT.
2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu:
 - a) Mời thầu;
 - b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT;
 - c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT;
 - d) Mở thầu.
3. Đánh giá HSDT, bao gồm:
 - a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDT;
 - b) Đánh giá chi tiết HSDT và xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu);
 - c) Trình kết quả đánh giá HSDT.
4. Thương thảo hợp đồng (nếu có) được thực hiện theo quy định Điều 50 của QĐMS đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế và gói thầu áp dụng ĐTHC.
5. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có).

6. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Điều 35. Lựa chọn danh sách ngắn

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quyết định áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn phải được ghi trong KHMS.

1. Đối với đấu thầu rộng rãi:

38

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

a) Lập HSMST:

HSMST bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp HSDST; tiêu chuẩn đánh giá về tính hợp lệ của HSDST; tiêu chuẩn về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá HSDST được xây dựng theo các tiêu chí đạt, không đạt, trong đó quy định mức tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

b) Thẩm định và phê duyệt HSMST:

Chủ đầu tư thẩm định HSMST theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của QĐMS trước khi phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện bằng văn bản căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định HSMST;

c) Thông báo mời sơ tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS;

d) Phát hành HSMST:

HSMST được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh. Thời gian chuẩn bị HSDST tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế. Trường hợp sửa đổi HSMST thì thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu;

đ) Tiếp nhận và quản lý HSDST:

Chủ đầu tư tiếp nhận và quản lý các HSDST đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển;

e) Mở và đánh giá HSDST:

Đối với đấu thầu không qua mạng: HSDST được nộp trong thời hạn và địa điểm quy định tại HSMST và được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Việc mở HSDST phải được ghi thành biên bản, gửi cho các nhà thầu nộp HSDST và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu. HSDST được gửi sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, không được mở và bị loại. Việc đánh giá, làm rõ HSDST thực hiện theo quy định trong HSMST. Nguyên tắc đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS. Nhà thầu có HSDST được đánh giá đạt đối với tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn.

Đối với đấu thầu qua mạng: việc mở thầu thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc đánh giá, làm rõ HSDST thực hiện theo quy định trong HSMST. Nguyên tắc đánh giá thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS. Nhà thầu có HSDST được đánh giá đạt đối với tất cả các nội dung về năng lực và kinh nghiệm được đưa vào danh sách ngắn.

g) Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả sơ tuyển:

TCG/BPMS lập báo cáo đánh giá HSDST trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt. Kết quả sơ tuyển phải được thẩm định trước khi phê duyệt. Căn cứ báo cáo đánh giá HSDST, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển, chủ đầu tư phê duyệt kết quả

39

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



sơ tuyển bằng văn bản. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển bao gồm tên các nhà thầu trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn.

h) Công khai danh sách ngắn: được đăng tải theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS và thông báo đến các nhà thầu nộp HSDST.

2. Đối với đấu thầu hạn chế:

a) TCG/BPMS xác định danh sách ngắn nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu và có nhu cầu tham dự thầu trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Danh sách ngắn phải gồm ít nhất là 03 (ba) nhà thầu, trường hợp khi xác định danh sách ngắn có ít hơn 3 nhà thầu thì căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu, TCG/BPMS báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai cách sau đây:

- Tiến hành lựa chọn bổ sung nhà thầu vào danh sách ngắn;
- Cho phép phát hành ngay HSMT cho nhà thầu trong danh sách ngắn.

b) Sau khi phê duyệt, danh sách ngắn được đăng tải theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS.

3. Các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu; trường hợp liên danh với nhà thầu ngoài danh sách ngắn thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của người có thẩm quyền trước thời điểm đóng thầu.

Điều 36. Lập HSMT

1. Căn cứ lập HSMT:

- a) Kế hoạch tổng thể mua sắm được duyệt;
- b) KHMS được duyệt;
- c) Tài liệu về thiết kế, bản vẽ, thuyết minh về gói thầu (nếu có);
- d) Các yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật, yêu cầu về công nghệ, chất lượng dịch vụ, yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và các yêu cầu về kỹ thuật khác (nếu có);
- đ) Quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu;
- e) Các căn cứ liên quan khác.

2. HSMT phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu chuẩn bị HSDT, bao gồm:

- a) Chỉ dẫn nhà thầu;
- b) Bảng dữ liệu đấu thầu;
- c) TCDG gồm TCDG về tính hợp lệ của HSDT, TCDG về năng lực, kinh nghiệm, TCDG về kỹ thuật, TCDG về tài chính;
- d) Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

40

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



- d) Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm hồ sơ, bản vẽ (nếu có);
- e) Điều kiện hợp đồng, Biểu mẫu hợp đồng;
- g) Các nội dung khác (nếu có).

3. Đối với gói thầu chia phần (lô), HSMT phải nêu rõ điều kiện chào thầu, biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần (lô) hoặc nhiều phần (lô) và phương pháp đánh giá đối với từng phần (lô) hoặc nhiều phần (lô) để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình.

4. Về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa: HSMT được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trường hợp HSMT có quy định về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam thì trong HSMT phải quy định bao gồm xuất xứ Việt Nam.

5. Về tùy chọn mua thêm (nếu có): HSMT phải quy định cụ thể khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ tối đa thuộc tùy chọn mua thêm phù hợp với KHMS được duyệt.

6. Về giấy phép bán hàng:

Đối với hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì HSMT không yêu cầu nhà thầu phải nộp Giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Đối với hàng hóa đặc thù, phức tạp cần sự khẳng định của nhà sản xuất để đảm bảo tính khả thi trong việc cung cấp hàng hóa khi nhà thầu trúng thầu và gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như lắp đặt, bảo trì, đào tạo và các dịch vụ liên quan khác, trong HSMT có thể yêu cầu nhà thầu tham dự thầu phải cung cấp Giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương. Trường hợp có yêu cầu về Giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, trong HSMT ghi như sau: “Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp Giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc Giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong HSDT, kể cả trường hợp HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách

41

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



nhệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được Giấy phép bán hàng để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.

7. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT:

a) TCĐG về tính hợp lệ của HSDT:

Đối với đấu thầu không qua mạng bao gồm các nội dung sau đây:

- Có bản gốc HSDT;
- Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- Hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT;
- Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của HSMT. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;
- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Đối với đấu thầu qua mạng bao gồm các nội dung sau đây:

- Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu

42

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



(nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của HSMT. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

b) TCDG về năng lực và kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí “đạt” và “không đạt” để xây dựng TCDG về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa (nếu là gói thầu mua sắm hàng hóa); năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu). Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả các nội dung quy định tại điểm này thì được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm.

c) TCDG về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm. Cụ thể như sau:

43

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

- Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được;

- Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật từ 80% đến 90% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật; đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật;

- Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa; mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì; mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa; khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết; các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; tiến độ cung cấp hàng hóa; yếu tố thân thiện môi trường (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (tham khảo/vận dụng quy định tại Điều 19, 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP); chất lượng hàng hóa tương tự được công khai (tham khảo/vận dụng quy định tại Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP) (nếu có); các yếu tố cần thiết khác.

d) TCĐG về tài chính: Sử dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Cụ thể như sau:

- Phương pháp giá thấp nhất (áp dụng đối với gói thầu mà các đề xuất về kỹ thuật, tài chính, thương mại được coi là cùng 1 mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu của HSMT): Khi áp dụng phương pháp này, nhà thầu có HSDT đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sau lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất;

- Phương pháp giá đánh giá (áp dụng đối với gói thầu mà các chi phí quy đổi được trên cùng 1 mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn): Khi áp dụng phương pháp này, nhà thầu có HSDT đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Công thức xác định giá đánh giá:

44

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

G = (giá dự thầu $\pm$ giá trị sửa lỗi $\pm$ giá trị hiệu chỉnh sai lệch) - giá trị giảm giá (nếu có).

Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa bao gồm: thời gian giao hàng; tiến độ thanh toán; chi phí cho các hạng mục vật tư, phụ tùng thay thế trong thời gian đầu; khả năng sẵn sàng cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế và các dịch vụ sau bán hàng cho hàng hóa được chào trong HSDT tại địa điểm Nhà máy điện/Cơ quan Chi nhánh; chi phí vòng đời sử dụng; hiệu suất và công suất của thiết bị; các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có); thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (tham khảo/vận dụng quy định tại Điều 19, 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP); chất lượng hàng hóa đã được sử dụng được công khai (tham khảo/vận dụng quy định tại Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP), bao gồm cả việc xem xét xuất xứ; các yếu tố khác (nếu có).

$\Delta_{\text{ƯĐ}}$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 17 của QĐMS.

Điều 37. Thẩm định và phê duyệt HSMT

1. HSMT phải được thẩm định theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của QĐMS.
2. Người có thẩm quyền phê duyệt HSMT phải căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt của TCG và báo cáo thẩm định của TTĐ.

Điều 38. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Mời thầu:
 - a) Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn và được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS;
 - b) Trường hợp gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thông báo mời thầu được chủ đầu tư gửi đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.
2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT:
 - a) Chủ đầu tư phát hành HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh;
 - b) Trường hợp sửa đổi HSMT sau khi phát hành, chủ đầu tư phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo HSMT sửa đổi và các nội dung sửa đổi HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh. Việc sửa đổi HSMT phải đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của QĐMS. Trường hợp không bảo đảm thời gian theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của QĐMS thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu;
 - c) Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu gửi văn bản đề nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý.

45

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Chủ đầu tư đăng tải văn bản làm rõ HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh trong thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trong văn bản trả lời làm rõ HSMT không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ HSMT. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về nội dung HSMT. Thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư, việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do loại HSDT của nhà thầu này. Chủ đầu tư phải lập biên bản ghi nhận các nội dung trong hội nghị tiền đấu thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu được coi là văn bản làm rõ HSMT;

Nội dung làm rõ HSMT không được trái với nội dung của HSMT đã được phê duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì việc sửa đổi HSMT thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ HSMT là một phần của HSMT.

3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT:

a) Nhà thầu chuẩn bị và nộp HSDT theo yêu cầu của HSMT;

Đối với đấu thầu không qua mạng: Chủ đầu tư tiếp nhận và quản lý các HSDT đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai KQLCNT. HSDT hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà thầu gửi chủ đầu tư sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung HSDT đã nộp đều không hợp lệ và không được xem xét, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc tài liệu tự làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong HSDT, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất của nhà thầu;

Đối với đấu thầu qua mạng: Nhà thầu nộp HSDT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Chủ đầu tư không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu;

c) Đối với đấu thầu không qua mạng: Khi có yêu cầu sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị gửi chủ đầu tư. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút HSDT của nhà thầu nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

4. Mở thầu:

a) Đối với đấu thầu không qua mạng, việc mở thầu phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư chỉ mở các HSDT nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSMT trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự: kiểm tra niêm phong; mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu; tham dự đọc lập hay

46

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



liên danh; số lượng bản gốc, bản chụp HSDT; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của HSDT; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan;

Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại khoản này phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của TCG và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;

Đại diện của TCG phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung trong HSDXTC và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT;

b) Đối với đấu thầu qua mạng, việc mở thầu thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh;

5. Làm rõ HSDT:

Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, nhân sự, thiết bị thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với đấu thầu không qua mạng, trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã được đề xuất trong HSDT thì được tự gửi tài liệu đến chủ đầu tư để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu bổ sung, làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của HSDT;

Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu;

Việc làm rõ HSDT được thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu có HSDT cần làm rõ được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh. Nội dung làm rõ HSDT phải thể hiện bằng văn bản và được chủ đầu tư bảo quản như một phần của HSDT;

Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư tiến hành xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

6. Nguyên tắc đánh giá HSDT:

a) Việc đánh giá HSDT phải căn cứ vào TCDG HSDT và các yêu cầu khác trong HSMT, căn cứ vào HSDT đã nộp, các tài liệu giải thích làm rõ HSDT của

47

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu;

b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này) thì chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực thì không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS;

c) Trường hợp hợp đồng tương tự mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu bổ sung, thay thế hợp đồng tương tự khác để đánh giá trong một khoảng thời gian phù hợp;

d) Đối với gói thầu chia phần (lô), việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần;

đ) Sai khác, đặt điều kiện, bỏ sót nội dung trong HSDT:

- Sai khác là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; đặt điều kiện là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; bỏ sót nội dung là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT;

- Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì chủ đầu tư, TCG có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT;

- Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, chủ đầu tư, TCG có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của chủ đầu tư, TCG;

- Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, chủ đầu tư, TCG điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT;

48

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

e) Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một trong các tiêu chí đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính hoặc HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác;

g) Trường hợp có sự sai khác giữa giá dự thầu trong biên bản mở thầu/đơn dự thầu và bảng giá dự thầu/bảng tổng hợp giá dự thầu thì căn cứ vào đơn giá dự thầu chi tiết nêu trong Bảng giá dự thầu/bảng tổng hợp giá dự thầu làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Sau khi sửa lỗi, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi đối với HSDT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi theo thông báo của chủ đầu tư thì HSDT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác;

h) Trường hợp có sự khác nhau giữa phần giá trị nội dung công việc đảm nhận của mỗi thành viên và phần ước tính giá trị tương ứng (%) trong thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào phần giá trị nội dung công việc mà từng thành viên đảm nhận theo bảng giá dự thầu để làm cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm;

k) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trên webform và bản scan do nhà thầu cung cấp thì Chủ đầu tư sẽ căn cứ bản scan do nhà thầu cung cấp làm cơ sở đánh giá.

i) Đối với đấu thầu không qua mạng, việc đánh giá HSDT được thực hiện trên bản chụp, nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại, nhà thầu bị coi là có hành vi gian lận và bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của QĐMS và bị xử lý vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 của QĐMS.

7. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: áp dụng quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Điều 39. Kiểm tra và đánh giá HSDT

1. Đối với đấu thầu không qua mạng:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT:

- Kiểm tra các thành phần của HSDT bao gồm: đơn dự thầu; thỏa thuận liên danh (nếu có); giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

- Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

b) Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

49

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

- HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các quy định tại điểm a khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

- Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

c) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo TCGD quy định trong HSMT;

- Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

d) Đánh giá về kỹ thuật và tài chính:

Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong HSMT;

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá về tài chính theo phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất) hoặc có giá đánh giá thấp nhất (đối với phương pháp giá đánh giá) được xếp hạng thứ nhất. Thụ giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật thì không phải xác định danh sách xếp hạng nhà thầu. Người có thẩm quyền không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu.

2. Đối với đấu thầu qua mạng:

a) Quy trình 01 áp dụng cho tất cả các gói thầu thì đánh giá theo thứ tự như sau: đánh giá tính hợp lệ của HSDT, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật, đánh giá về tài chính theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

b) Quy trình 02 áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, sử dụng phương pháp “giá thấp nhất” và các HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào thì đánh giá như sau: căn cứ vào biên bản mở thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh tự động xếp hạng nhà thầu theo giá dự thầu thấp nhất (không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu trong trường hợp này); sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch của tất cả các HSDT theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS; đánh giá tính hợp lệ HSDT, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, đánh giá về kỹ thuật của nhà thầu xếp hạng thứ nhất sau khi đã sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của QĐMS. Trường hợp nhà thầu xếp hạng thứ nhất sau khi đã sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch không đáp ứng thì đánh giá đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo sau khi đã sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch. Nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu;

c) Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh và phương pháp đánh giá HSDT quy định trong HSMT, TCGD được chọn một trong hai quy trình này để đánh giá HSDT;

50

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



d) Trường hợp TCG chọn quy trình 01 đánh giá HSDT: Sau khi đánh giá về tài chính, TCG lập danh sách xếp hạng nhà thầu (không cần phê duyệt danh sách xếp hạng). Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định của HSMT. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu. Trường hợp có thương thảo hợp đồng thì kết hợp việc đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

3. Đối với gói thầu chia phần (lô), việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần (lô).

4. TCG lập báo cáo kết quả đánh giá HSDT và trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT theo quy định tại Điều 40 của QĐMS. Báo cáo kết quả đánh giá HSDT phải nêu rõ các nội dung sau đây:

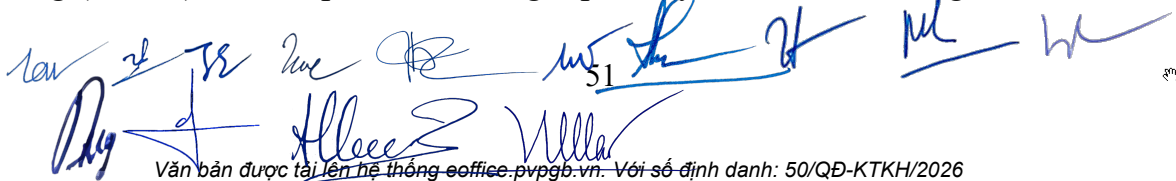
- a) Kết quả đánh giá đối với từng HSDT;
- b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;
- c) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà thầu;
- d) Nhận xét về tính công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
- đ) Những nội dung của HSMT không phù hợp với quy định của QĐMS hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch KQLCNT (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý;
- e) Đề xuất người có thẩm quyền thực hiện thương thảo hợp đồng (nếu có) với nhà thầu xếp hạng thứ nhất;
- g) Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

5. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế và gói thầu áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu hạn chế, trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 50 của QĐMS.

Đối với đấu thầu qua mạng: Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu. Trường hợp có thương thảo hợp đồng thì kết hợp việc đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Điều 40. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT

1. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá HSDT, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), TCG lập tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT bao gồm các nội dung


Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



quy định tại khoản 4 (ngoại trừ điểm e) Điều 39 của QĐMS và tóm tắt kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có) gửi người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Nhà thầu tham dự thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có HSDT hợp lệ;
- b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT;
- c) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;
- d) Có giá trị sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
- đ) Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; hoặc có giá đánh giá thấp nhất đối với phương pháp giá đánh giá;
- e) Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) không vượt giá gói thầu trong KHMS được phê duyệt.

2. KQLCNT được thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của QĐMS.

3. KQLCNT được phê duyệt bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt của TCG, báo cáo thẩm định KQLCNT của TTĐ.

4. Trường hợp lựa chọn được nhà thầu trúng thầu, văn bản phê duyệt KQLCNT bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Giá trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời gian thực hiện gói thầu theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 33 của QĐMS;
- đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

5. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Điều 12 của QĐMS, văn bản phê duyệt KQLCNT hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Văn bản phê duyệt KQLCNT hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

6. Sau khi có quyết định phê duyệt KQLCNT, chủ đầu tư đăng tải thông tin về KQLCNT theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS; đối với đấu thầu không qua mạng gửi thêm văn bản thông báo KQLCNT cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày KQLCNT được ban hành. Nội dung thông báo KQLCNT bao gồm:

- a) Nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều này;
- b) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
- c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu;

52

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do không trúng thầu, nhà thầu gửi văn bản đề nghị tới người có thẩm quyền. Người có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu;

Trường hợp nhà thầu có kiến nghị đến người có thẩm quyền về các vấn đề trước khi có thông báo KQLCNT hoặc về KQLCNT thì chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản giải quyết kiến nghị.

Điều 41. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng

1. Chủ đầu tư, TCG mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). Việc hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

- a) Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu;
- b) KQLCNT được duyệt;
- c) Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- d) Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- đ) Các nội dung khác cần được hoàn thiện trong hợp đồng.

2. Kết quả hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để người có thẩm quyền và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá thì giá hợp đồng là giá trị sau giảm giá.

Lưu ý: Hợp đồng trình người có thẩm quyền ký phải được lãnh đạo các phòng chuyên môn/phân xưởng mà có thành viên trong phòng/phân xưởng tham gia TCG và Lãnh đạo phòng TCKT/KHTC (trường hợp thành viên tham gia TCG là lãnh đạo phòng thì chỉ ký 1 lần) xem xét và ký tắt vào trang mà người có thẩm quyền ký.

3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký hợp đồng thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

4. Nhà thầu được quyền từ chối hoàn thiện hợp đồng và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu (nếu có) trong trường hợp chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu khi hoàn thiện hợp đồng không phù hợp với nội dung của HSMT, HSDT, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt KQLCNT.

Điều 42. Tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng

Được quy định cụ thể trong quy định về tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng do Giám đốc Chi nhánh ban hành.

53

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Mục 2

QUY TRÌNH ĐẦU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẴM HÀNG HÓA THEO PHƯƠNG THỨC 1 GIAI ĐOẠN 02 TÚI HỒ SƠ

Điều 43. Quy trình tổng quát

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu, bao gồm:
 - a) Xác định danh sách ngắn (nếu ĐTHC);
 - b) Lập HSMT;
 - c) Trình, thẩm định và phê duyệt HSMT.
2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, bao gồm:
 - a) Mời thầu;
 - b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT;
 - c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT;
 - d) Mở HSDXKT.
3. Đánh giá HSDXKT, bao gồm:
 - a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT;
 - b) Đánh giá chi tiết HSDXKT;
 - c) Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
4. Mở và đánh giá HSDXTC, bao gồm:
 - a) Mở HSDXTC của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
 - b) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC;
 - c) Đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu).
5. Thương thảo hợp đồng (nếu có) được thực hiện theo Điều 50 của QĐMS đối với gói thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của QĐMS.
6. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có).
7. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Điều 44. Lập HSMT

1. Lựa chọn danh sách ngắn thực hiện theo quy định tại Điều 35 của QĐMS.
2. Căn cứ lập HSMT theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của QĐMS.
3. HSMT phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu chuẩn bị HSDT theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 36 của QĐMS.

54

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



4. HSMT phải quy định TCDG về tính hợp lệ của HSDXKT và HSDXTC của nhà thầu, bao gồm:

a) TCDG về tính hợp lệ của HSDXKT:

Đối với đấu thầu không qua mạng bao gồm các nội dung sau:

- Có bản gốc HSDXKT;
- Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không kèm điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- Hiệu lực của HSDXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT;
- Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của HSMT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXKT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;
- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Đối với đấu thầu qua mạng bao gồm các nội dung sau:

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không kèm điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên

55

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- Có bảo đảm dự thầu với giá trị, thời hạn hiệu lực và đơn vị thụ hưởng đáp ứng yêu cầu của HSMT. Trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh không vi phạm một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSMT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

b) TCDG về tính hợp lệ của HSDXTC bao gồm các nội dung sau:

Đối với đấu thầu không qua mạng, gồm:

- Có bản gốc HSDXTC;

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- Hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định HSMT.

Đối với đấu thầu qua mạng, gồm:

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có)

56

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

5. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, bao gồm:

a) TCDG về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

b) TCDG về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

c) TCDG về tài chính: Sử dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc giá đánh giá hoặc kết hợp giữa kỹ thuật và giá. Cụ thể như sau:

- Phương pháp giá thấp nhất: khi áp dụng phương pháp này thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

- Phương pháp giá đánh giá: khi áp dụng phương pháp này thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

- Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: khi áp dụng phương pháp này thì nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất. Cụ thể như sau:

Điểm tổng hợp được xác định như sau:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = \left(\frac{G_{\text{thấp nhất}}}{G_{\text{đang xét}}} \times T + \frac{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}}}{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{cao nhất}}} \times K \right) \times 100$$

Trong đó:

Điểm kỹ thuật_{đang xét}: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật của HSDT đang xét;

Điểm kỹ thuật_{cao nhất}: là số điểm kỹ thuật cao nhất trong số các HSDT đáp ứng về kỹ thuật;

G_{thấp nhất}: là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất của các HSDT đáp ứng về kỹ thuật;

G_{đang xét}: là giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDT đang xét;

K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;

T: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;

K + T = 100%. Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) và về giá (T) phải được xác định cụ thể trong HSMT.

Tùy theo quy mô, tính chất của từng gói thầu cần xác định tỷ trọng điểm về kỹ thuật và tỷ trọng điểm về giá cho phù hợp, bảo đảm tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100% theo nguyên tắc tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) từ 10% đến 30%, tỷ trọng điểm về giá (T) từ 70% đến 90%.

57

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

Điều 45. Thẩm định và phê duyệt HSMT

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 của QĐMS.

Điều 46. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Mời thầu: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của QĐMS.
2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của QĐMS.
3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của QĐMS.

4. Mở HSDXKT:

a) Đối với đấu thầu không qua mạng: Việc mở HSDXKT phải được tiến hành công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư chỉ mở các HSDXKT nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSMT trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự: kiểm tra niêm phong; mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu; số lượng bản gốc, bản chụp HSDXKT; đơn dự thầu thuộc HSDXKT; thời gian thực hiện gói thầu; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan;

Biên bản mở thầu gồm các thông tin quy định tại khoản này phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của TCG và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc đăng tải trên trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;

Đại diện của TCG phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng khác của từng HSDXKT;

HSDXTC của tất cả các nhà thầu được chủ đầu tư niêm phong trong 1 túi riêng biệt và được đại diện của TCG, nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT ký niêm phong;

b) Đối với đấu thầu qua mạng, việc mở thầu thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.

5. Làm rõ HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của QĐMS.

6. Nguyên tắc đánh giá HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS.

Đối với gói thầu chia phần, việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá); tổng điểm tổng hợp cao nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và

58

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

7. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS.

Điều 47. Kiểm tra và đánh giá HSĐXKT

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSĐXKT (chỉ áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng), gồm:

a) Kiểm tra các thành phần của HSĐXKT, bao gồm: đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT;

b) Kiểm tra sự thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp HSĐXKT.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT

a) HSĐXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của QĐMS tương ứng với từng hình thức đấu thầu không qua mạng hoặc đấu thầu qua mạng;

b) Nhà thầu có HSĐXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo TCDG quy định trong HSMT;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

4. Đánh giá về kỹ thuật:

Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong HSMT. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được mở và đánh giá HSĐXTC.

5. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được người có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả đánh giá về kỹ thuật. Chủ đầu tư thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu lý do nhà thầu không đáp ứng đồng thời mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở HSĐXTC (áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng); báo cáo đánh giá HSĐXKT, báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải có thứ tự xếp hạng các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chủ đầu tư phải đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này.

59

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Điều 48. Mở HSDXTC

1. Đối với đấu thầu không qua mạng: Chủ đầu tư kiểm tra niêm phong túi đựng các HSDXTC.

2. Việc mở HSDXTC được thực hiện như sau:

a) Đối với đấu thầu không qua mạng: chỉ mở HSDXTC của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu;

b) Đối với đấu thầu không qua mạng: việc mở HSDXTC được thực hiện đối với từng HSDXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: kiểm tra niêm phong; đọc điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm); mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC, đơn dự thầu thuộc HSDXTC, thời gian có hiệu lực của HSDXTC, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), các thông tin khác liên quan;

c) Đối với đấu thầu qua mạng: việc mở thầu thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.

3. Biên bản mở HSDXTC:

a) Các thông tin quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải được ghi vào biên bản mở HSDXTC. Biên bản mở HSDXTC phải được ký xác nhận bởi đại diện của TCG và nhà thầu tham dự mở HSDXTC. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm mở thầu;

b) Đối với đấu thầu không qua mạng: đại diện của TCG phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC;

c) Đối với đấu thầu qua mạng: Biên bản mở thầu được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh tự động trích xuất và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.

Điều 49. Kiểm tra, đánh giá HSDXTC

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXTC (chỉ áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng), gồm:

a) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDXTC;

b) Các thành phần của HSDXTC, bao gồm: đơn dự thầu thuộc HSDXTC; bảng giá dự thầu; các thành phần khác thuộc HSDXTC;

c) Tính thống nhất về nội dung giữa bản gốc và bản chụp HSDXTC.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC:

a) HSDXTC của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các

60

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của QĐMS tương ứng với đấu thầu không qua mạng hoặc đấu thầu qua mạng;

b) Nhà thầu có HSDXTC hợp lệ được đánh giá chi tiết về tài chính.

3. Đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu:

a) Việc đánh giá chi tiết HSDXTC và xếp hạng nhà thầu thực hiện theo TCDG quy định trong HSMT. Thư giảm giá không được công khai trong biên bản mở thầu sẽ không được xem xét, đánh giá;

b) Sau khi hình thành danh sách xếp hạng nhà thầu, TCG lập báo cáo đánh giá HSDT trình người có thẩm quyền xem xét. Báo cáo gồm các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 39 của QĐMS;

c) Người có thẩm quyền không phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu;

d) Đối với đấu thầu qua mạng: Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu. Trường hợp có thương thảo hợp đồng thì kết hợp việc đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Điều 50. Thương thảo hợp đồng

1. Trường hợp gói thầu áp dụng thương thảo hợp đồng, nhà thầu xếp hạng thứ nhất được chủ đầu tư mời đến thương thảo hợp đồng.

2. Căn cứ thương thảo hợp đồng:

a) Báo cáo kết quả đánh giá HSDT;

b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;

c) HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT (nếu có).

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không thương thảo các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;

b) Không được làm thay đổi đơn giá đã xác định tại bước đánh giá về tài chính.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;

c) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất hoặc đã được thay

61

thể một lần theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 38 của QĐMS, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong KHMS hoặc vì lý do bất khả kháng mà nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn so với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

d) Các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).

6. Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, TCG lập báo cáo kết quả đánh giá HSDT và trình người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 51 của QĐMS. Báo cáo kết quả đánh giá HSDT bao gồm các nội dung sau đây:

a) Kết quả đánh giá đối với từng HSDT;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

c) Kết quả thương thảo hợp đồng;

d) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;

đ) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu;

e) Nhận xét về tính công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

g) Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của QĐMS dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch KQLCNT (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý;

h) Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

7. Trường hợp nhà thầu tham gia thương thảo nhưng không tiến hành thương thảo theo đúng nguyên tắc và nội dung quy định tại khoản 3, 4 Điều này hoặc đã tiến hành thương thảo nhưng không ký biên bản thương thảo hợp đồng nhằm mục đích rút khỏi việc trúng thầu hoặc gây bất lợi cho Chi nhánh thì nhà thầu bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

8. Trường hợp thương thảo không thành công, TCG báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo

62

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvppg.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Điều 51. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 41 của QĐMS.

Mục 3

QUY TRÌNH ĐẦU THẦU RỘNG RÃI, HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GÓI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

Điều 52. Quy trình tổng quát (nhà thầu tư vấn là tổ chức)

1. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu, bao gồm:
 - a) Lựa chọn danh sách ngắn (nếu cần thiết);
 - b) Lập HSMT;
 - c) Thẩm định và phê duyệt HSMT.
2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, bao gồm:
 - a) Mời thầu;
 - b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT;
 - c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT;
 - d) Mở HSDXKT.
3. Đánh giá HSDXKT, bao gồm:
 - a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT;
 - b) Đánh giá chi tiết HSDXKT;
 - c) Trình, thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
4. Mở và đánh giá HSDXTC, bao gồm:
 - a) Mở HSDXTC của các nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật;
 - b) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của HSDXTC;
 - c) Đánh giá chi tiết HSDXTC;
 - d) Xếp hạng nhà thầu (nếu có nhiều hơn 01 nhà thầu).
5. Thương thảo hợp đồng.
6. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có).
7. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

Điều 53. Lựa chọn danh sách ngắn (áp dụng đối với ĐTHC)

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 của QĐMS.

63

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

Điều 54. Lập HSMT

1. Căn cứ lập HSMT:

- a) KHMS được duyệt;
- b) Phạm vi, yêu cầu về công việc; yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự của tư vấn và các yêu cầu cần thiết khác (nếu có);
- c) Các căn cứ liên quan khác.

2. HSMT phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu chuẩn bị HSDT.

3. HSMT phải quy định nội dung đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT và HSDXTC của Nhà thầu, bao gồm:

a) TCDG về tính hợp lệ của HSDXKT:

Đối với đấu thầu không qua mạng bao gồm các nội dung sau:

- Có bản gốc HSDXKT;
- Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế;
- Hiệu lực của HSDXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDXKT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh;
- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Đối với đấu thầu qua mạng bao gồm các nội dung sau đây:

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXKT được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh.

64

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế;

(Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022));

- Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;

- Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

b) HSDXTC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau:

Đối với đấu thầu không qua mạng, gồm:

- Có bản gốc HSDXTC;

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;

- Hiệu lực của HSDXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định trong HSMT.

Đối với đấu thầu qua mạng, gồm:

- Có đơn dự thầu thuộc HSDXTC được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSMT; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có)

65

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh.

4. TCDG về kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm, gồm:

- a) Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu: từ 0% đến 15% tổng số điểm;
- b) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (vận dụng/tham khảo quy định tại Điều 19, 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP): 5% tổng số điểm;
- c) Giải pháp và phương pháp luận để thực hiện gói thầu: từ 30% đến 40% tổng số điểm;
- d) Nhân sự thực hiện gói thầu: từ 50% đến 60% tổng số điểm;
- đ) Tuỳ theo tính chất của gói thầu, HSMT có thể yêu cầu về chuyển giao công nghệ với tỷ trọng điểm từ 0% đến 10% tổng số điểm;
- e) Tổng tỷ trọng điểm của nội dung trên bằng 100%.

HSĐXKT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có điểm về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm (hoặc 80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù) và điểm của từng nội dung yêu cầu về giải pháp và phương pháp luận, về nhân sự, về chuyển giao công nghệ (nếu có) không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó (hoặc không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). Đối với nội dung kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu không quy định mức điểm tối thiểu.

5. TCDG về tài chính: căn cứ quy mô, tính chất gói thầu, trong HSMT quy định phương pháp đánh giá về tài chính theo một trong các phương pháp sau đây: phương pháp giá thấp nhất; hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá; hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật. Cụ thể như sau:

a) Phương pháp giá thấp nhất (áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn): khi áp dụng phương pháp này thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 36 của QĐMS;

b) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá (đối với gói thầu tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu): khi áp dụng phương pháp này thì nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất. Cụ thể như sau:

+ Xác định điểm giá:

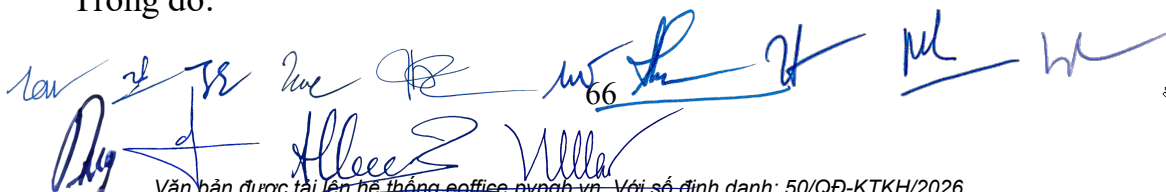
Sử dụng thang điểm (thang điểm 100 hoặc 1.000) nhưng phải thống nhất với thang điểm về kỹ thuật để xác định điểm giá. Điểm giá được xác định như sau:

$$G_{\text{thấp nhất}} \times (100 \text{ hoặc } 1.000)$$

Điểm giá_{đang xét} = _____

$G_{\text{đang xét}}$

Trong đó:



Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của HSDXTC đang xét;

G_{thấp nhất}: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

G_{đang xét}: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét.

+ Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

Điểm kỹ thuật_{đang xét}: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

Điểm giá_{đang xét}: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

K: tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;

G: tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

$$K + G = 100\%.$$

c) Phương pháp dựa trên kỹ thuật (áp dụng đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù): khi áp dụng phương pháp này thì nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải đạt từ 80% tổng số điểm về kỹ thuật và nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp thứ nhất và được mời đến mở HSDX tài chính làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.

Điều 55. Trình, thẩm định và phê duyệt HSMT

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 của QĐMS.

Điều 56. Tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Mời thầu: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của QĐMS.
2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của QĐMS.
3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của QĐMS.
4. Mở HSDXKT: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 46 của QĐMS.
5. Làm rõ HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của QĐMS.
6. Nguyên tắc đánh giá HSDT: thực hiện theo quy định tại điểm a, c, g, h, i khoản 6 Điều 38 của QĐMS.
7. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

67

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



8. Đánh giá HSDT trên cơ sở TCDG và các yêu cầu khác trong HSMT:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT (chỉ áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng):

Việc kiểm tra tính hợp lệ của HSDXKT thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của QĐMS, trừ nội dung về tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu;

b) Đánh giá tính hợp lệ của HSDXKT:

HSDXKT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 của QĐMS tương ứng với từng hình thức đấu thầu không qua mạng hoặc đấu thầu qua mạng. Nhà thầu có HSDXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá về kỹ thuật;

c) Đánh giá về kỹ thuật:

+ Việc đánh giá về kỹ thuật thực hiện theo TCDG quy định trong HSMT;

+ Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, HSDT chào thừa hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật;

+ Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) được mở và đánh giá HSDXTC;

d) Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải được người có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật, trong báo cáo đánh giá HSDXKT, báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật phải có thứ tự xếp hạng các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chủ đầu tư phải thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng và nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, nêu rõ lý do không đáp ứng và mời tất cả các nhà thầu tham dự thầu đến mở HSDXTC (áp dụng đối với đấu thầu không qua mạng). Chủ đầu tư phải đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh sách này.

9. Mở HSDXTC: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của QĐMS.

10. Đánh giá HSDXTC và xếp hạng nhà thầu: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 54 của QĐMS.

11. Sau khi đánh giá về giá, TCG lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 57 của QĐMS. Trường hợp thương thảo không thành công, TCG báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định của HSMT.

Điều 57. Thương thảo hợp đồng

1. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được chủ đầu tư mời đến thương thảo hợp đồng.

68

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



2. Căn cứ thương thảo hợp đồng: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 của QĐMS.

3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án thay thế;

c) Thương thảo về nhân sự:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong HSDT, trừ trường hợp phải thay thế nhân sự do thời gian đánh giá HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong KHMS hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong các trường hợp này, nhân sự dự kiến thay thế phải có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các chi phí liên quan đến dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế;

e) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng, điều kiện cụ thể của hợp đồng.

5. Sau khi hoàn thành thương thảo hợp đồng, TCG lập báo cáo đánh giá HSDT và trình người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 58 của QĐMS. Báo cáo đánh giá HSDT phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Kết quả đánh giá đối với từng HSDT;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu;

c) Kết quả thương thảo hợp đồng;

d) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại bỏ nhà thầu;

đ) Tên nhà thầu được đề nghị trúng thầu, giá đề nghị trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện gói thầu;

e) Nhận xét về tính công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

g) Những nội dung của HSMT không phù hợp với quy định của QĐMS hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình

69

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



thực hiện hoặc có thể làm sai lệch KQLCNT (nếu có) và đề xuất biện pháp xử lý;

h) Những nội dung cần lưu ý (nếu có).

6. Trường hợp thương thảo không thành công, TCG báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Điều 58. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41 của QĐMS.

Trên cơ sở tờ trình đề nghị phê duyệt KQLCNT của TCG và báo cáo thẩm định KQLCNT người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt KQLCNT. Nhà thầu tham dự thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có HSDT hợp lệ;
- b) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT;
- c) Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; hoặc có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; hoặc có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;
- d) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được phê duyệt.

Điều 59. Quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn là cá nhân

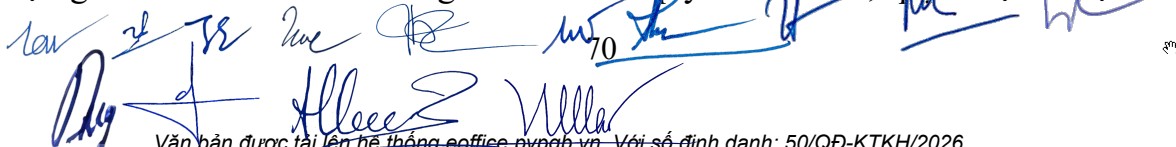
1. Quy trình tổng quát bao gồm các bước sau đây:

- a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;
- b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- c) Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của nhà thầu tư vấn cá nhân;
- d) Thương thảo hợp đồng;
- đ) Trình, phê duyệt và công khai KQLCNT;
- e) Ký kết hợp đồng.

2. Lựa chọn tư vấn cá nhân được áp dụng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn khi công việc của gói thầu chỉ yêu cầu một hoặc một số chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực thực hiện mà không cần sự tham gia của tổ chức, không yêu cầu các điều kiện để thực hiện công việc như đối với nhà thầu là tổ chức.

3. Trường hợp tư vấn là nhóm chuyên gia thì các chuyên gia phải cử đại diện để giao dịch với chủ đầu tư. Đối với nhóm chuyên gia, trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên trong nhóm chuyên gia phải trực tiếp ký hợp đồng với người có thẩm quyền. Việc lựa chọn tư vấn cá nhân được thực hiện theo phương pháp giá cố định trên cơ sở năng lực và kinh nghiệm của tư vấn cá nhân.

4. Căn cứ KHMS đã được phê duyệt, TCG lập điều khoản tham chiếu, dự thảo hợp đồng và xác định danh sách tối thiểu 03 cá nhân trình người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp xác định ít hơn 03 cá nhân đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu thì TCG trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nội dung

 
Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

điều khoản tham chiếu, bao gồm:

- a) Mô tả tóm tắt về công việc;
- b) Yêu cầu về phạm vi, khối lượng, chất lượng và thời gian thực hiện gói thầu;
- c) Yêu cầu về năng lực, trình độ của chuyên gia tư vấn;
- d) Các điều kiện và địa điểm thực hiện hợp đồng;
- đ) Giá gói thầu;
- e) Các nội dung cần thiết khác (nếu có).

5. Chủ đầu tư gửi thư mời và điều khoản tham chiếu tới các tư vấn cá nhân được phê duyệt trong danh sách, trong đó nêu rõ thời hạn và địa chỉ nhận hồ sơ lý lịch khoa học. Thời gian tối thiểu để tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học là 3 ngày làm việc.

6. Tư vấn cá nhân chuẩn bị hồ sơ lý lịch khoa học theo yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu và đề xuất kỹ thuật (nếu có) nộp cho chủ đầu tư trong thời hạn, địa chỉ nêu tại thư mời.

7. Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học: TCG đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của từng tư vấn cá nhân căn cứ nội dung của điều khoản tham chiếu. Tư vấn cá nhân có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của QĐMS; có hồ sơ lý lịch khoa học và đề xuất kỹ thuật (nếu có) đáp ứng tốt nhất yêu cầu của điều khoản tham chiếu được xếp hạng thứ nhất.

8. Thương thảo hợp đồng:

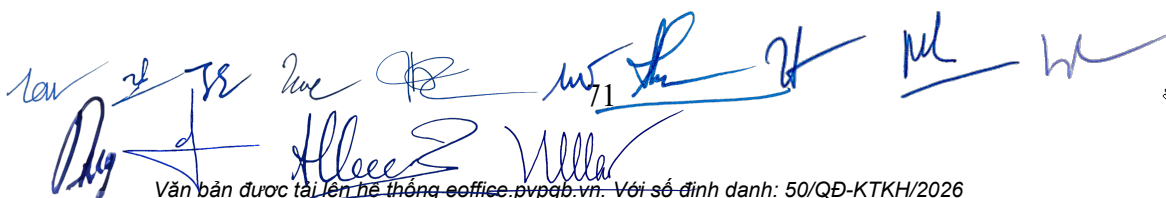
Chủ đầu tư mời tư vấn cá nhân xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng theo nội dung của điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt bao gồm nội dung về phạm vi công việc, tiến độ thực hiện công việc, yêu cầu về báo cáo công việc, chi phí tư vấn, giá hợp đồng và các nội dung cần thiết khác. Kết quả thương thảo hợp đồng được lập thành biên bản và phải được TCG và tư vấn cá nhân ký xác nhận.

9. Việc phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân căn cứ vào tờ trình đề nghị phê duyệt, báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của các tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng.

10. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn cá nhân, kết quả thương thảo hợp đồng, nội dung của điều khoản tham chiếu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

11. Nhà thầu là tư vấn cá nhân được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có hồ sơ lý lịch khoa học, đề xuất kỹ thuật (nếu có) đáp ứng tốt nhất yêu cầu của điều khoản tham chiếu;
- b) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được phê duyệt.



Mục 4

QUY TRÌNH CHÀO HÀNG CẠNH TRANH, CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN, CHỈ ĐỊNH THẦU, MUA SẮM TRỰC TIẾP, TỰ THỰC HIỆN VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 60. Chào hàng cạnh tranh

1. Quy trình tổng quát: theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của QĐMS.

2. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

a) Lập HSMT: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 36 của QĐMS;

b) HSMT phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu chuẩn bị HSDT. Bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về gói thầu; chỉ dẫn nhà thầu; bảng dữ liệu đấu thầu; TCDG về tính hợp lệ của HSDT; TCDG về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; TCDG về tài chính sử dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá;

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, trong HSMT có thể bao gồm TCDG về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm TCDG này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu;

Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn trong HSMT không yêu cầu TCDG về năng lực và kinh nghiệm;

c) Trình, thẩm định và phê duyệt HSMT: thực hiện theo quy định tại Điều 37 của QĐMS.

3. Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Mời thầu: Thông báo mời thầu và HSMT được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS;

b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của QĐMS;

c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của QĐMS;

d) Mở HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của QĐMS.

4. Đánh giá HSDT:

a) Làm rõ HSDT: thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của QĐMS;

b) Nguyên tắc đánh giá HSDT thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của QĐMS;

c) Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 38 của QĐMS;

d) Kiểm tra và đánh giá HSDT: thực hiện theo quy định tại Điều 39 của



QĐMS;

đ) Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (đối với phương pháp giá thấp nhất); hoặc có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (đối với phương pháp giá đánh giá);

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu. Trường hợp có thương thảo hợp đồng thì kết hợp việc đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Nhà thầu xếp hạng thứ nhất và có giá dự thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt sẽ được đề nghị trúng thầu;

e) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41 của QĐMS.

Điều 61a. Chào giá trực tuyến

1. Nguyên tắc chào giá trực tuyến (áp dụng theo Điều 100 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP)

a) Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến. Mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động công khai mức giá, các yếu tố khác ngoài giá (nếu có) trong thời gian chào giá trực tuyến; thời gian còn lại của quá trình chào giá trực tuyến.

b) Chào giá trực tuyến chỉ áp dụng đối với gói thầu đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất.

c) Trường hợp có nhiều nhà thầu cùng chào giá thấp nhất bằng nhau sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến thì nhà thầu chào giá đầu tiên thấp nhất được xếp hạng cao nhất.

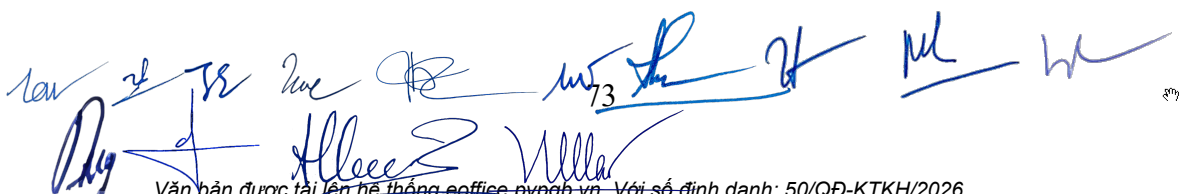
d) Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến phải trong giờ hành chính.

đ) Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, giá chào không được cao hơn giá gói thầu. Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá chào không được cao hơn giá thấp nhất trong biên bản mở thầu của các nhà thầu tham dự thầu. Trường hợp giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của tất cả nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vượt giá gói thầu và không có nhà thầu nào tham gia chào giá trực tuyến đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 8 Điều 140 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

2. Quy trình chào giá trực tuyến thông thường:

Giám đốc Chi nhánh sẽ ban hành quy trình chào giá trực tuyến thông thường trong văn bản riêng.

3. Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn:

Việc lập, thẩm định và phê duyệt đơn hàng và KHMS thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 của QĐMS. KHMS được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo trường “Quy trình áp dụng: Luật đấu thầu” và tuân thủ thời gian đăng tải quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS.

Quy trình chào giá trực tuyến rút gọn như sau (áp dụng theo Điều 102 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP):

a) Chuẩn bị thông báo mời thầu trên cơ sở KHMS được phê duyệt:

Thông báo mời thầu bao gồm các thông tin sau đây:

- Yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thời gian giao hàng, bảo hành và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu mua sắm hàng hóa; phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công, yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất của nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị (nếu có), yêu cầu về nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có), thời gian thực hiện hợp đồng và các nội dung cần thiết khác (nếu có) đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn. Thời gian giao hàng, thời gian hoàn thành phải bảo đảm phù hợp;

- Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến, nguyên tắc xếp hạng nhà thầu, bước giá, thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và các thông tin liên quan khác (nếu có);

- Không nêu yêu cầu về bảo đảm dự thầu.

(Không phải thẩm định Thông báo mời thầu)

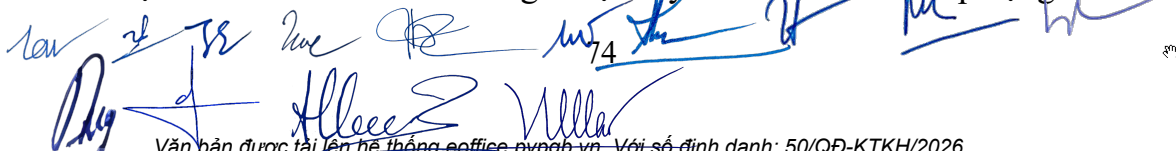
b) Sau khi chủ đầu tư phê duyệt thông báo mời thầu, chủ đầu tư đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 05 ngày làm việc đối với gói thầu có giá gói thầu từ 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng, 03 ngày làm việc đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 02 tỷ đồng trước ngày có thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến. Thời gian chào giá trực tuyến tối thiểu là 24 giờ kể từ thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến.

c) Nhà thầu tham gia chào giá trực tuyến trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để chào giá cho các nội dung xác định trong thông báo mời thầu và được chào giá theo thời hạn quy định trong thông báo mời thầu. Kể từ lượt chào giá thứ hai, giá chào của nhà thầu không được thấp hơn 90% giá thấp nhất hiển thị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

d) Để tham gia chào giá trực tuyến, nhà thầu phải cam kết trong đơn dự thầu đáp ứng các yêu cầu trong thông báo mời thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết thì bị xử lý theo đúng cam kết trong đơn dự thầu (công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và khóa chức năng chào giá trực tuyến trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia), trừ trường hợp bất khả kháng.

đ) Ghi nhận kết quả chào giá trực tuyến:

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu;





- Việc xét duyệt trúng thầu thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật đấu thầu 2023 căn cứ vào giá dự thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến của nhà thầu xếp thứ nhất;

- Trên cơ sở kết quả chào giá trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà thầu được mời có trách nhiệm xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng. Trường hợp nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì nhà thầu sẽ bị chủ đầu tư công khai tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bị Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khóa chức năng chào giá trực tuyến trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên và bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu. Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng.

e) Trình, phê duyệt và công khai KQLCNT:

Trên cơ sở chấp thuận được trao hợp đồng của nhà thầu, việc trình, phê duyệt và công khai KQLCNT thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

(Không phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu)

g) Hoàn thiện, ký kết và tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt KQLCNT, thông báo mời thầu, đơn dự thầu, giá chào trực tuyến và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và tổ chức quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 của QĐMS.

Điều 62. Chỉ định thầu theo quy trình thông thường

1. Quy trình tổng quát gồm các bước sau đây:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

- Lập HSYC;
- Trình, thẩm định và phê duyệt HSYC.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- HSYC được phát hành cho nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu;
- Nhà thầu chuẩn bị và nộp HSDX căn cứ HSYC.

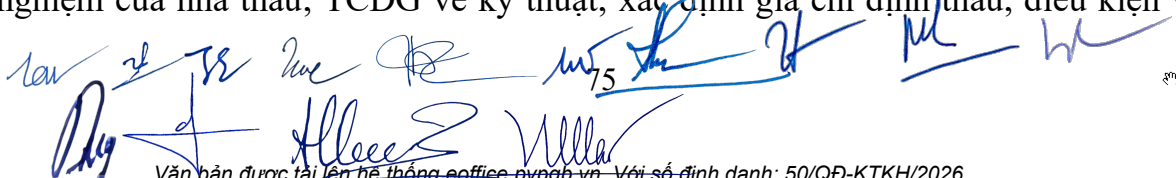
c) Đánh giá HSDX và thương thảo về đề xuất của nhà thầu (nếu có);

d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT;

đ) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

2. Lập HSYC:

Căn cứ KHMS được duyệt, TCG lập HSYC. Nội dung HSYC bao gồm: thông tin tóm tắt gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp HSDX; TCĐG về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; TCĐG về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về

hợp đồng. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng TCDG về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật. HSYC được nêu rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

3. Trình, thẩm định và phê duyệt HSYC: thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 của QĐMS.

4. Xác định nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, BPLĐH/TCG xác định một nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại Điều 4 của QĐMS.

5. Phát hành HSYC đến nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu đã được phê duyệt.

6. Sửa đổi, làm rõ HSYC:

a) Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến chủ đầu tư trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản;

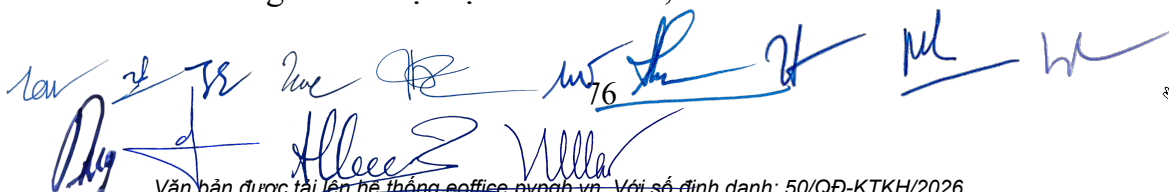
b) Trường hợp sửa đổi HSYC, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 của QĐMS.

7. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, mở HSDX:

a) Nhà thầu nộp trực tiếp HSDX hoặc gửi đến địa chỉ của chủ đầu tư nhưng phải đảm bảo chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu;

b) Chủ đầu tư tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư chỉ mở HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra niêm phong;
- Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin:
 - + Tên nhà thầu;
 - + Tham dự độc lập hay liên danh;
 - + Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - + Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu;
 - + Giá trị giảm giá (nếu có);
 - + Thời gian có hiệu lực của HSDX;

- + Thời gian thực hiện gói thầu;
- + Các thông tin khác liên quan.

c) Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của TCG và nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của TCG phải ký xác nhận vào bản gốc đơn đề xuất chỉ định thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung trong HSDXTC và các nội dung quan trọng khác của HSDX.

8. Đánh giá HSDX căn cứ theo TCDG quy định trong HSYC.

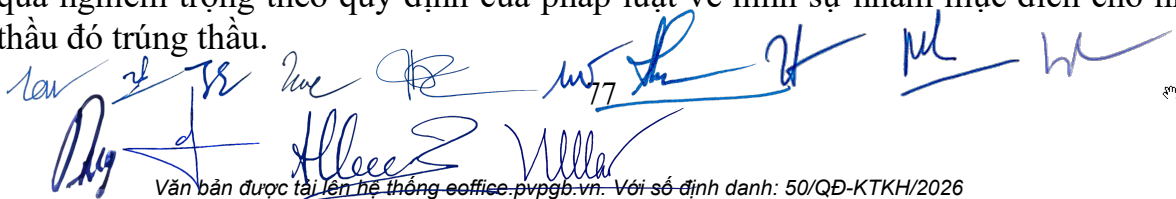
a) Kiểm tra HSDX:

- Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- Kiểm tra các thành phần của HSDX;
- Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

b) Đánh giá tính hợp lệ của HSDX:

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- Có bản gốc HSDX;
- Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn đề xuất chỉ định thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chi nhánh. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- Hiệu lực của HSDX đáp ứng quy định của HSYC;
- Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 4 của QĐMS;
- Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.





c) TCDG về năng lực, kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng TCDG về năng lực, kinh nghiệm;

d) TCDG về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng TCDG về kỹ thuật;

đ) TCDG về tài chính: sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại khoản 7 Điều 38 (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) hoặc khoản 7 Điều 56 (đối với gói thầu dịch vụ tư vấn) của QĐMS (nếu có); xác định giá đề nghị chỉ định thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

9. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo về giá và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu nếu có HSDX hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC; và có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt giá gói thầu trong KHMS được phê duyệt.

10. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai KQLCNT, hoàn thiện, ký kết hợp đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41 của QĐMS.

Điều 63. Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn

1. Quy trình tổng quát gồm các bước sau đây:

a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu trong đó xác định yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được và dự kiến giá thực hiện;

b) Hoàn thiện hợp đồng;

c) Trình, phê duyệt KQLCNT, công khai KQLCNT;

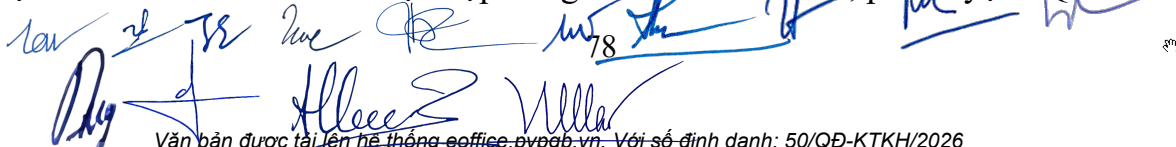
d) Ký kết hợp đồng.

2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1.2, 1.3 và điểm a, đ khoản 1.4 Điều 24 của QĐMS:

a) Căn cứ vào đơn hàng và KHMS được duyệt, BPMS/TCG chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu được người có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác;

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 4 của QĐMS; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và điểm d khoản 1 Điều 4 của QĐMS. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính quy định tại Điều 4a của QĐMS;

b) Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, BPMS/TCG và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở để trình, phê duyệt KQLCNT và

  78

ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, BPMS/TCG và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt KQLCNT, biên bản thương thảo hợp đồng và các tài liệu liên quan khác (không bắt buộc thẩm định KQLCNT). Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

c) Công khai KQLCNT: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của QĐMS.

3. Đối với gói thầu có yêu cầu cấp bách, khẩn cấp quy định tại khoản 1.1 Điều 24 của QĐMS:

Đối với gói thầu liên quan đến Nhà máy điện: Giám đốc Nhà máy điện chủ động xử lý, quyết định và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, PVN về tính hợp lý, hợp pháp của yêu cầu cấp bách, khẩn cấp. Giám đốc Nhà máy điện có trách nhiệm báo cáo ngay cho Giám đốc Chi nhánh để biết và/hoặc chỉ đạo, quyết định (nếu cần).

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, BPLĐH/ BPĐX chủ trì, phối hợp với BPMS/TCG (nếu cần) xác định và báo cáo người có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản giao cho nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện các thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 2 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không bắt buộc phải phê duyệt đơn hàng, KHMS. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

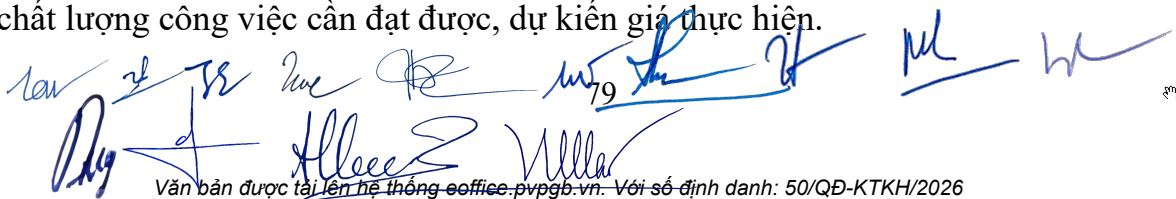
4. Quy trình chỉ định thầu theo quy trình rút gọn đối với gói thầu quy định tại khoản 3 Điều này gồm các bước sau:

- Bước 1. BPLĐH/BPĐX chủ trì, phối hợp với TCG/BPMS nếu cần: (i) xác định/đánh giá nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện gói thầu; (ii) liên hệ với Nhà thầu (qua điện thoại, email hoặc hình thức khác) để thực hiện gói thầu.

Nhà thầu phải đảm bảo tư cách hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và đủ năng lực và kinh nghiệm phải đảm bảo các tiêu chí tối thiểu sau: (i) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy phép đăng ký kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật); (ii) đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng (thông thường trong khoảng từ 3 đến 5 năm trở lại đây) có phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật tương tự với gói thầu.

- Bước 2. Trong vòng 3 ngày sau khi nhà thầu đồng ý thực hiện gói thầu nêu ở Bước 1, BPLĐH đầu mối phối hợp với TCG/BPMS (nếu cần thiết) trình người có thẩm quyền xem xét chấp thuận bằng văn bản giao cho nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu.

- Bước 3. TCG/BPMS chủ trì, phối hợp với BPLĐH/BPĐX (nếu cần) chuẩn bị dự thảo hợp đồng và gửi cho nhà thầu đã vào thực hiện ngay gói thầu ở bước 2 để 2 bên thương thảo/hoàn thiện hợp đồng. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung phạm vi công việc, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, dự kiến giá thực hiện.

- Bước 4. TCG/BPMS chủ trì, phối hợp với BPLĐH/BPĐX (nếu cần thiết) thương thảo/hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu đảm bảo chi phí thực hiện phù hợp với thị trường.

Trường hợp phát hiện chi phí thực hiện do nhà thầu đề xuất cao bất thường so với thị trường thì 2 bên sẽ thương thảo giảm giá theo hướng giá thực hiện phù hợp với thị trường đồng thời không lấy báo giá của nhà thầu đó cho các công việc tiếp theo của Chi nhánh và người có thẩm quyền ghi nhận, xem xét không mời nhà thầu đó thực hiện các công việc tại Chi nhánh ở lần tiếp theo.

- Bước 5. Người có thẩm quyền giao BPTĐ hoặc thành lập tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra dự thảo hợp đồng nếu thấy cần thiết (kiểm tra điều khoản hợp đồng đảm bảo tính chặt chẽ rõ ràng, giá hợp đồng đảm bảo phù hợp với thị trường ...). Thời gian kiểm tra tối đa 2 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo hợp đồng.

- Bước 6. Trên cơ sở dự thảo hợp đồng đã được 2 bên thống nhất và đã được kiểm tra (Báo cáo kiểm tra dự thảo hợp đồng) nếu có, TCG/BPMS trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả chỉ định thầu (kết quả lựa chọn nhà thầu) và ký hợp đồng.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện các thủ tục chỉ định thầu nêu trên.

Người có thẩm quyền quyết định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc áp dụng, lựa chọn nhà thầu thực hiện ngay gói thầu theo hình thức CĐTRG theo quy trình này.

Lưu ý: i) Không bắt buộc lập, phê duyệt đơn hàng, KHMS; ii) Không bắt buộc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với CĐTRG quy định tại khoản này; iii) Tùy từng trường hợp cụ thể nếu có đủ thời gian người có thẩm quyền quyết định việc lấy báo giá, đăng web chính thức của Chi nhánh; iv) Trường hợp phạm vi công việc của gói thầu cần phải hoàn thành gấp thì 2 bên có thể nghiệm thu trước khi ký hợp đồng và phải có ghi chú "nghiệm thu để xử lý trường hợp khẩn" trong biên bản nghiệm thu.

Điều 64. Quy trình mua sắm trực tiếp

1. Quy trình tổng quát bao gồm các bước sau đây:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu:

- Lập HSYC;
- Phê duyệt HSYC.

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- Phát hành HSYC cho nhà thầu đã được lựa chọn trước đó;
- Nhà thầu chuẩn bị và nộp HSDX.

c) Đánh giá HSDX và thương thảo về đề xuất của nhà thầu;

d) Trình, phê duyệt và công khai KQLCNT;

đ) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

15:56 07/10/2026
80
Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



2. Chủ đầu tư chỉ áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp trong năm tài chính. Trường hợp gói thầu dự kiến áp dụng mua sắm trực tiếp có thời gian thực hiện dài hơn 1 năm thì chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần đối với các hàng hóa thuộc gói thầu đó trong tất cả các năm của giá trị mua sắm dự kiến trong kế hoạch hoạt động các năm tiếp theo.

3. Căn cứ KHMS được phê duyệt, TCG lập HSYC. HSYC bao gồm nhưng không hạn chế các nội dung sau: thông tin tóm tắt gói thầu; yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm; yêu cầu về tiến độ cung cấp và cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm quy cách kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSMT trước đó; yêu cầu về đơn giá của hàng hóa và các nội dung cần thiết khác. Không yêu cầu nhà thầu nộp bảo đảm dự thầu.

Trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của QĐMS, HSYC bao gồm TCDG về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật như trong HSMT trước đó. Không yêu cầu nhà thầu nộp bảo đảm dự thầu.

4. Trình và phê duyệt HSYC: thực hiện theo quy định tại Điều 37 của QĐMS (không phải thẩm định HSYC).

5. Phát hành HSYC tới nhà thầu trúng thầu trước đó. Trường hợp nhà thầu này không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không đồng ý thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì TCG lựa chọn nhà thầu theo thứ tự ưu tiên sau: có tên trong danh sách xếp hạng của gói thầu trước đó hoặc nhà thầu khác với điều kiện nhà thầu đó đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo HSMT và QLCNT trước đó.

6. Nhà thầu chuẩn bị và nộp HSDX.

7. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu:

a) Đánh giá HSDX, gồm: kiểm tra các nội dung về kỹ thuật và đơn giá; cập nhật thông tin về năng lực của nhà thầu; trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác nhà thầu trúng thầu trước đó thì TCG phải đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu đó theo quy định của HSYC; đánh giá thời gian thực hiện gói thầu, tiến độ thực hiện các công việc của gói thầu, biện pháp cung cấp hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; các nội dung khác (nếu có);

b) Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo, làm rõ các nội dung thông tin cần thiết của HSDX nhằm chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, tiến độ thực hiện các công việc của gói thầu, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trường hợp tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp có sự thay đổi quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) của gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không vượt đơn giá trước thuế của hàng hóa trong hợp đồng đã ký;

c) Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 40 của QĐMS và có cùng hãng sản xuất, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu với hàng hóa trúng thầu trước đó. Trường hợp, căn cứ nhu cầu sử dụng, TCG báo cáo người

81

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



có thẩm quyền chấp thuận các hàng hóa có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới hơn so với hàng hóa ghi trong hợp đồng đã ký nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Được nhà thầu thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền;
- Hàng hóa thay thế và hàng hóa ghi trong hợp đồng thuộc cùng hãng sản xuất và có cùng xuất xứ;
- Hàng hóa thay thế có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số và các yêu cầu kỹ thuật khác tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa ghi trong hợp đồng đã ký;
- Phù hợp với nhu cầu sử dụng;
- Đơn giá trước thuế giá trị gia tăng của hàng hóa của gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không vượt đơn giá trước thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó ghi trong hợp đồng đã ký.

8. Trình, phê duyệt, công khai kết quả mua sắm trực tiếp, hoàn thiện, ký kết hợp đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 40, 41 của QĐMS, không phải thẩm định kết quả mua sắm trực tiếp.

Điều 65. Quy trình tự thực hiện

Giám đốc Chi nhánh sẽ ban hành quy trình tự thực hiện trong văn bản riêng.

Điều 66. Quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

1. Việc lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu nêu tại các khoản 1, 1a, 1b, 1c, 3, 4 Điều 28 của QĐMS thực hiện theo quy trình sau:

a) Lập, phê duyệt đơn hàng, KHMS theo quy định tại QĐMS (không bắt buộc phải thẩm định);

b) Căn cứ đơn hàng và KHMS đã được phê duyệt, BPMS/BPLĐH chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác;

c) Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, BPMS/BPLĐH và nhà thầu được người có thẩm quyền phê duyệt trong KHMS tiến hành thương thảo hợp đồng;

d) BPMS/BPLĐH trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT, trong đó giá trúng thầu không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt;

đ) BPMS/BPLĐH và nhà thầu hoàn thiện hợp đồng và BPMS/BPLĐH trình người có thẩm quyền ký kết hợp đồng. Hợp đồng được ký kết phải phù hợp với quyết định phê duyệt KQLCNT, biên bản thương thảo hợp đồng và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

e) Riêng gói thầu nêu tại khoản 3 Điều 28 của QĐMS, nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải đáp ứng đủ năng lực, kinh nghiệm, uy tín, thời gian thực hiện đáp ứng yêu cầu.

2. Việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu nêu tại khoản 5 Điều 28 của QĐMS thực hiện theo quy trình sau:

82

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



BPMS/BPLĐH chuẩn bị dự thảo hợp đồng và trình người có thẩm quyền ký kết hợp đồng với đơn vị cung cấp để thực hiện (không phải lập, thẩm định, phê duyệt đơn hàng và KHMS). Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

3. Việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu nêu tại các khoản 2, 6 Điều 28 của QĐMS thực hiện theo quy trình sau:

a) BPMS/BPLĐH lập và trình người có thẩm quyền phê duyệt đơn hàng và KHMS (không bắt buộc thẩm định đơn hàng và KHMS): bao gồm các nội dung phạm vi công việc, giá gói thầu (là giá trị gói thầu trong kế hoạch năm được duyệt), thời gian thực hiện hợp đồng, nguồn vốn, nhà thầu được đề xuất thực hiện kèm theo dự thảo hợp đồng nguyên tắc và các nội dung cần thiết khác. Riêng gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 28 của QĐMS không phải lập, phê duyệt KHMS;

b) Trên cơ sở đơn hàng và KHMS được duyệt, BPMS/BPLĐH gửi dự thảo hợp đồng nguyên tắc cho nhà thầu được đề xuất thực hiện đã được duyệt. Hợp đồng nguyên tắc là những thỏa thuận dài hạn, mang tính nguyên tắc chung, trong đó bao gồm: phạm vi công việc, các tiêu chuẩn và điều kiện để làm cơ sở cho việc mua sắm/đặt hàng theo từng đơn hàng/giai đoạn cụ thể, giá trị (nếu có), nguyên tắc thanh toán, thời gian thực hiện hợp đồng, trách nhiệm của các bên và các nội dung cần thiết khác;

c) BPMS/BPLĐH và nhà thầu hoàn thiện hợp đồng nguyên tắc và BPMS/BPLĐH trình người có thẩm quyền ký kết hợp đồng. Hợp đồng nguyên tắc được ký kết phải phù hợp với đơn hàng và KHMS được duyệt, biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

Trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp các dịch vụ nói trên đã thực hiện theo hình thức ĐTRR, ĐTHC, CHCT khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, BPMS/BPLĐH có thể thương thảo để ký tiếp hợp đồng cung cấp dịch vụ trên cơ sở bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả kinh tế. Thời gian thực hiện hợp đồng (bao gồm cả thời gian thực hiện hợp đồng cũ và thời gian gia hạn, nếu có) không được quá 05 (năm) năm.

4. Việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu nêu tại khoản 7 Điều 28 của QĐMS được thực hiện theo quy trình sau:

a) Bộ phận chủ trì do người có thẩm quyền giao nhiệm vụ giải quyết vụ kiện (Bộ phận chủ trì) xây dựng các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư để xác định danh sách (không ít hơn 03) tổ chức hành nghề luật sư, luật sư dự kiến được thuê; chỉ lựa chọn vào danh sách các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư danh tiếng, nhiều kinh nghiệm;

b) Bộ phận chủ trì tổ chức thương thảo hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư, luật sư có ưu thế nhất trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu và cơ chế kiểm soát tổ chức hành nghề luật sư, luật sư trong vụ kiện;

c) Bộ phận chủ trì trình người có thẩm quyền phê duyệt KQLCNT và thông báo KQLCNT lên trang web chính thức của Chi nhánh;

d) Bộ phận chủ trì mời nhà thầu vào hoàn thiện hợp đồng và trình người có



thẩm quyền ký kết hợp đồng. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

5. Việc lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu nêu tại khoản 8 Điều 28 của QĐMS, người có thẩm quyền căn cứ các hình thức, quy trình lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều này để xem xét, quyết định quy trình lựa chọn nhà thầu khác phù hợp với đặc thù của gói thầu nhằm bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh.

Mục 5

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG KHUNG VÀ CHÀO GIÁ GIỮA CÁC NHÀ THẦU ĐÃ KÝ HỢP ĐỒNG KHUNG, MUA SẮM TẬP TRUNG, MUA SẮM NHỎ LẺ, MUA SẮM TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN

Điều 67. Quy trình lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng khung

1. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của Chi nhánh được phê duyệt có nêu rõ các hàng hóa, dịch vụ có thời gian thực hiện cung cấp không quá 3 năm; và/hoặc các hàng hóa, dịch vụ có thời gian thực hiện cung cấp trên 3 năm được PVN chấp thuận chủ trương cho tổ chức lựa chọn nhà thầu (được ghi nhận trong kế hoạch hoạt động của Chi nhánh hoặc văn bản chấp thuận riêng), Chi nhánh sẽ tổng hợp các chủng loại hàng hóa, dịch vụ sẽ ký hợp đồng khung làm căn cứ lập, trình phê duyệt đơn hàng theo quy định tại Điều 32 của QĐMS. Đối với nội dung dự toán đơn hàng trong trường hợp này được xác định theo thứ tự ưu tiên lần lượt như sau:

a) Theo nguyên tắc lập dự toán đơn hàng quy định tại khoản 3 Điều 32 của QĐMS nếu đã xác định rõ được thông số kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ;

b) Giá trị ước tính trong kế hoạch tổng thể mua sắm được duyệt nếu chưa xác định rõ thông số kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ.

Lập, trình phê duyệt kế hoạch mua sắm thực hiện theo quy định tại Điều 33 của QĐMS.

2. Quy trình tổng quát: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của QĐMS.

3. Căn cứ lập HSMQT, HSMST: theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của QĐMS.

4. TCG lập HSMQT, HSMST bao gồm các nội dung: thông tin tóm tắt về gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp HSDST; bảng dữ liệu đấu thầu; TCDG về tính hợp lệ của HSDST; TCDG về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; TCDG về kỹ thuật (nếu có); biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển; yêu cầu về kỹ thuật/điều khoản tham chiếu (nếu có); biểu mẫu hợp đồng khung (trong đó bao gồm mẫu phụ

84

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



lục bổ sung của hợp đồng khung ký với nhà thầu trúng thầu từng lô hàng/chuyển hàng/đợt cung cấp; mẫu thư mời chào giá đối với từng đợt chào giá, thư mời chào giá bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau: khối lượng, yêu cầu kỹ thuật/thông số kỹ thuật, thời gian giao hàng, địa điểm giao, thời hạn và hình thức nộp bản chào giá, thời gian và địa điểm mở chào giá, mẫu bảng chào giá...); và các nội dung cần thiết khác (nếu có). TCĐG của HSQT, HSDST được xây dựng theo các tiêu chí đạt, không đạt, trong đó quy định mức tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu và kỹ thuật (nếu có yêu cầu đánh giá về kỹ thuật).

5. Thẩm định, phê duyệt HSMQT, HSMST: thực hiện theo quy định tại Điều 37 của QĐMS.

6. Mời sơ tuyển, phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMQT, HSMST: thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 38 của QĐMS.

7. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút HSQT, HSDST: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của QĐMS.

8. Mở, làm rõ, nguyên tắc đánh giá HSQT, HSDST: thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 38 của QĐMS.

9. Đánh giá HSQT, HSDST: thực hiện theo quy định tại Điều 39 (đối với hợp đồng khung quy định mức giá trần hoặc đơn giá tương ứng với từng loại hàng hóa, dịch vụ) hoặc Điều 47 (đối với hợp đồng khung không có đơn giá) của QĐMS.

Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT: thực hiện theo quy định tại Điều 40 của QĐMS.

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu quan tâm, trúng sơ tuyển khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có HSDST hợp lệ theo quy định HSMQT, HSMST;
- b) Có năng lực và kinh nghiệm, kỹ thuật (nếu có yêu cầu đánh giá về kỹ thuật) đáp ứng yêu cầu HSMQT, HSMST.

10. Hoàn thiện, ký kết hợp đồng khung: thực hiện theo quy định tại Điều 41 của QĐMS.

Điều 68. Quy trình chào giá giữa các nhà thầu đã ký hợp đồng khung không quy định đơn giá

1. Căn cứ đơn hàng đối với từng lô hàng/chuyển hàng/đợt cung cấp cụ thể được phê duyệt, chủ đầu tư phát hành thư mời chào giá (theo mẫu quy định trong hợp đồng khung) đến các nhà thầu đã ký hợp đồng khung quy định tại Điều 67 của QĐMS thông qua fax và/hoặc email đã được các bên xác định trong hợp đồng khung.

2. Sửa đổi, làm rõ thư mời chào giá.

3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, làm rõ bản chào giá:

Các nhà thầu đã ký hợp đồng khung nộp bản chào giá (theo mẫu quy định trong hợp đồng khung) đến chủ đầu tư theo hình thức quy định trong thư mời chào giá (hoặc bằng fax hoặc email hoặc bưu điện hoặc nộp trực tiếp). Tuy nhiên phải

85

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



đảm bảo mục tiêu công bằng, minh bạch, không lộ lọt thông tin giá chào giữa các nhà thầu do nhà thầu nộp trước, nộp sau.

4. Mở, đánh giá bản chào giá, theo trình tự sau:

- a) Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của bản chào giá. Nhà thầu có bản chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá về kỹ thuật;
- b) Đánh giá về kỹ thuật (nếu HSMQT, HSMST chưa có đánh giá về kỹ thuật);
- c) Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có đề xuất kỹ thuật đáp ứng thư mời chào giá (nếu có yêu cầu đánh giá về kỹ thuật); có giá chào sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Nhà thầu trúng thầu là nhà thầu xếp hạng thứ nhất và giá chào sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) không vượt dự toán đơn hàng được duyệt.

5. Trình, phê duyệt KQLCNT: TCG trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt KQLCNT (không phải thẩm định KQLCNT).

6. Hoàn thiện, ký kết phụ lục bổ sung của hợp đồng khung với nhà thầu trúng chào giá. Việc hoàn thiện, ký kết thực hiện theo khoản 2 Điều 41 của QĐMS.

Điều 69. Quy trình mua sắm tập trung

1. Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của Chi nhánh/Nhà máy điện được phê duyệt, Giám đốc Chi nhánh sẽ xem xét tính cần thiết, sự phù hợp để tổng hợp nhu cầu mua sắm các vật tư O&M biến đổi, bản quyền phần mềm, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và các hàng hóa, dịch vụ khác để thực hiện mua sắm tập trung tại Cơ quan Chi nhánh hoặc phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Nhà máy điện thực hiện.

2. Việc lập, phê duyệt đơn hàng, KHMS để mua sắm tập trung cho các Nhà máy điện: thực hiện theo quy định tại Điều 32, 33 của QĐMS và/hoặc theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của QĐMS.

3. Quy trình mua sắm tập trung thực hiện theo quy định tại Mục 1 hoặc Mục 2 hoặc Mục 3 Chương V hoặc các Điều 67, 68 của QĐMS.

Điều 70. Quy trình mua sắm nhỏ lẻ

1. Mua sắm nhỏ, lẻ được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ đơn giản, thông dụng, sẵn có trên thị trường có giá trị đơn hàng đến 100 (một trăm) triệu đồng.

2. Hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, người có thẩm quyền quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt KHMS, dự toán đơn hàng, không phải ký hợp đồng với nhà thầu và phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ đơn giản thông dụng, sẵn có trên thị trường và sửa chữa nhỏ, dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng có giá trị đơn hàng trên 50 triệu đồng đến 100 (một trăm) triệu đồng thực hiện theo quy trình sau

86

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



(không bắt buộc lập đơn hàng và KHMS quy định tại Điều 32, 33 của QĐMS):

a) BPLĐH/BPMS lập tờ trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Tờ trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ gồm những thông tin sau:

- Phạm vi công việc;
- Dự toán chi phí;
- Nguồn vốn;
- Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ;
- Tên nhà thầu đề xuất.

b) Trên cơ sở phê duyệt của người có thẩm quyền trên tờ trình mua sắm (không bắt buộc ban hành quyết định phê duyệt), BPLĐH/BPMS thực hiện mua trực tiếp từ đơn vị cung cấp hoặc ký hợp đồng với nhà thầu;

c) Mua sắm trực tiếp ngoài thị trường đối với các sản phẩm sẵn có, niêm yết giá rõ ràng hoặc tham khảo ít nhất 3 báo giá để lựa chọn nhà thầu từ báo giá thấp nhất. Trường hợp có giá bằng nhau thì căn cứ trên các điều kiện như bảo hành, hậu mãi và các dịch vụ kèm theo và lựa chọn mua của nhà thầu có điều kiện ưu đãi tốt nhất.

CHƯƠNG VI

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU

Các Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78 của Chương này nhằm hướng dẫn TCG/BPMS lập dự thảo hợp đồng trong quá trình xây dựng HSMQT/HSMST/HSMT/HSYC hoặc trong quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

Điều 72. Các loại hợp đồng

1. Hợp đồng trọn gói:

Hợp đồng trọn gói là hợp đồng có giá hợp đồng cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Hợp đồng trọn gói được áp dụng đối với gói thầu mà phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, thời gian thực hiện gói thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, yêu cầu kỹ thuật, các điều kiện không lường trước được.

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định:

Hợp đồng theo đơn giá cố định là hợp đồng có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ công việc trong hợp đồng. Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng đối với gói thầu mà nội dung công việc đã xác định được rõ ràng nhưng chưa xác định được chính xác số lượng, khối lượng công việc thực tế phải hoàn thành.

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng đối với gói thầu có thời gian

87

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



thực hiện dài và có rủi ro biến động giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng không phù hợp với lại hợp đồng theo đơn giá cố định. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh có đơn giá, giá hợp đồng được điều chỉnh căn cứ vào các thỏa thuận trong hợp đồng đối với toàn bộ công việc trong hợp đồng.

4. Hợp đồng theo thời gian:

Hợp đồng theo thời gian có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị; dịch vụ tư vấn khi khó xác định đầy đủ phạm vi và thời gian thực hiện dịch vụ. Giá hợp đồng được tính trên cơ sở đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và chi phí phát sinh hợp lý được bồi hoàn.

5. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:

Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm mọi rủi ro trong quá trình vận hành mà giá hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị tài sản thực tế nhân với tỷ lệ phần trăm quy định trong hợp đồng.

6. Hợp đồng hỗn hợp:

Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng có nội dung kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này. Đối với hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng đối với từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ. Việc thanh toán đối với hợp đồng hỗn hợp phải phù hợp với quy định thanh toán theo từng loại hợp đồng cho phạm vi công việc thực hiện.

7. Hợp đồng khung:

a) Hợp đồng khung là hợp đồng dài hạn với một hoặc nhiều nhà thầu trúng thầu theo quy định tại Điều 67 của QĐMS, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn và điều kiện để làm cơ sở cho việc mua sắm theo từng lô hàng/chuyên hàng/đợt cung cấp dịch vụ cụ thể. Hợp đồng khung được áp dụng đối với trường hợp cần mua sắm hàng hóa, dịch vụ với số lượng nhiều, có chủng loại tương tự và có tính chất lặp đi, lặp lại nhằm giảm chi phí, thời gian, nhân lực thực hiện lựa chọn nhà thầu;

b) Thời hạn cho việc sử dụng Hợp đồng khung được quy định trong KHMS có thời gian thực hiện gói thầu không quá 03 năm. Trường hợp, trong hợp đồng khung quy định mức giá trần hoặc đơn giá tương ứng với từng loại hàng hóa, dịch vụ và thời gian cụ thể thương thảo lại các mức giá đó (không quá 01 năm). Trường hợp, trong hợp đồng khung quy định khối lượng/số lượng hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm mà không có đơn giá và áp dụng chào đơn giá đối với từng lô hàng/chuyên hàng/đợt cung cấp dịch vụ thì không quy định về giá và thời điểm thương thảo giá hàng hóa, dịch vụ trong Hợp đồng khung này;

c) Quy mô hợp đồng (khối lượng hàng hóa, dịch vụ) được cung cấp trong năm không vượt quá 150% so với hợp đồng đã thực hiện trong năm liền kề trước đó. Trường hợp đặc biệt, báo cáo Giám đốc Chi nhánh quyết định;

d) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ dài hạn có thời gian thực hiện gói thầu trên 3 năm: Giám đốc Chi nhánh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng

88

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



thành viên PVN và chỉ triển khai thực hiện sau khi được Hội đồng thành viên PVN chấp thuận chủ trương cho tổ chức lựa chọn nhà thầu (được nêu trong kế hoạch hoạt động của Chi nhánh hoặc văn bản chấp thuận riêng).

Điều 73. Hợp đồng với nhà thầu trúng thầu

1. Hợp đồng chỉ được ký kết sau khi KQLCNT được duyệt, kế hoạch hoạt động của Chi nhánh/Nhà máy điện được duyệt hoặc có văn bản chấp thuận của Giám đốc Chi nhánh (trừ mua sắm trong trường hợp khẩn) và trong thời gian HSQT, HSDST, HSDT, HSDX còn hiệu lực.

2. Đối với nhà thầu là liên danh, tất cả các thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng.

3. Một gói thầu được thực hiện theo một hợp đồng; trong một hợp đồng có thể áp dụng một hoặc nhiều loại hợp đồng quy định tại Điều 72 của QĐMS; đối với gói thầu mua sắm tập trung hoặc gói thầu chia thành nhiều phần (lô), một gói thầu có thể thực hiện theo nhiều hợp đồng tương ứng với một hoặc một số phần (lô). Trường hợp áp dụng nhiều loại hợp đồng thì phải quy định rõ loại hợp đồng tương ứng với từng nội dung công việc cụ thể.

4. Hợp đồng được ký với nhà thầu trúng thầu phải phù hợp với nội dung trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC và HSQT, HSDST, HSDT, HSDX, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt KQLCNT, trong đó nêu rõ phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) và giá trị công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ. Giá trị công việc tối đa dành cho nhà thầu phụ không bao gồm khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.

5. Ngoại trừ hợp đồng nguyên tắc thì thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- a) Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
- b) Biên bản thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
- c) Quyết định phê duyệt KQLCNT;
- d) ĐKCT của hợp đồng;
- đ) ĐKC của hợp đồng;
- e) HSQT, HSDST, HSDT, HSDX và các văn bản làm rõ hồ sơ này của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- g) HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC và các tài liệu sửa đổi hồ sơ này (nếu có);
- h) Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Đối với các hợp đồng mà lựa chọn nhà thầu theo hình thức CĐT, TTH, mua sắm nhỏ lẻ, mua sắm trong trường hợp khẩn, lựa chọn nhà thầu tư vấn là cá nhân, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt BPMS/TCG quyết định mẫu hợp đồng cho phù hợp những phải đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo tính chặt chẽ của hợp đồng.

89

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Đối với hợp đồng mà lựa chọn nhà thầu theo hình thức CGTTRG, BPMS/TCG có thể áp dụng theo mẫu trong mẫu mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn hoặc mẫu khác phù hợp những phải đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo tính chặt chẽ của hợp đồng.

6. Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực. Không yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn hoặc hợp đồng mà nhà thầu được lựa chọn thực hiện thông qua hình thức TTH, mua sắm nhỏ lẻ, mua sắm trong trường hợp khẩn, CDTRG, lựa chọn trong trường hợp đặc biệt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được xác định từ 2% đến 10% giá trị hợp đồng. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được gia hạn tương ứng.

7. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

8. Trường hợp nhà thầu vi phạm theo quy định tại khoản 7 Điều này dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng thì việc quản lý, sử dụng khoản thu từ bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện theo Quy chế tài chính của Chi nhánh.

Điều 74. Sửa đổi hợp đồng

1. Sửa đổi hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Các trường hợp do Chi nhánh, nhà thầu thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật;
- b) Trường hợp hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự;
- c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Chi nhánh.

2. Sửa đổi hợp đồng là việc Chi nhánh, nhà thầu thống nhất sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung trong hợp đồng đã ký, bao gồm các nội dung về tiến độ, khối lượng, giá và các nội dung khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này. Việc sửa đổi hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Đối với việc sửa đổi về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong hợp đồng. Việc sửa đổi hợp đồng được áp dụng đối với tất cả các loại hợp đồng quy định tại Điều 72 của QĐMS và phải được thực hiện bằng văn bản sửa đổi hợp đồng (phụ lục bổ sung hợp đồng).

90

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



3. Các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng về quy trình, thủ tục sửa đổi hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng;
- b) Sự kiện bất khả kháng;
- c) Thay đổi phương thức vận chuyển, địa điểm giao hàng, dịch vụ liên quan đối với gói thầu mua sắm hàng hóa;
- d) Bổ sung khối lượng, số lượng công việc ngoài khối lượng, số lượng nêu trong hợp đồng. Trong trường hợp này, văn bản sửa đổi hợp đồng phải quy định rõ khối lượng, giá trị, thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ đối với công việc bổ sung và các nội dung cần thiết khác. Thời gian giao hàng hoặc thời gian hoàn thành dịch vụ cho khối lượng công việc bổ sung có thể ngoài thời gian thực hiện hợp đồng ban đầu nhưng phải được người có thẩm quyền cho phép.

Việc áp dụng tùy chọn mua thêm được thực hiện 01 hoặc nhiều lần nhưng không vượt quá mức tối đa nêu trong KHMS. Trường hợp tại thời điểm áp dụng tùy chọn mua thêm có sự thay đổi về chính sách thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa, dịch vụ (trước thuế giá trị gia tăng) thuộc tùy chọn mua thêm không được vượt đơn giá (trước thuế giá trị gia tăng) của hàng hóa, dịch vụ trong hợp đồng đã ký.

đ) Thay đổi về yêu cầu kỹ thuật (chủng loại, thông số kỹ thuật ..) của hàng hóa, dịch vụ đã được duyệt;

e) Một hoặc các bên đề xuất các sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mang lại lợi ích cao hơn cho Chi nhánh;

g) Thay đổi tiến độ thực hiện công việc trong hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các công việc quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

- Thay đổi, điều chỉnh phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc trong hợp đồng;

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của nhà thầu.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên, bao gồm khối lượng, giá cả và các nội dung khác.

4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, trường hợp hết thời gian thực hiện hợp đồng mà khối lượng công việc quy định tại hợp đồng ban đầu chưa được thực hiện hết thì BPMS báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không quá 6 tháng.

91

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



5. Các trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và các nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng mà không phải sửa đổi hợp đồng, không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Không vượt giá gói thầu trong KHMS được duyệt; trường hợp dự toán đơn hàng được phê duyệt sau khi có KHMS thì không vượt dự toán đơn hàng;
- b) Không vượt thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng;
- c) Phương pháp, công thức, hạng mục và các nội dung cần thiết để điều chỉnh đã quy định trong hợp đồng.

6. Các trường hợp thay đổi giá hợp đồng, khối lượng và các nội dung khác đã được quy định trong hợp đồng mà không phải sửa đổi hợp đồng, không phải ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều này bao gồm:

- a) Tăng, giảm khối lượng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh;
- b) Tăng, giảm thời gian đối với hợp đồng theo thời gian; tăng, giảm giá trị tài sản để tính phần trăm chi phí đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng đã ký.

Trường hợp việc thay đổi các nội dung quy định tại khoản này dẫn đến không đáp ứng được một hoặc các điều kiện quy định tại khoản 5 Điều này thì BPMS phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hợp đồng.

Điều 75. Đồng tiền và hình thức thanh toán hợp đồng

1. Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng phải được quy định cụ thể trong hợp đồng và phù hợp với yêu cầu của HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC và không được trái với các quy định của pháp luật.

2. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản và các hình thức khác do các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật và phải được ghi trong hợp đồng.

Điều 76. Tạm ứng hợp đồng

1. Tạm ứng hợp đồng là khoản kinh phí được ứng trước cho nhà thầu để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng.

2. Tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu để xác định mức tạm ứng, phù hợp. Mức tạm ứng đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa không được vượt quá 30% giá hợp đồng trước thuế và không vượt quá 50% giá hợp đồng trước thuế đối với hợp đồng mua sắm dịch vụ tại thời điểm ký kết, trường hợp đặc biệt thì phải được Giám đốc Chi nhánh chấp thuận.

3. Trong hợp đồng phải quy định về mức tạm ứng theo quy định tại khoản 2 Điều này, thời điểm tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, thu hồi tạm ứng trong quá trình thanh toán; trách nhiệm của các bên trong việc quản lý, sử dụng kinh phí tạm ứng; thu giá trị của bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

92

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

4. Trước khi Chi nhánh thực hiện việc tạm ứng hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho Chi nhánh bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng.

5. Giá trị tạm ứng hợp đồng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết giá trị tạm ứng khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.

Điều 77. Nguyên tắc thanh toán đối với các loại hợp đồng

1. Đối với hợp đồng trọn gói:

Việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng; khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện và đã được nghiệm thu tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng.

3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá hoặc đơn giá đã được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện và đã được nghiệm thu tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng; trường hợp hợp đồng không điều chỉnh đơn giá mà điều chỉnh trượt giá thì giá trị thanh toán được xác định theo giá hợp đồng được điều chỉnh trượt giá theo quy định của hợp đồng.

4. Đối với hợp đồng theo thời gian:

a) Mức thù lao cho chuyên gia: được tính xác định trên cơ sở lương của chuyên gia và các chi phí liên quan đến lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ lễ, nghỉ tết, chi phí quản lý của nhà thầu (nếu có) và các chi phí khác được nêu trong hợp đồng hoặc được điều chỉnh theo quy định nhân với thời gian làm việc thực tế (theo tháng, tuần, ngày, giờ) tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng;

b) Đối với các công việc ngoài quy định tại điểm a khoản này áp dụng đơn giá theo đơn vị thời gian, việc thanh toán căn cứ vào đơn giá nhân với thời gian làm việc, sử dụng thực tế tương ứng với các mốc hoàn thành và quy định trong hợp đồng;

c) Các khoản chi phí liên quan (ngoài chi phí lương của chuyên gia tư vấn, chi phí công việc khác áp dụng đơn giá theo đơn vị thời gian quy định tại điểm a, b khoản này) bao gồm: chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, thông tin liên lạc và các chi phí khác thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng. Đối với mỗi khoản chi phí này, trong hợp đồng cần quy định phương thức thanh toán như thanh toán theo thực tế dựa vào hóa đơn, chứng từ hợp lệ do nhà thầu xuất trình hoặc thanh toán trên cơ sở đơn giá thỏa thuận trong hợp đồng.

93

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



5. Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm:

Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở tỷ lệ phần trăm ghi trong hợp đồng nhân với giá trị tài sản thực tế được nghiệm thu và phù hợp với thời hạn bảo hiểm ghi trong hợp đồng.

Điều 78. Thanh lý hợp đồng

1. Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp sau đây:

- a) Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- b) Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật.

2. Các bên có thể thỏa thuận về việc hợp đồng tự động hết hiệu lực khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng có thể được lập riêng hoặc như một phần của biên bản nghiệm thu đợt cuối cùng hoặc biên bản thống nhất chấm dứt hợp đồng với nội dung phù hợp với trách nhiệm các bên đã quy định trong hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.

CHƯƠNG VII

MUA SẮM NHIÊN LIỆU, ĐÁ VÔI, BẢO HIỂM RỦI RO TÀI SẢN

Điều 79. Mua than nhập khẩu

Việc mua than nhập khẩu được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu sau:

- a) Đấu thầu rộng rãi;
- b) Đấu thầu hạn chế;
- c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của PVN.

Quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 hoặc Mục 2 Chương V hoặc các Điều 67, 68 của QĐMS và quy định của PVN, đảm bảo giá cạnh tranh, minh bạch và đơn giá tiền than được thanh toán trong giá điện của Hợp đồng mua bán điện.

Điều 80. Mua than trong nước

1. Mua than từ Tập đoàn Công Nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) cho NMT Thái Bình 2.

Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc ký kết giữa PVN và TKV việc mua than hàng năm được thực hiện theo hình thức đàm phán hợp đồng (lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt) với TKV, với giá than theo kê khai giá và quyết định ban hành giá bán than của TKV tại từng thời điểm.

94

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



2. Theo Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trường hợp tổ chức đấu thầu mua than từ các nhà thầu khác ngoài TKV và ngoài Tổng công ty Đông Bắc hoặc từ các nhà thầu khác có nguồn gốc than hợp pháp theo quy định, đảm bảo giá than cạnh tranh minh bạch và đơn giá tiền than được thanh toán trong giá điện của Hợp đồng mua bán điện.

3. Việc mua than trong nước được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Phù hợp với nội dung của hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng khung (nếu có) về việc mua bán than để đảm bảo nguồn cung cấp than lâu dài và ổn định cho sản xuất;

b) Khối lượng và chủng loại than phù hợp với kế hoạch hoạt động của Chi nhánh/Nhà máy điện;

c) Quá trình lựa chọn nhà thầu đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 81. Mua đá vôi và dầu đốt

Việc mua đá vôi và dầu đốt được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu sau:

a) Đấu thầu rộng rãi;

b) Đấu thầu hạn chế;

c) Mua sắm trực tiếp.

Quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 hoặc Mục 2 Chương V hoặc các Điều 67, 68 của QĐMS.

Điều 82. Mua bảo hiểm rủi ro trong quá trình vận hành Nhà máy điện

Việc mua bảo hiểm rủi ro trong quá trình vận hành Nhà máy điện được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu sau:

a) Đấu thầu rộng rãi;

b) Đấu thầu hạn chế.

Quy trình lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 hoặc Mục 2 Chương V hoặc các Điều 67, 68 của QĐMS.

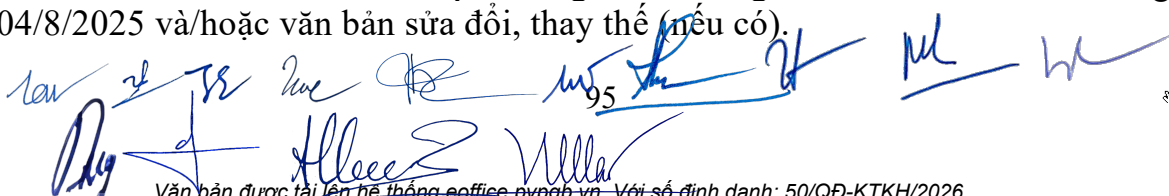
CHƯƠNG VIII

LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO LUẬT ĐẤU THẦU 2023

Điều 83. Lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu 2023

1. Đối với các gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 1 của QĐMS: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu 2023.

2. Đối với các gói thầu quy định tại khoản 1 Điều này nếu đủ điều kiện thì tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 và/hoặc văn bản sửa đổi, thay thế (nếu có).

CHƯƠNG IX

CÁC MẪU HỒ SƠ

Điều 84. Các mẫu hồ sơ trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

1. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng, đơn hàng gồm 4 biểu mẫu gồm:

- a) Mẫu số 1A – Mẫu Phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ;
- b) Mẫu số 1B – Mẫu Tờ trình phê duyệt đơn hàng;
- c) Mẫu số 1C – Mẫu Báo cáo thẩm định đơn hàng;
- d) Mẫu số 1D – Mẫu Quyết định phê duyệt đơn hàng.

2. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch mua sắm (KHMS) gồm:

- a) Mẫu số 2A – Mẫu Tờ trình phê duyệt KHMS;
- b) Mẫu số 2B – Mẫu Báo cáo thẩm định KHMS;
- c) Mẫu số 2C – Mẫu Quyết định phê duyệt KHMS.

Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc KHMS đã được phê duyệt thì chỉ cần lập, trình, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có sự thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với KHMS đã được phê duyệt thì không phải điều chỉnh KHMS.

3. Mẫu lập, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu (HSMT), Yêu cầu báo giá gồm:

- a) Mẫu số 3B – Tờ trình phê duyệt HSMT;
- b) Mẫu số 3A – Báo cáo thẩm định HSMT;
- c) Mẫu số 3C – Quyết định phê duyệt HSMT;
- d) Mẫu số 4A – Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, qua mạng, 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- e) Mẫu số 4A.1 - Hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, không qua mạng, 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- f) Mẫu số 4C - Hồ sơ mời sơ tuyển mua sắm hàng hóa, qua mạng;
- g) Mẫu số 5A – Hồ sơ mời thầu phi tư vấn, qua mạng, 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;
- h) Mẫu số 5B - Hồ sơ mời thầu gói thầu phi tư vấn, 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ, qua mạng;
- i) Mẫu số 6A – Hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn, qua mạng;
- j) Mẫu số 6B - Hồ sơ mời quan tâm dịch vụ tư vấn, qua mạng.



4. Mẫu Báo cáo đánh giá gồm:

a) Mẫu số 7A – Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, qua mạng, cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa (theo Quy trình số 01), phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;

b) Mẫu số 7B – Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, qua mạng, cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa (theo Quy trình số 02), phương thức 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ;

c) Mẫu số 7D – Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, qua mạng, cho gói thầu dịch vụ tư vấn.

5. Mẫu thẩm định kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu gồm:

a) Mẫu số 8A – Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật (HSDXKT), gói thầu áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ;

b) Mẫu số 8B - Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Mẫu lập tờ trình mua sắm nhỏ lẻ gồm:

Mẫu số 9 – Tờ trình phê duyệt mua sắm.

7. Các Phụ lục gồm:

a) Phụ lục 10A.1: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách ngăn đối với đấu thầu qua mạng áp dụng sơ tuyển, mời quan tâm;

b) Phụ lục 10A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả đánh giá HSDXKT (đối với gói thầu theo phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ);

c) Phụ lục 10B: Mẫu Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đối với gói thầu theo phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ);

d) Phụ lục 11A: Mẫu Kết quả đối chiếu tài liệu (đối với tất cả các gói thầu);

e) Phụ lục 11B: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn áp dụng thương thảo hợp đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 43 của QĐMS);

đ) Phụ lục 11C: Mẫu Biên bản thương thảo hợp đồng (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn);

f) Phụ lục 12A: Mẫu Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

g) Phụ lục 12B: Mẫu Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

h) Phụ lục 12B.1: Mẫu Bản cam kết (áp dụng đối với thành viên TCG);

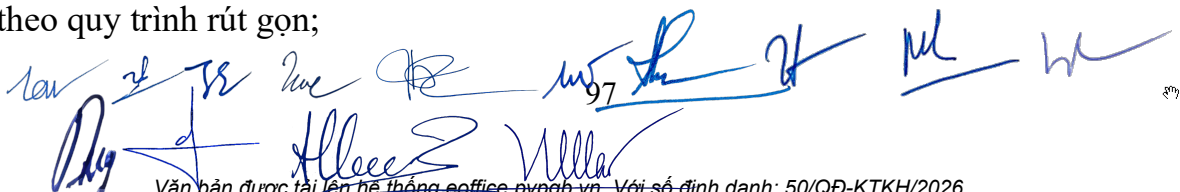
i) Phụ lục 12B.2: Mẫu Bản cam kết (áp dụng đối với thành viên TTĐ).

8. Biểu mẫu mời chào giá áp dụng cho chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn:

a) Mẫu số 12C - Mẫu mời chào giá trực tuyến gói thầu mua sắm hàng hóa theo quy trình rút gọn;

b) Mẫu số 12D - Mẫu mời chào giá trực tuyến gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo quy trình rút gọn;

97



c) Mẫu số 12G - Mời chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn trong trường hợp xử lý tình huống theo Điều 140 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

9. Mẫu số 13. Mẫu Hồ sơ yêu cầu áp dụng cho chỉ định thầu theo quy trình thông thường gói thầu mua sắm hàng hóa.

10. Khi lập HSMT đối với lựa chọn nhà thầu không qua mạng TCG/BPMS chỉnh sửa các biểu mẫu hồ sơ thầu ban hành kèm theo Quyết định này trên cơ sở bảo đảm không trái với QĐMS và phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

11. Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại 1 Điều 12 của QĐMS không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch mua sắm.

12. Trong trường hợp có mâu thuẫn hoặc chưa rõ giữa các nội dung trong QĐMS và trong các biểu mẫu hồ sơ nêu tại Điều này thì QĐMS là cơ sở để điều chỉnh và ưu tiên áp dụng.

CHƯƠNG X

PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 85. Trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh

Giám đốc Chi nhánh có các trách nhiệm sau:

1. Phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm của Chi nhánh quy định tại Điều 31 của QĐMS.

2. Phê duyệt danh sách nhà thầu, cá nhân bị cấm tham dự thầu các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của QĐMS trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Nhà máy điện và/hoặc phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh (nếu có).

3. Phê duyệt đơn hàng, tổ chức thực hiện và quyết định toàn bộ Các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng (bao gồm cả phụ lục bổ sung hợp đồng, nếu có) đối với các gói thầu/hạng mục quy định tại điểm e khoản 2 và khoản 2a Điều 31 của QĐMS.

3a. Quyết định thành lập TCG, TTĐ các gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 và khoản 2a Điều 31 của QĐMS.

4. Thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 87 của QĐMS đối với các gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 và khoản 2a Điều 31 của QĐMS.

6. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ năm, đột xuất đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; Phê duyệt quyết định kiểm tra, kết luận kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra.

8. Và thực hiện các trách nhiệm khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia

98

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Việt Nam.

Điều 86. Trách nhiệm của Giám đốc Nhà máy điện

Giám đốc Chi nhánh phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Nhà máy điện thực hiện các trách nhiệm sau:

1. Trên cơ sở kế hoạch tổng thể mua sắm của Nhà máy điện được Giám đốc Chi nhánh phê duyệt, Giám đốc Nhà máy điện phê duyệt đơn hàng, tổ chức thực hiện và quyết định toàn bộ Các nội dung liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng, ký kết hợp đồng đối với các gói thầu/hạng mục quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

1a. Quyết định thành lập TCG, TTĐ các gói thầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

2. Thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền quy định tại Điều 87 của QĐMS đối với các gói thầu/hạng mục quy định tại điểm d khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

3. Khi lập dự toán đơn hàng của các gói thầu/hạng mục nêu trong kế hoạch tổng thể mua sắm mà có giá trị dự toán lớn hơn giá trị trong kế hoạch tổng thể mua sắm, Giám đốc Nhà máy điện được chủ động phê duyệt nhưng phải đảm bảo không vượt giá trị trong Biểu chi phí tương ứng tại kế hoạch hoạt động năm của Nhà máy điện được duyệt.

4. Lập và trình Giám đốc Chi nhánh phạm vi công việc và thời gian sử dụng các hàng hóa, dịch vụ đối với các gói thầu/hạng mục quy định tại điểm e khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

5. Trình Giám đốc Chi nhánh phê duyệt danh sách nhà thầu, cá nhân bị cấm tham dự thầu các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của QĐMS theo quy định tại Điều 108 của QĐMS.

6. Giám đốc Nhà máy điện chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, PVN về các quyết định của mình.

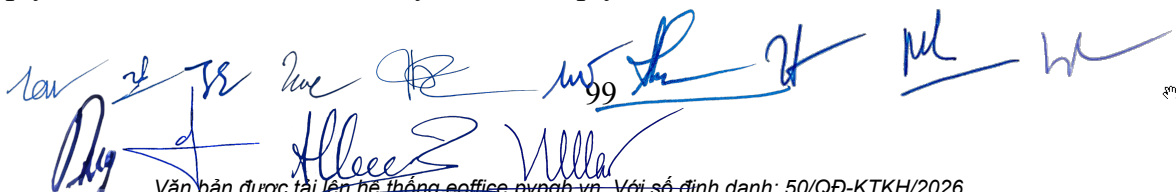
7. Trong phạm vi quy định tại Điều này, căn cứ vào cơ cấu tổ chức, đặc thù của Nhà máy điện và phân cấp, ủy quyền của Giám đốc Chi nhánh cho Giám đốc Nhà máy điện, Giám đốc Nhà máy điện chủ động phân công các phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện để thực hiện lựa chọn nhà thầu.

Điều 87. Trách nhiệm của người có thẩm quyền

1. Phê duyệt các nội dung sau đây:

- a) KHMS;
- b) Danh sách ngắn, nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu;
- c) HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC;
- d) Kết quả đánh giá HSĐXKT, KQLCNT.

2. Chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này tuân thủ quy định tại Điều 16 của QĐMS.





3. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng (nếu được phép) với nhà thầu.
5. Quyết định xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu.
6. Hủy thầu; đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQLCNT, xử lý vi phạm về lựa chọn nhà thầu theo quy định của QĐMS.
7. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của QĐMS.
8. Trường hợp người có thẩm quyền là người được Giám đốc Chi nhánh phân cấp, ủy quyền thì phải:
 - a) Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, PVN về quá trình lựa chọn nhà thầu;
 - b) Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với các phạm vi được phân cấp, ủy quyền;
 - c) Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của Giám đốc Chi nhánh, PVN, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu.
9. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
10. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của QĐMS.

Điều 88. Trách nhiệm của tổ chuyên gia

1. Lập KHMS và trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.
2. Lập, sửa đổi HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC và trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đề xuất với chủ đầu tư trả lời làm rõ các hồ sơ đã phát hành này nếu có yêu cầu làm rõ của nhà thầu.
- 2a. Trong quá trình thực hiện mua sắm, nếu phát hiện đơn hàng có nội dung không phù hợp với thực tế, cần phải thay đổi thì TCG có trách nhiệm thông báo cho BPLĐH biết để điều chỉnh đơn hàng lại cho phù hợp (nếu cần thiết).
3. Chủ trì lựa chọn nhà thầu đối với trường hợp lựa chọn danh sách ngắn, nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu (nếu được yêu cầu) trừ trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 63 của QĐMS.
4. Đánh giá HSQT, HSDST, HSDT, HSĐX; đề xuất với người có thẩm quyền phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong lựa chọn nhà thầu (nếu có).
5. Đề xuất với chủ đầu tư thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSQT, HSDST, HSDT, HSĐX.
6. Trình người có thẩm quyền phê duyệt kết quả đánh giá HSĐXKT, KQLCNT, kết quả lựa chọn danh sách ngắn (đối với quy trình LCNTĐKHĐK).
7. Tham gia cùng với chủ đầu tư thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu.
9. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
- 9a. Trung thực, khách quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

100

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



10. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu.

11. Thực hiện trách nhiệm khác được người có thẩm quyền giao theo quy định của QĐMS.

12. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền trong phạm vi công việc được giao theo quy định tại Điều này.

Điều 89. Trách nhiệm của tổ thẩm định

1. Hoạt động độc lập, khách quan khi tiến hành thẩm định.
2. Yêu cầu, BPMS, TCG cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan.
3. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình thẩm định.

3a. Chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung sau đây: đơn hàng (nếu có yêu cầu), KHMS (nếu có yêu cầu), HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá HSĐXKT (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ), KQLCNT tuân thủ quy định Điều 16 của QĐMS.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, người có thẩm quyền về kết quả thẩm định và các công việc được giao theo quy định tại Điều này.

6. Thực hiện trách nhiệm khác được người có thẩm quyền giao theo quy định của QĐMS.

Điều 90. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Yêu cầu chủ đầu tư làm rõ HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà thầu.

3. Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhà thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh còn có trách nhiệm sau đây:

a) Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia đấu thầu qua mạng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.

5. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của QĐMS.

101

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Điều 91. Trách nhiệm của bộ phận lập đơn hàng

1. Trên cơ sở đề xuất của Nhà máy điện (nếu có), Phòng KTATMT/Phòng phụ trách lĩnh vực chịu trách nhiệm rà soát và trình Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh được phân công xem xét phê duyệt/chấp thuận phạm vi công việc cần mua sắm đối với các gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 31 của QĐMS.

1a. Trên cơ sở đề xuất của BPĐX tại Phiếu đề xuất nhu cầu sử dụng (Mẫu số 1A) hoặc phạm vi công việc cần mua sắm được phê duyệt/chấp thuận nêu tại khoản 1 Điều này, BPLĐH chịu trách nhiệm lập và trình người có thẩm quyền phê duyệt đơn hàng (Mẫu số 1B).

3. Chủ trì, phối hợp với BPMS/TCG (nếu cần) xác định và báo cáo người có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản giao cho nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu quy định tại khoản 3 Điều 63 của QĐMS.

3a. Phối hợp cùng ký trình KHMS, KQLCNT (nếu được yêu cầu).

4. Cử nhân sự tham gia vào TCG, TTĐ nếu được yêu cầu.

5. Trong quá trình thực hiện mua sắm, nếu nhu cầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ có thay đổi so với đơn hàng ban đầu thì BPLĐH có trách nhiệm điều chỉnh lại đơn hàng (nếu cần thiết) và trình người có thẩm quyền phê duyệt lại đơn hàng được điều chỉnh.

6. Phối hợp với BPMS lập và thực hiện đánh giá kỹ thuật các HSDST, HSDT, HSDX nếu được yêu cầu.

7. Lưu trữ hồ sơ đơn hàng và các tài liệu khác do BPLĐH chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 92. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện mua sắm

1. BPMS thực hiện trách nhiệm của TCG đối với các gói thầu mà người có thẩm quyền không thành lập TCG.

2. BPMS chủ trì phối hợp với các phòng/phân xưởng đề xuất các nhân sự tham gia TCG (Tổ trưởng TCG là lãnh đạo Phòng TM hoặc nhân sự khác được người có thẩm quyền chỉ định) gửi Phòng TCHC soạn quyết định thành lập trình người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo hình thức mua sắm nhỏ lẻ, TTH, CĐTRG, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt không bắt buộc phải thành lập TCG, TTĐ. BPMS phối hợp với các bộ phận, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện liên quan, thương thảo và trình người có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà thầu đáp ứng yêu cầu gói thầu. BPMS, các bộ phận, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện liên quan có trách nhiệm triển khai các công việc trong quá trình lựa chọn nhà thầu kể từ khi đơn hàng được phê duyệt cho đến khi hợp đồng được ký kết.

5. Chủ trì lựa chọn nhà thầu đối với trường hợp lựa chọn danh sách ngắn, nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu (trường hợp không thành lập TCG).

102

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

5a. Là đầu mỗi tổ chức thực hiện quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo, soạn thảo và trình người có thẩm quyền ký hợp đồng, trừ trường hợp thành lập TCG.

6. Trong quá trình thực hiện mua sắm, nếu phát hiện đơn hàng có nội dung không phù hợp với thực tế, cần phải thay đổi thì BPMS có trách nhiệm thông báo cho BPLĐH biết để điều chỉnh đơn hàng lại cho phù hợp (nếu cần thiết).

8. Các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, các phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện đề xuất nhân sự đảm nhận vai trò Tổ phó/Thành viên TCG phù hợp với tính chất gói thầu.

Điều 92a. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện thẩm định

1. BPTĐ thực hiện trách nhiệm của TTĐ đối với các gói thầu mà người có thẩm quyền không thành lập TTĐ.

2. Phòng KTKH/Phòng KHTC chủ trì phối hợp với các phòng/phân xưởng đề xuất các nhân sự tham gia TTĐ (Tổ trưởng TTĐ là lãnh đạo phòng KTKH/KHTC hoặc nhân sự khác được người có thẩm quyền chỉ định) gửi Phòng TCHC soạn quyết định thành lập trình người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, các phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện cử nhân sự đảm nhận vai trò Tổ phó/Thành viên TTĐ phù hợp với tính chất gói thầu.

Điều 93. Trách nhiệm của bộ phận đề xuất

1. Chủ trì lập đề xuất nhu cầu sử dụng hàng hóa, dịch vụ (Mẫu số 1A) để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh gửi BPLĐH.

2. Kiểm tra, rà soát đơn hàng trước khi trình người có thẩm quyền phê duyệt nếu được yêu cầu.

3. Phối hợp ký khi phê duyệt KHMS, KQLCNT nếu được yêu cầu.

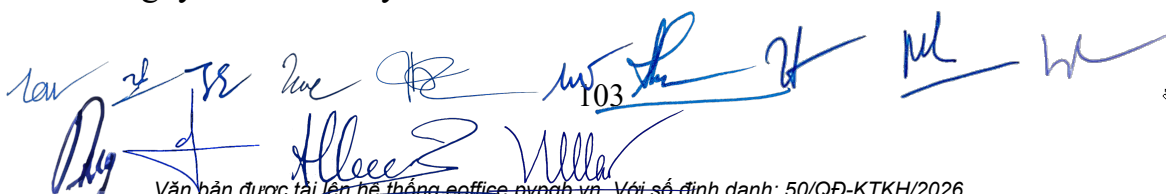
Trách nhiệm của các BPLĐH (Điều 91), BPMS (Điều 92), BPTĐ (Điều 92a), BPDĐ (Điều 93) được tóm tắt tại Phụ lục 3 của QĐMS.

CHƯƠNG XI

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG, GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 94. Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu

Xử lý tình huống là việc giải quyết trường hợp phát sinh chưa lường tới trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Người có thẩm quyền quyết định xử lý tình huống trên cơ sở tham chiếu Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh, PVN về quyết định của mình, bảo đảm các nguyên tắc sau đây:


103



1. Công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế;
2. Căn cứ vào các tài liệu liên quan: KHMS; HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC; HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; KQLCNT; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu trúng thầu.

Điều 95. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu

Khi nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, KQLCNT trên cơ sở tham chiếu các Điều 89 của Luật đấu thầu 2023 và Điều 137, 138, 139 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG XII

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Mục 1

KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 96. Trách nhiệm kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu

Cơ quan Chi nhánh chủ trì tổ chức kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu tại các Nhà máy điện thuộc Chi nhánh theo kế hoạch định kỳ hằng năm do Giám đốc Chi nhánh phê duyệt.

Điều 97. Trách nhiệm của đoàn kiểm tra, thành viên đoàn kiểm tra

1. Trách nhiệm của đoàn kiểm tra:
 - a) Thực hiện kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại quyết định kiểm tra;
 - b) Đề nghị Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để phục vụ việc kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra;
 - c) Xây dựng dự thảo biên bản kiểm tra và thông báo về dự thảo biên bản kiểm tra cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra;
 - d) Xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra.
2. Trách nhiệm của Trưởng đoàn kiểm tra:
 - a) Tổ chức xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra chi tiết;
 - b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn kiểm tra khi thực hiện kiểm tra.
3. Trách nhiệm của thành viên đoàn kiểm tra:
 - a) Thực hiện kiểm tra theo đúng quy định và theo phân công của trưởng đoàn kiểm tra;

104

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

- b) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra cá nhân theo phân công;
- c) Báo cáo trưởng đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra do mình thực hiện;
- d) Được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh về ý kiến của mình.

Điều 98. Trách nhiệm của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra

1. Trách nhiệm của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra:
 - a) Phối hợp và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra;
 - b) Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cung cấp;
 - c) Giải trình về các nội dung tại dự thảo biên bản kiểm tra (nếu có);
 - d) Thực hiện kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra;
 - đ) Gửi báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện kết luận kiểm tra đến đoàn kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 103 của QĐMS.
2. Trách nhiệm của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận có liên quan:
 - a) Báo cáo trung thực, cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ khi đoàn kiểm tra có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Giám đốc Chi nhánh về nội dung đã cung cấp;
 - b) Giải trình về các nội dung tại dự thảo biên bản kiểm tra (nếu có).

Điều 99. Nguyên tắc tổ chức kiểm tra

1. Tuân thủ quy định của QĐMS, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch và kịp thời.
2. Công tâm, khách quan, không gây khó khăn cho bộ phận được kiểm tra; tuân thủ các quy định về phòng, chống tham nhũng.
3. Tiến hành độc lập nhưng có sự phối hợp và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.
4. Không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra, nội dung và thời gian kiểm tra với các nội dung đã được các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra trong vòng 12 tháng tính đến ngày tiến hành kiểm tra.
5. Trường hợp có sự trùng lặp về thời gian kiểm tra Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra giữa Chi nhánh và cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan cấp trên hoặc các cấp có thẩm quyền khác thì ưu tiên thực hiện kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan cấp trên hoặc các cấp có thẩm quyền khác.
6. Các thành viên tham gia đoàn kiểm tra không là Tổ trưởng, Tổ phó các TCG, TTĐ các gói thầu thuộc diện kiểm tra.

Điều 100. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ:

105

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

a) Kiểm tra định kỳ được thực hiện theo kế hoạch thường xuyên hằng năm được Giám đốc Chi nhánh phê duyệt;

b) Căn cứ tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu của từng năm, Phòng TM chủ trì phối hợp với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh lập kế hoạch kiểm tra định kỳ cho năm kế tiếp, trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch kiểm tra định kỳ bao gồm các nội dung sau đây: danh sách các Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra; thời gian thực hiện kiểm tra; phạm vi và nội dung kiểm tra; phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh phối hợp kiểm tra (nếu có);

c) Trường hợp cần điều chỉnh kế hoạch kiểm tra định kỳ đã phê duyệt, Phòng TM chủ trì phối hợp với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh lập kế hoạch điều chỉnh, trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, phê duyệt;

d) Kế hoạch kiểm tra định kỳ và kế hoạch điều chỉnh (nếu có) được phê duyệt là cơ sở để Giám đốc Chi nhánh phê duyệt quyết định kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra;

đ) Kế hoạch kiểm tra định kỳ và kế hoạch điều chỉnh (nếu có) được gửi đến Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày được phê duyệt nhưng phải đảm bảo Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra nhận được tối thiểu là 15 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.

2. Kiểm tra đột xuất:

a) Kiểm tra đột xuất do Giám đốc Chi nhánh quyết định;

b) Kiểm tra đột xuất được thực hiện đối với từng trường hợp theo yêu cầu của Giám đốc Chi nhánh, PVN, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 101. Phương thức kiểm tra

1. Một cuộc kiểm tra có thể được tiến hành theo một hoặc kết hợp các phương thức kiểm tra quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Kiểm tra trực tiếp là phương thức được áp dụng chủ yếu và được thực hiện trực tiếp tại cơ sở của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra.

3. Báo cáo bằng văn bản là phương thức đoàn kiểm tra yêu cầu bộ phận được kiểm tra báo cáo bằng văn bản về nội dung cần kiểm tra.

Điều 102. Thời gian kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian kiểm tra trực tiếp tại cơ sở tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, đoàn kiểm tra phải có biên bản kiểm tra. Giám đốc Chi nhánh phê duyệt kết luận kiểm tra trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày đoàn kiểm tra trình dự thảo kết luận kiểm tra.

2. Trường hợp cuộc kiểm tra có nội dung phức tạp và liên quan đến nhiều bộ phận được kiểm tra thì thời gian kiểm tra trực tiếp tại cơ sở tối đa là 15 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trong thời hạn tối đa 40 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra trực tiếp, đoàn kiểm tra phải có biên bản kiểm tra. Giám đốc Chi nhánh phê duyệt kết luận kiểm tra trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày đoàn

106

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



kiểm tra trình dự thảo kết luận kiểm tra.

Điều 103. Quy trình kiểm tra theo phương thức kiểm tra trực tiếp

1. Chuẩn bị kiểm tra:

Căn cứ kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc yêu cầu kiểm tra đột xuất, Phòng TM chủ trì phối hợp với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh thực hiện các công việc sau:

- a) Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc kiểm tra; trường hợp kiểm tra đột xuất việc thu thập thông tin, tài liệu được thực hiện trước hoặc sau khi có quyết định kiểm tra;
- b) Đề xuất thành viên của đoàn kiểm tra có sự tham gia của phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh phối hợp (nếu cần thiết);
- c) Trình Giám đốc Chi nhánh phê duyệt quyết định kiểm tra;
- d) Trưởng đoàn kiểm tra phê duyệt kế hoạch kiểm tra chi tiết sau khi quyết định kiểm tra được phê duyệt; trường hợp cuộc kiểm tra có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều bộ phận được kiểm tra hoặc theo yêu cầu kiểm tra đột xuất, trưởng đoàn kiểm tra xem xét, quyết định trình kế hoạch kiểm tra chi tiết để Giám đốc Chi nhánh phê duyệt;
- đ) Xây dựng đề cương báo cáo để làm cơ sở cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra lập báo cáo về hoạt động lựa chọn nhà thầu cần kiểm tra;
- e) Thông báo bằng văn bản kèm theo kế hoạch kiểm tra chi tiết và đề cương báo cáo cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận. Văn bản thông báo được gửi cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra trong thời hạn tối thiểu là 10 ngày trước ngày tiến hành kiểm tra.

2. Tổ chức kiểm tra:

- a) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc phó trưởng đoàn kiểm tra được trưởng đoàn ủy quyền công bố quyết định kiểm tra khi bắt đầu tổ chức kiểm tra trực tiếp tại cơ sở Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra;
- b) Đoàn kiểm tra tiến hành thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu được kiểm tra, bao gồm cả các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 106 của QĐMS đối với Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra; lập biểu đánh giá và nhận xét đối với từng nội dung liên quan; kiểm tra, xác minh các thông tin, tài liệu (nếu cần thiết); kiểm tra kết quả thực hiện để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra. Trong quá trình kiểm tra, đoàn kiểm tra có thể trao đổi với Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra và tiến hành kiểm tra thực địa khi cần thiết. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất của cuộc kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra quyết định việc lập biên bản xác nhận nội dung kiểm tra;
- c) Đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở và bàn giao tài liệu, trang thiết bị sử dụng (nếu có) trong quá trình kiểm tra;
- d) Sau khi kết thúc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở, đoàn kiểm tra xây dựng dự

107

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



thảo biên bản kiểm tra trình trưởng đoàn kiểm tra xem xét, quyết định trước khi gửi cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra có ý kiến;

đ) Trên cơ sở dự thảo biên bản kiểm tra, ý kiến tiếp thu giải trình của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra, đoàn kiểm tra có trách nhiệm hoàn thiện biên bản kiểm tra.

3. Kết luận kiểm tra:

a) Trên cơ sở biên bản kiểm tra, đoàn kiểm tra dự thảo kết luận kiểm tra đề trình Giám đốc Chi nhánh xem xét, phê duyệt. Kết luận kiểm tra phải đưa ra biện pháp xử lý đối với hành vi vi phạm quy định về lựa chọn nhà thầu theo QĐMS;

b) Kết luận kiểm tra được gửi cho Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra và các bộ phận có liên quan (nếu cần thiết). Đồng thời, báo cáo PVN toàn bộ kết luận kiểm tra chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có Kết luận kiểm tra.

4. Theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra:

a) Giám đốc Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra và có báo cáo về tình hình thực hiện kết luận kiểm tra gửi Cơ quan Chi nhánh thời hạn quy định tại kết luận kiểm tra. Báo cáo bao gồm các nội dung sau: biện pháp khắc phục những tồn tại, sai sót nêu trong kết luận kiểm tra; biện pháp chấn chỉnh hoạt động lựa chọn nhà thầu; việc xử lý trách nhiệm của ban lãnh đạo, phòng/phân xưởng thuộc Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận theo kiến nghị của đoàn kiểm tra (nếu có);

b) Việc theo dõi thực hiện kết luận kiểm tra được thực hiện thông qua báo cáo theo quy định tại điểm a khoản này. Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra và cá nhân, bộ phận liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận kiểm tra nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của QĐMS.

Điều 104. Quy trình kiểm tra theo phương thức báo cáo bằng văn bản

1. Chuẩn bị kiểm tra:

Phòng TM chủ trì cùng các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc đoàn kiểm tra do Giám đốc Chi nhánh thành lập yêu cầu Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện trách nhiệm quản lý về lựa chọn nhà thầu hoặc tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu gồm các nội dung sau:

- Mục đích, yêu cầu báo cáo;
- Phạm vi và nội dung báo cáo;
- Đề cương yêu cầu báo cáo;
- Thời hạn nộp báo cáo của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra;
- Trách nhiệm của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra;
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Tổ chức kiểm tra:

- Căn cứ báo cáo của Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra,

108

Văn bản được tải lên hệ thống e-office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



Phòng TM chủ trì cùng các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc đoàn kiểm tra thực hiện thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các thông tin, bao gồm cả các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 106 của QĐMS đối với Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra; tài liệu liên quan đến nội dung yêu cầu báo cáo; tiến hành xác minh các thông tin, tài liệu khi cần thiết; trong quá trình kiểm tra, Phòng TM chủ trì cùng các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc đoàn kiểm tra có thể trao đổi với Nhà máy điện, cá nhân, bộ phận được kiểm tra (nếu cần thiết);

b) Phòng TM chủ trì cùng các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh hoặc đoàn kiểm tra tổ chức xây dựng dự thảo biên bản kiểm tra trong đó đề xuất biện pháp xử lý đối với các vấn đề phát hiện được trong quá trình kiểm tra.

3. Kết luận kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kết luận kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 103 của QĐMS.

Mục 2

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 105. Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu của Giám đốc Chi nhánh

1. Giám đốc Chi nhánh giao cá nhân hoặc Phòng TM chủ trì cùng với các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện việc giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với gói thầu do Giám đốc Nhà máy điện hoặc Giám đốc Chi nhánh thực hiện trách nhiệm người có thẩm quyền theo phân cấp, ủy quyền tại Điều 85, 86 của QĐMS.

2. Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu của Giám đốc Chi nhánh:

a) Chuẩn bị giám sát: xác định gói thầu cần giám sát trong kế hoạch tổng thể mua sắm; thông báo cho Giám đốc Nhà máy điện hoặc TCG (đối với các gói thầu Giám đốc Chi nhánh thực hiện trách nhiệm người có thẩm quyền) về cá nhân, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh thực hiện giám sát, nội dung giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu. Cá nhân hoặc phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện việc giám sát phải được công khai trong HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC;

b) Thực hiện giám sát: cá nhân, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện giám sát trao đổi trực tiếp, lập biên bản làm việc hoặc yêu cầu Giám đốc Nhà máy điện, TCG báo cáo bằng văn bản về các nội dung giám sát. Giám đốc Nhà máy điện, TCG có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh thực hiện giám sát;

c) Báo cáo kết quả giám sát: cá nhân, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh theo chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo kịp thời bằng văn bản đến Giám đốc Chi nhánh khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định

109

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



của QĐMS để có biện pháp xử lý thích hợp, bảo đảm hiệu quả của quá trình lựa chọn nhà thầu.

3. Trách nhiệm của cá nhân, phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu:

- a) Trung thực, khách quan; không gây phiền hà cho Nhà máy điện, TCG trong quá trình giám sát;
- b) Yêu cầu Giám đốc Nhà máy điện, TCG cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ quá trình giám sát;
- c) Tiếp nhận thông tin phản ánh của nhà thầu và các tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu đang thực hiện giám sát;
- d) Bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 14 của QĐMS;
- đ) Chịu trách nhiệm về kết quả giám sát của mình;
- e) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Giám đốc Chi nhánh.

Điều 106. Giám sát thường xuyên hoạt động lựa chọn nhà thầu của Cơ quan Chi nhánh

1. Việc giám sát thường xuyên hoạt động lựa chọn nhà thầu của Cơ quan Chi nhánh được thực hiện khi phát hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu có dấu hiệu không bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo thông tin được tổng hợp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan, bao gồm:

- a) TCG không trả lời yêu cầu làm rõ HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, không trả lời kiến nghị của nhà thầu;
- b) TCG vi phạm quy định về cung cấp và đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 6 và Điều 8 của QĐMS;
- c) Nhà máy điện có số lượng trung bình nhà thầu tham gia ĐTRR, ĐTHC, CHCT thấp;
- d) Nhà máy điện có nhiều gói thầu có kiến nghị của nhà thầu, tổ chức, cá nhân liên quan;
- đ) Các thông tin khác có liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả tổng hợp các nội dung, thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Chi nhánh kịp thời thực hiện các biện pháp sau:

- a) Chấn chỉnh hoạt động lựa chọn nhà thầu thuộc phân cấp, ủy quyền của Giám đốc Nhà máy điện hoặc TCG đối với các gói thầu mà Giám đốc Chi nhánh thực hiện trách nhiệm người có thẩm quyền;
- b) Báo cáo Giám đốc Chi nhánh xem xét, xử lý Giám đốc Nhà máy điện, TCG, cá nhân có hành vi vi phạm (nếu có).

110

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

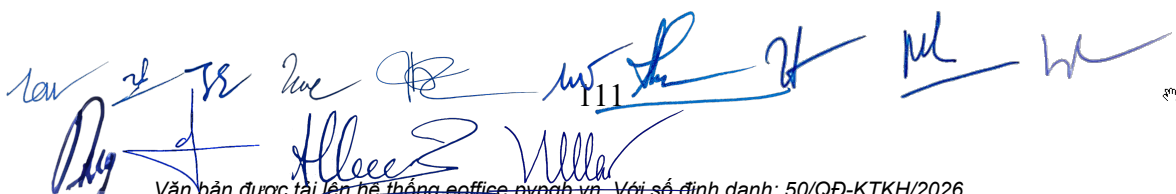


Mục 3

CÁC HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 107. Các hành vi bị cấm trong lựa chọn nhà thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDT hoặc rút HSDT để một bên trúng thầu;
 - b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
 - c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được chủ đầu tư yêu cầu làm rõ HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà thầu;
 - b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDST, HSDT, HSDX nhằm làm sai lệch KQLCNT.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, TCG, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
 - c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu;
 - d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu;
 - đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.
6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm chủ đầu tư, TCG hoặc thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, TCG không đúng quy định của QĐMS;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá HSDST, HSDT, HSDX đồng thời tham gia thẩm định KQLCNT đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư, TCG trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia TTĐ KQLCNT hoặc là người có thẩm quyền đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình (có cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của mình, của vợ/chồng mình) đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC; đánh giá HSDST, HSDT, HSDX; kiểm định hàng hóa; thẩm định KQLCNT; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu do Chi nhánh tổ chức lựa chọn nhà thầu là nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại Chi nhánh;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

i) Chia nhỏ dự toán mua sắm thành các gói thầu nhằm mục đích chỉ định thầu; chia dự toán mua sắm nhằm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 8 Điều 87, khoản 10 Điều 88, khoản 4 Điều 89, khoản 2 Điều 90 của QĐMS, bao gồm:

a) Nội dung HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC trước thời điểm phát hành theo quy định;

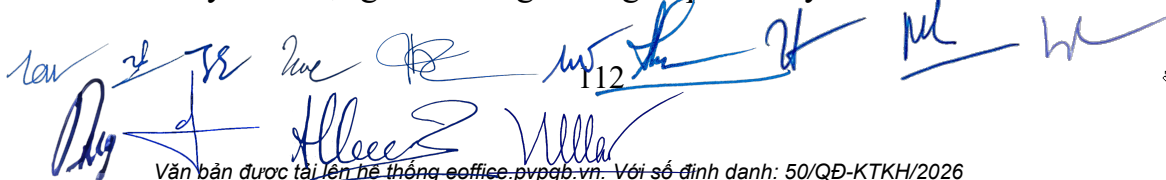
b) Nội dung HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; nội dung yêu cầu làm rõ HSQT, HSDST, HSDT, HSDX của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSQT, HSDST, HSDT, HSDX; báo cáo của TCG, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSQT, HSDST, HSDT, HSDX trước khi được công khai theo quy định;

c) KQLCNT trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

112



a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDST, HSDT, HSDX mà không được người có thẩm quyền chấp thuận;

c) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Người có thẩm quyền chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi chưa xác định được nguồn vốn, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 33a của QĐMS.

Điều 108. Xử lý vi phạm

1. Thời gian cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, bao gồm cả cá nhân thuộc chủ đầu tư, TCG:

a) Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 4 và điểm a khoản 3 Điều 107 của QĐMS;

b) Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu từ 01 năm đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm điểm b, điểm c khoản 3; khoản 5; điểm g, i khoản 6; khoản 8; khoản 9 Điều 107 của QĐMS;

c) Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu từ 06 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 6 và khoản 7 Điều 107 của QĐMS;

Đối với nhà thầu liên danh, việc cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu áp dụng với tất cả thành viên liên danh khi một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS, trừ trường hợp: thành viên liên danh vi phạm quy định tại điểm c khoản 3, khoản 4, các điểm b, c, d, đ khoản 5, các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 6, khoản 7, điểm a, điểm b khoản 8 Điều 107 của QĐMS thì chỉ cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với thành viên đó mà không cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với các thành viên còn lại.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thuộc cùng phạm vi quản lý của người có thẩm quyền và các hành vi này chưa bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu thì người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu với thời gian cấm được xác định bằng tổng thời gian cấm của các hành vi vi phạm nhưng tối đa không quá 05 năm.

3. Thời hiệu áp dụng biện pháp cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều này là 10 năm tính từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.

113

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



4. Giám đốc Chi nhánh xem xét, ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được một trong các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị của Nhà máy điện và/hoặc của Phòng TM kèm theo các tài liệu chứng minh hành vi vi phạm;
- b) Kiến nghị tại kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra, kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước;
- c) Kết quả giải quyết kiến nghị của hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị;
- d) Các văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó xác định hành vi vi phạm.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Giám đốc Chi nhánh cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Quyết định cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh.

7. Quyết định cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà thầu bao gồm các nội dung:

- a) Tên Giám đốc Chi nhánh;
- b) Tên bộ phận, cá nhân vi phạm;
- c) Thời gian cấm bao gồm: thời gian cấm đối với hành vi vi phạm (nội dung vi phạm, căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm); thời gian cấm đối với hành vi vi phạm tiếp theo (nếu có); tổng thời gian cấm;
- d) Phạm vi cấm;
- đ) Hiệu lực thi hành: ngày có hiệu lực và ngày kết thúc hiệu lực.

8. Thành viên TCG, TTĐ có hành vi vi phạm quy định tại Điều 107 của QĐMS bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này và bị thu hồi chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lựa chọn nhà thầu theo QĐMS.

CHƯƠNG XIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 109. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

1. Quyết định này bao gồm 13 Chương và 113 Điều kèm theo 37 biểu mẫu hồ sơ thầu, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2026.

“Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; các biểu mẫu hồ sơ thầu của Chi nhánh Phát điện Dầu khí – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam” phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này thay thế “Quy định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; các biểu mẫu hồ sơ thầu của Chi nhánh Phát điện Dầu khí” phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/05/2024 và Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Giám đốc Chi nhánh.

114

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



2. Xử lý chuyển tiếp: Các gói thầu mà có HSMST, HSMQT, HSMT, HSYC được phê duyệt trước ngày quyết định này có hiệu lực thì thực hiện lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 900/QĐ-CNPĐ ngày 30/05/2024 và Quyết định số 100/QĐ-CNPĐ ngày 20/01/2025 của Giám đốc Chi nhánh.

3. Người được phân cấp, ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung, phạm vi, thời hạn được phân cấp, ủy quyền đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Chi nhánh, QĐMS và quy định của PVN.

4. Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhà máy điện chỉ đạo, tổ chức:

a) Báo cáo liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu định kỳ/đợt xuất theo quy định của PVN và/hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Định kỳ tháng/quý/năm hoặc đợt xuất, Nhà máy điện phải gửi báo cáo về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định của Chi nhánh và/hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để Chi nhánh theo dõi, giám sát quá trình thực hiện theo mẫu biểu và quy định của Chi nhánh ban hành hoặc biểu mẫu do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

b) Giám đốc Nhà máy điện có trách nhiệm sao gửi Chi nhánh các quyết định phê duyệt, văn bản chấp thuận về các nội dung được phân cấp, ủy quyền trong vòng 07 ngày kể từ ngày ban hành để Cơ quan Chi nhánh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung được phân cấp, ủy quyền theo QĐMS;

c) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu của Chi nhánh, kịp thời cung cấp hồ sơ, tài liệu và giải trình các nội dung theo yêu cầu của Giám đốc Chi nhánh và/hoặc PVN và/hoặc của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Cơ quan Chi nhánh, PVN, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu tại Chi nhánh, báo cáo và cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu, bố trí nhân sự theo yêu cầu để làm việc với các đoàn kiểm tra của Cơ quan Chi nhánh, PVN, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm đảm bảo công tác kiểm tra đạt chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

5. Phòng TM có trách nhiệm:

a) Trong quá trình thực hiện nếu có những điểm chưa phù hợp, các phòng/ban chuyên môn của Chi nhánh, Nhà máy điện cần phản ánh kịp thời bằng văn bản về Phòng TM để trình Giám đốc Chi nhánh bổ sung hoặc sửa đổi QĐMS cho phù hợp. Việc sửa đổi nội dung QĐMS chỉ có hiệu lực sau khi có sự phê duyệt bằng văn bản của Giám đốc Chi nhánh;

b) Phòng TM của Chi nhánh chịu trách nhiệm quản lý tài khoản tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Chi nhánh, email xác thực, nộp phí đăng ký/gia hạn tài khoản hệ thống, chứng thư số;

c) Phòng TM của Chi nhánh chịu trách nhiệm quản lý chứng thư số, tài khoản nghiệp vụ được cấp.

d) Phòng TM chủ trì tổng hợp báo cáo công tác thương mại của Chi nhánh.

115

Văn bản được tải lên hệ thống office.pvnpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026



PHỤ LỤC 1

LƯU ĐỒ THỰC HIỆN CÁC BƯỚC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

TT	Các bước thực hiện	Bộ phận thực hiện (Điều 31, 32, 33)
1	Xây dựng kế hoạch tổng thể mua sắm, đơn hàng và KHMS	
1	Lập và trình kế hoạch tổng thể mua sắm của Chi nhánh	Giám đốc Nhà máy điện (đối với các gói thầu của riêng Nhà máy điện), Phòng chuyên môn của Chi nhánh/Tổ (đối với các gói thầu phục vụ hoạt động của CQCN và các gói thầu phục vụ chung toàn Chi nhánh)
2	Phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm	Giám đốc Chi nhánh
3	Đề xuất nhu cầu mua sắm	BPDx
4	Lập, trình phê duyệt Phạm vi công việc đơn hàng	Phòng KTATMT hoặc Phòng/phân xưởng nếu được giao nhiệm vụ
5	Phê duyệt/chấp thuận PVCV đơn hàng	Giám đốc/Phó GD phụ trách nếu được phân công
6	Lập, trình phê duyệt đơn hàng	BPLDH
7	Thành lập TTD (nếu có yêu cầu)	Giám đốc
8	Thẩm định đơn hàng (nếu có yêu cầu)	TTD/BPTD
9	Phê duyệt đơn hàng	Người có thẩm quyền
10	Thành lập TCG (nếu có yêu cầu)	Giám đốc
11	Lập, trình phê duyệt KHMS	TCG/BPMS



12	Thẩm định KHMS (nếu có yêu cầu)	TTD/BPTD										☞
13	Phê duyệt KHMS	Người có thẩm quyền										
14	Công khai KHMS	TCG/BPMS										
II	Chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu	Bộ phận thực hiện										
		DTRR (Đ 34 đến Đ 58)	DTHC (Đ 34 đến Đ 58)	CHCT (Đ 60)	CGTT RG (Đ 61a)	CDTTT (Đ 62)	CDT RG (Đ 63)	MSTT (Đ 64)	LCNT KHDK (Đ 67)	CG NTDK HDK (Đ 68)	MSNL (Đ 70)	LCNT CA (Đ 59)
1	Lựa chọn nhà thầu trong danh sách ngắn/nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu/nhà thầu được đề nghị thực hiện trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt		TCG/ BPMS			TCG/ BPMS	BPLĐ H (đối với khoảng 3 Điều 63). Còn lại là TCG/ BPMS				TCG/ BPMS	
2	Lập, trình phê duyệt HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, Điều khoản tham chiếu, Thông báo mời thầu	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	BPMS/ TCG	TCG/ BPMS		TCG/ BPMS	TCG/ BPMS			TCG/ BPMS
3	Thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC	TTD/ BPTD	TTD/ BPTD	TTD/ BPTD		TTD/ BPTD			TTD/ BPTD			
4	Phê duyệt HMQT, HSMST, HSMT, HSYC, Điều khoản tham chiếu, Thông báo mời thầu...	Người có thẩm quyền										
III	Tổ chức lựa chọn nhà thầu, Đánh giá, thương thảo, phê duyệt											Người có thẩm quyền



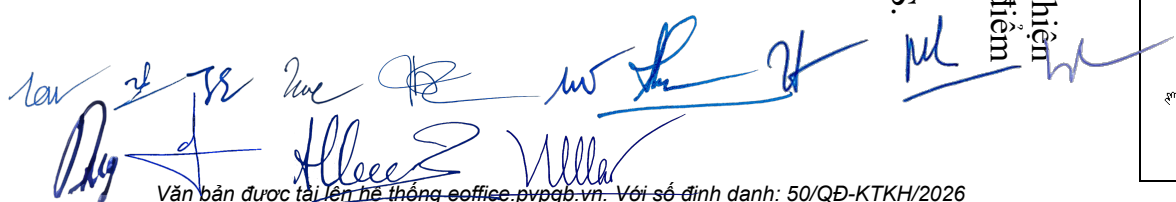
	KQLCNT, ký kết hợp đồng													
1	Đăng tải TBMQT, TBMST, TBMT và phát hành, trả lời làm rõ, sửa đổi HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, điều khoản tham chiếu, phát hành Thư mời chào giá	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS		TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS		TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	TCG/ BPMS	
2	Tiếp nhận, mở thầu, đánh giá, làm rõ HSQT, HSDST, HSDT, HSDX xếp hạng (nếu có), hồ sơ lý lịch khoa học												TCG/ BPMS	
3	Gửi dự thảo hợp đồng /thương thảo hợp đồng (nếu có)						TCG/ BPMS chủ trì phối hợp với BPLD H/ BPDH nếu cần						TCG/ BPMS	
4	Trình đề nghị phê duyệt KQLCNT kèm theo Báo cáo đánh giá						TCG/ BPMS						TCG/ BPMS	
5	Thẩm định KQLCNT	TTD/BP TD	TTD/BP TD	TTD/BPTD	TTD/ BPTD				TTD/ BPTD				TCG/ BPMS	
6	Phê duyệt KQLCNT	Người có thẩm quyền												
7	Công khai KQLCNT													
8	Hoàn thiện hợp đồng, trình người có thẩm quyền ký kết hợp đồng													



9	Ký kết hợp đồng	Người có thẩm quyền
---	-----------------	---------------------

Ghi chú:

1. Đối với các gói thầu tại điểm e khoản 2 Điều 31 của QDMS: Tối thiểu 3 tháng trước thời điểm dự kiến hết thời gian thực hiện hợp đồng hoặc hết khối lượng hàng hóa, dịch vụ Giám đốc Nhà máy điện chịu trách nhiệm trình phạm vi công việc, thời điểm cần sử dụng hàng hóa, dịch vụ lên Giám đốc Chi nhánh để triển khai mua sắm.
2. Trường hợp nội dung bảng này có mâu thuẫn với nội dung các Điều trong QDMS thì ưu tiên áp dụng các Điều trong QDMS.





PHỤ LỤC 02

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Chuyên đề 1: Nguyên tắc của lựa chọn nhà thầu theo QĐMS

II. Chuyên đề 2: Quy định chung trong lựa chọn nhà thầu

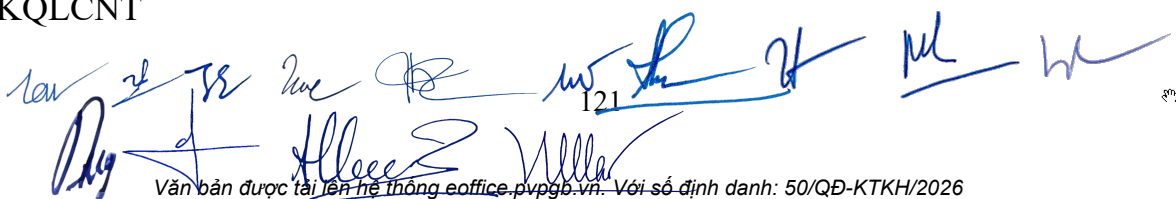
1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu
3. Cung cấp và đăng tải thông tin trong lựa chọn nhà thầu
4. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu
5. Các hành vi bị cấm trong lựa chọn nhà thầu và xử lý vi phạm
6. Trách nhiệm của các bên trong hoạt động lựa chọn nhà thầu

III. Chuyên đề 3: Kế hoạch tổng thể mua sắm, đơn hàng và KHMS

1. Nguyên tắc lập kế hoạch tổng thể mua sắm, đơn hàng, KHMS
2. Kỹ năng lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể mua sắm
3. Kỹ năng lập, thẩm định, phê duyệt đơn hàng, KHMS
4. Bài tập về kế hoạch tổng thể mua sắm, đơn hàng, KHMS

IV. Chuyên đề 4: Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu không qua mạng

1. Đối với ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa:
 - a) Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ
 - b) Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ
2. Quy trình ĐTRR, ĐTHC đối với gói thầu dịch vụ tư vấn
3. Đối với chào hàng cạnh tranh
- 4a. Đối với Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn
4. Đối với chỉ định thầu
5. Đối với mua sắm trực tiếp
6. Đối với lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt
7. Đối với lựa chọn nhà thầu để ký hợp đồng khung
8. Chào giá giữa các Nhà thầu đã ký hợp đồng khung
10. Mua sắm nhỏ lẻ
12. Mua sắm nhiên liệu (than, dầu), đá vôi, bảo hiểm mọi rủi ro tài sản
13. Bài tập thực hành về kỹ năng lập, thẩm định HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, đăng tải thông tin lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và/hoặc trang web chính thức của Chi nhánh, đánh giá HSDST, HSDT, HSĐX, thẩm định KQLCNT

VI. Chuyên đề 5: Hợp đồng

1. Các loại hợp đồng
2. Hợp đồng với Nhà thầu trúng thầu
3. Sửa đổi hợp đồng
4. Tạm ứng hợp đồng, nguyên tắc thanh toán đối với các loại hợp đồng
5. Thanh lý hợp đồng
6. Bài tập thực hành

VII. Chuyên đề 6: Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu

1. Các quy định về xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu
2. Nguyên tắc xử lý tình huống trong lựa chọn nhà thầu
3. Bài tập thực hành

IX. Chuyên đề 7. Phân cấp, ủy quyền trong lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh
2. Trách nhiệm của Giám đốc Nhà máy điện
3. Trách nhiệm của người có thẩm quyền
4. Trách nhiệm của tổ chuyên gia
5. Trách nhiệm của tổ thẩm định
6. Trách nhiệm của nhà thầu
7. Trách nhiệm của bộ phận lập đơn hàng
8. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện mua sắm
9. Trách nhiệm của bộ phận thực hiện thẩm định
10. Trách nhiệm của bộ phận đề xuất

X. Chuyên đề 8: Xử lý kiến nghị, kiểm tra, giám sát trong lựa chọn nhà thầu

1. Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị
2. Quy trình giải quyết kiến nghị về lựa chọn nhà thầu
3. Kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu
4. Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu



122

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

PHỤ LỤC 03
TRÁCH NHIỆM CỦA BPLDH (ĐIỀU 91), BPMS (ĐIỀU 92), BPTĐ (ĐIỀU 92a), BPDx (ĐIỀU 93) ĐƯỢC TỔNG HỢP NHƯ DƯỚI DÂY

Các hạng mục/gói thầu					
STT	Trách nhiệm thực hiện	Gói thầu/hạng mục trong KHTTMS của Nhà máy điện do CQCN thực hiện mua sắm	Các gói thầu/hạng mục trong KHTTMS của Nhà máy điện phân cấp cho Nhà máy thực hiện mua sắm	Các hạng mục/gói thầu mua hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực của Phòng quản lý hoặc được GBCN/GDNM phân công	Các hạng mục/gói thầu mua hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực đào tạo, hội nghị, hội thảo, mua sắm vật tư văn phòng phẩm, các hàng hóa, dịch vụ khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Chi nhánh, tin học văn phòng, chuyển đổi số và các hạng mục công việc khác do GBCN/GD NMD giao
1	BPDx	Nhà máy điện (*)	KTATMT hoặc các Phòng/Phân xưởng khác theo phân công của Người có thẩm quyền.	Phòng thuộc CQCN hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	TCHC hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền
2	BPLDH	TM, KTATMT thuộc CQCN	TM, KTATMT hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	Phòng thuộc CQCN hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	TCHC hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền
3	BPMS	TM, KTATMT, TCKT thuộc	TM, KTATMT, KHTC hoặc	Phòng thuộc CQCN hoặc	Phòng thuộc CQCN hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có



		CQCN	Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền (**)	thẩm quyền (**)
4	BPTD	KTKH, KTATMT, TCKT hoặc phòng khác thuộc CQCN được Giám đốc Chi nhánh giao	KHTC, KTATMT hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	Phòng thuộc CQCN hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền	Phòng thuộc CQCN hoặc Phòng/Phân xưởng theo phân công của người có thẩm quyền

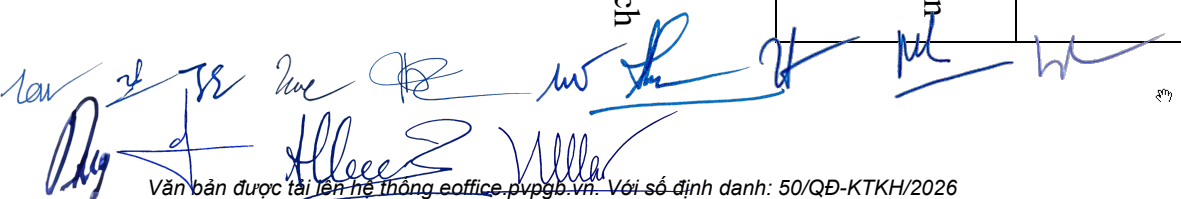
Ghi chú:

(*) Nhà máy điện chịu trách nhiệm lập và trình Giám đốc Chi nhánh phạm vi công việc và thời gian cần sử dụng các hàng hóa, dịch vụ;

(**) Phòng TM/TCHC hoặc phòng/phân xưởng khác được Giám đốc Chi nhánh giao nhiệm vụ thực hiện trách nhiệm của BPMS đối với các gói thầu thuộc lĩnh vực do Phòng quản lý nếu không thành lập TCG.

Trường hợp nội dung bảng này có mâu thuẫn với nội dung các Điều trong QDMS thì ưu tiên áp dụng các Điều trong QDMS.

6



Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvppg.vn. Với số định danh: 50/QĐ-KTKH/2026

